Số 70 - Năm thứ 7 -Tháng 04.94

ISSN 1145-9557

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Vấn đề trong tháng

Chính quyền cộng sản bắt giam ông Nguyễn Hộ

Ngày 7-3-1994, công an Sài Gòn đã đến nhà ông Nguyễn Hộ đọc quyết định của chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Trương Tấn Sang "tạm quản chế công dân Nguyễn Văn Hộ" trong thời hạn một năm. Sau đó ông Nguyễn Hộ, tên thật là Nguyễn Văn Hộ, đã bị bắt đem đi. Qua liên lạc điện thoại, gia đình ông Nguyễn Hộ cho hay hiện nay họ không biết ông bị giam giữ ở đâu. Cụm từ "tạm quản chế" là một sự lạm dụng từ ngữ chỉ có mục đích cho phép chính quyền cộng sản bắt giam mà không cần xét xử. Trên thực tế, ông Nguyễn Hộ bị bắt giam vì theo quyết định nói trên ông bị mất quyền công dân và không được tiếp xúc với thân nhân. Theo nguồn tin của Thông tấn xã Pháp (AFP), hai người khác thuộc Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ mà ông Nguyễn Hộ là một sáng lập viên cũng bị bắt. Danh tính những người này chưa được tiết lộ.

Ông Nguyễn Hộ sinh ngày 1-5-1916, năm nay 78 tuổi, là một đảng viên cộng sản từ 1937. Mặc dầu chỉ học được một nửa chương trình tiểu học, nhờ tự học và kinh nghiệm tranh đấu, ông đã đạt tới một trình độ lý luận và hiểu biết đáng kể. Ông cũng đã giữ nhiều chức vụ quan trọng trong hệ thống đảng và nhà nước cộng sản, từng làm phó chỉ huy quân sự đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn hồi 1950-1952, ủy viên thường vụ thành ủy Sài Gòn, phó chủ tịch Tổng Công Đoàn, v.v... Ông là một nhân vật có vai vế và có uy tín trong đảng. Uy tín của ông không phải chỉ do các chức vụ ông đã giữ mà còn do tư cách cá nhân của ông. Nguyễn Hộ được sự kính trọng của những người biết ông.

Tên tuổi ông đột nhiên vang lừng cuối năm 1987 khi ông vừa nghỉ hưu và thành lập Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ. Tờ Truyền Thống Kháng Chiến tuy chỉ ra được hai số trong những điều kiện hết sức ngặt nghèo nhưng đã có hiệu ứng của một trái bom. Nó đã nói lên tiếng nói của lương tâm những người cộng sản thực sự yêu nước. Ngay sau đó Truyền Thống Kháng Chiến bị đóng cửa, bốn thành viên đắc lực của Câu Lạc Bộ là Hồ Hiếu, Tạ Bá Tòng, Đỗ Trung Hiếu, Lê Đình Mạnh bị bắt giam. Chính quyền cộng sản đã mua chuộc được, với giá hậu, các thành viên quan trọng khác của Câu Lạc Bộ như thượng tướng Trần Văn Trà, nhà lý luận Trần Bạch Đằng để lập lại một Câu Lạc Bộ Kháng Chiến hữu danh vô thực khác. Ông Trần Văn Trà, chẳng hạn, được cấp một biệt thự lớn trên đường Pasteur mà hiện nay ông cho người ngoại quốc thuê với lợi tức 5.000 USD (tức 55 triệu đồng Việt Nam) mỗi tháng. Nguyễn Hộ đã từ chối sự mua chuộc đó, ông tuyên bố đoạn tuyệt với đảng, bỏ về vùng quê Phú Giáo, dựng một chòi để ở và hằng ngày bơi xuồng, lội ruộng hái rau má, rau đắng mà ăn. Tại đây, có lần ông Võ Văn Kiệt đến tận nơi dụ dỗ ông một lần nữa. Ông khẳng khái khước từ. Sau đó ông bị bắt giam và bị quản chế tại gia cho tới nay.

Cái gì đã khiến ông Nguyễn Hộ bị bắt lần này?

Ông đã cho lưu hành một tài liệu dài 50 trang đánh máy với tựa đề "Quan Điểm và Cuộc Sống", trong đó ông tuyên bố dứt khoát ly khai với cả đảng cộng sản lẫn chủ nghĩa Mác-Lênin, dứt khoát đề nghị xây dựng một thể chế dân chủ đa nguyên trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, và hơn thế nữa, còn đưa ra những tiết lộ quan trọng về tội ác của đảng cộng sản trong quá khứ và trong thời gian gần đây.

"Quan Điểm và Cuộc Sống" không phải là một tiếng nói phản kháng thêm vào những tiếng nói đã có, nó là tiếng nói mới và khác. Cho đến nay những trí thức cộng sản tiến bộ, phần lớn đều vẫn còn biểu lộ một sự ràng buộc nào đó với chủ nghĩa xã hội, với đảng cộng sản, với chủ tịch Hồ Chí Minh. Họ phản kháng ban

Trong số này

1. *Vấn đề trong tháng*	**Thông Luận**
3. *Chính trị quốc tế:*	
Văn hoá và phát triển	**Huỳnh Hùng**
4. Giải tư xí nghiệp quốc doanh	**Lê văn Đằng**
8. Đất nước và chủ nghĩa	**Trần bình Nam**
10. Trung Cộng thách thức Mỹ	**Phùng Nguyên**
12. "Quan điểm và cuộc sống"	**Nguyễn Hộ**
16. Thư gửi ông Đặng xuân Kỳ	**Trần minh Thảo**
21. Họp thân hữu Thông Luận	**Võ xuân Minh**
22. Nhớ cố hương xao xuyến tấc lòng	**Đặng Tiến**
23. Thư gửi báo Thanh Niên	**Vương hồng Sển**
24. Đọc sách	**Nguyễn hữu Thành**
25. Nội dung hai quyết định...	**Trần Thanh Hiệp**
25. *Thời sự - Tin tức*	
31. *Độc giả viết*	
32. *Sổ tay:* Enjeu	**Phù Du**

lãnh đạo chứ không, hay chưa, phủ nhận đảng. Họ đề nghị nên thích nghi với thời đại mới chứ không đoạn tuyệt hẳn với chủ nghĩa Mác Lênin, họ kêu gọi đảng thi hành một số biện pháp dân chủ hóa chứ không dứt khoát đòi dân chủ đa nguyên toàn bộ. Thái độ của Nguyễn Hộ khác hẳn. Đó là thái độ quả quyết của một con người bộc trực và quả cảm, dám nói thẳng, nói thực, nói hết những gì mình muốn nói. Có thể nói Nguyễn Hộ hơn hẳn những người khác không? Điều quan trọng là thành tâm và hướng nhìn. Lập trường nào cũng đáng kính trọng cả nếu thực sự là tiếng nói của lương tâm. Nhưng dù sao những người dân chủ Việt Nam cũng sẽ cảm thấy gần gũi với Nguyễn Hộ hơn.

Tuy nhiên, lý do thực sự đã khiến đảng cộng sản phản ứng một cách lập tức và thẳng tay đối với Nguyễn Hộ có lẽ là do hai tiết lộ quan trọng trong tài liệu.

Tiết lộ thứ nhất là việc đảng cộng sản đã tàn sát tập thể đồng bào Cao Đài tại Củ Chi chỉ vì lý do duy nhất là họ có đạo. Vào thời điểm đó, Nguyễn Hộ là chỉ huy phó quân sự đặc khu Sài Gòn (bao gồm Củ Chi) nên ông phải biết rõ vụ thảm sát này. Điều ông nói phải được coi là đúng. Nguyễn Hộ phải biết rằng nói ra điều này sẽ vô cùng nguy hiểm cho bản thân ông, nhưng ông vẫn nói ra. Phải chăng là vì, với tư cách chỉ huy phó đặc khu, chính ông cũng tự cảm thấy có trách nhiệm và không còn giữ nổi im lặng trước một tội ác như thế vào lúc này, khi ông đã từ bỏ tất cả để sống thực với lương tâm mình?

Tiết lộ thứ hai là về những sự kiện và chỉ dấu, mặc dù Nguyễn Hộ không quả quyết là như vậy, có thể khiến người ta hiểu rằng các tướng Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, Đinh Đức Thiện, Phan Bình đã bị nhóm cầm quyền đảng cộng sản giết chứ không phải đã chết một cách bình thường hay vì chẳng may bị tai nạn. Tiết lộ này chắc chắn sẽ gây một xúc động lớn trong hàng ngũ đảng viên và nhất là quân đội.

Số phận Nguyễn Hộ rồi đây sẽ ra sao? Ở cái tuổi 78, án tù một năm cũng gần như một án tù chung thân. Không thể chờ đợi một sự nương tay nào của chính quyền cộng sản cả. Trước đây, chỉ mới từ chối sự dụ dỗ của Võ Văn Kiệt mà ông đã bị bắt và hành hạ một cách thô bạo thì lần này, sau những gì ông vừa làm, người ta còn tàn nhẫn với ông đến thế nào nữa. Dù tuổi ông đã cao, vốn thời gian của ông chẳng còn bao nhiêu nhưng hy vọng rằng Nguyễn Hộ sẽ không ngã gục. Đất nước này vẫn cần những con người như ông, dân tộc này cần được hãnh diện có những con người như Nguyễn Hộ.

Nguyễn Hộ trong 54 năm đã là một người cộng sản, đã tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa Mác-Lênin. Đó không phải là một tội. Mọi người Việt Nam phải được nhìn nhận có quyền yêu nước theo chọn lựa của mình. Điều đáng tiếc, có chăng, là ở chỗ trong nhiều năm Nguyễn Hộ đã đồng ý với đảng cộng sản rằng yêu nước là yêu chủ nghĩa Mác-Lênin và đã không nhìn nhận một quyền yêu nước nào khác. Về điểm này ông đã lầm. Nhưng khi nhận ra mình lầm lẫn, ông đã hành động như một người có danh dự. Trong cuộc đời có ai không lầm? Nhưng khi nhận ra sai lầm của mình thì có bao nhiêu người có được sự lương thiện và dũng cảm của Nguyễn Hộ? Trường hợp Nguyễn Hộ nhắc lại với mọi người rằng có rất nhiều người đã từng là cộng sản rất trung kiên trong một thời gian rất dài mà đồng thời cũng là những người rất đáng quí trọng.

Bênh vực Nguyễn Hộ, làm tất cả những gì có thể làm cho Nguyễn Hộ là một bổn phận hiển nhiên của tất cả những ai đứng về phía dân chủ và nhân quyền, của những người tôn trọng lẽ phải, của mọi người Việt Nam yêu nước.

Phải nghĩ gì về phản ứng của đảng cộng sản?

Trước hết là một sự hung bạo vô ích. Với các phương tiện truyền thông hiện đại ngày nay còn có gì có thể bưng bít được? Tài liệu của Nguyễn Hộ cuối cùng vẫn đến được với mọi người. Bắt giam ông chỉ làm cho tiếng nói của ông thêm trọng lượng. Mọi sự hung bạo vô ích bao giờ cũng tai hại. Các đảng viên cộng sản sẽ nghĩ gì về cách đối xử của đảng với một đảng viên đã 78 tuổi, đã có 54 tuổi đảng và hy sinh cả cuộc đời cho đảng? Nhiều người cộng sản ở cấp cao, đã từng biết Nguyễn Hộ và quí mến ông sẽ phải nghĩ gì, nhất là nếu Nguyễn Hộ qua đời trong vòng lao lý? Sự hung bạo không giải quyết được gì cả, nó chỉ để lại cho hàng ngũ đảng cộng sản một vết thương không bao giờ lành được.

Đảng cộng sản không những chỉ hung bạo mà còn vụng về. Những tiết lộ của Nguyễn Hộ thật là khủng khiếp, cần phải được làm sáng tỏ. Nếu những lời tố cáo đó là sai thì tại sao không đem ông ra tòa, buộc ông phải đưa bằng cớ cho những khẳng định ấy. Bắt giam ông một cách vội vã và hốt hoảng là một cách gián tiếp nhìn nhận rằng những điều ghê rợn mà ông nói ra là đúng sự thật.

Sự kiện Nguyễn Hộ chứng tỏ đảng cộng sản Việt Nam đã đi vào một giai đoạn phân rã cấp tính. Những người từ nội bộ đảng đứng lên phản đối càng ngày càng đông và tiếng nói của họ càng ngày càng quyết liệt. Trước đây, phải đợi gần mười năm sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm mới có vụ "xét lại chống đảng" của nhóm Hoàng Minh Chính, và phải đợi tới đợt "cởi trói" 1986 mới có những tiếng nói phản kháng khác, trong đó có Câu Lạc Bộ Kháng Chiến. Nhưng từ một năm qua, mặc dầu những biện pháp hết sức cứng rắn của nhà nước cộng sản, đã có biết bao nhiêu tiếng nói rõ rệt hơn, mạnh dạn hơn. Không tháng nào không có một biến cố tương tự như những biến cố đã gây chấn động trước đây. Và lần này những tiếng nói xuất phát từ nội bộ đảng cộng sản cũng không khác những tiếng nói đối lập từ ngoài đảng, tất cả đều mang một nội dung dân chủ và bao dung. Ta có thể tin mà không sợ sai lầm là chẳng bao lâu những tiếng nói dân chủ sẽ vang lên hàng tuần, hàng ngày. Chính sách đàn áp đang phá sản.

Tài liệu Nguyễn Hộ cũng giải thích tại sao đảng cộng sản lại ngoan cố chống lại trào lưu dân chủ hóa. Những người lãnh đạo cộng sản thừa hiểu rằng chế độ này không thể tiếp tục được, nhưng họ nghĩ là không có chọn lựa nào khác là cố gắng để trụ. Tại sao? Tại vì họ nghĩ rằng nếu có tự do chính trị thì sẽ có hàng trăm hàng ngàn tổ giác khác, còn kinh khủng hơn nữa. Những chuyện vu cáo phản quốc để thủ tiêu, những vụ cải cách điền địa, đánh tư sản, những vụ bắt người trái phép và giết người vẫn còn quá mới. Họ biết rằng khi mọi sự thật được phơi bày thì sự phán quyết của nhân dân đối với đảng cộng sản sẽ rất hiển nhiên. Nhưng làm như đảng cộng sản có giải quyết được gì không, hay chỉ là chạy trốn một hạn kỳ, hạn kỳ dân chủ, đàng nào cũng đến và trên thực tế, đang đến với vận tốc càng ngày càng tăng?

Đảng Cộng Sản Việt Nam không có tương lai, nhưng những người cộng sản Việt Nam vẫn có tất cả tương lai. Nếu những người cộng sản tiến bộ nắm được thế chủ động để tự giải tán đảng và thành lập một đảng xã hội họ vẫn có chỗ đứng. Những người cộng sản phản tỉnh, nếu bỏ đảng và đóng góp tạo dựng một kết hợp dân chủ mới, cũng sẽ được nhân dân tín nhiệm như bất cứ một người dân chủ chân chính nào.

Những người lãnh đạo thủ cựu cộng sản đã làm khi họ nghĩ sẽ có trả thù báo oán nếu có thay đổi. Sự hung bạo của đảng cộng sản có là một bí mật với ai đâu. Nhưng ngày nay trong cuộc chạy đua hụt hơi với thế giới để tiến lên này, còn có người Việt Nam sáng suốt nào có thì giờ để nhìn lại đàng sau?

Thông Luận

Chính trị quốc tế

Văn hóa và phát triển

Cuộc họp lần thứ ba của Ủy hội thế giới về văn hóa và phát triển được tổ chức tại San José, Costa Rica, Nam Mỹ và làm việc đến cuối tháng hai 1994. Tổ chức này được Liên Hiệp Quốc và Unesco đồng thành lập vào năm 1992, do ông Perez de Cuellar, cựu tổng thư ký Liên Hiệp Quốc làm chủ tịch. Đây là một tổ chức độc lập, quy tụ nhiều nhân vật quốc tế nổi tiếng trong số đó có bốn giải Nobel và một cựu nguyên thủ quốc gia, có sứ mệnh soạn thảo phúc trình về những mối tương quan giữa văn hóa và phát triển trên thế giới, một đề tài chưa bao giờ được khai phá một cách khách quan, và nhất là dưới ánh sáng của các tiến bộ khoa học nhân văn và của những siêu kỹ thuật hiện đại trước ngưỡng cửa thiên niên kỷ thứ ba.

Về mặt kinh tế xã hội, thế giới hiện nay đang bị hai hiểm họa đe dọa.

Trước hết là hiểm họa bần cùng và nghèo đói. Bản phúc trình thế giới về sự phát triển nhân loại do tổ chức "Chương trình phát triển của Liên Hiệp Quốc (UNDP, PNUD)" cho biết 20% người giàu nhất nắm trong tay 83% lợi tức thế giới, 20% nghèo nhất chỉ được thụ hưởng 1,4%. Mặc dầu đã có những cố gắng không ngừng của các nước giàu miền Bắc (địa cầu) và những cơ quan quốc tế như Ngân Hàng Thế Giới, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế v.v... giúp đỡ các nước chậm tiến ở miền Nam từ nhiều năm nay, cái hố sâu giữa nghèo và giàu có khuynh hướng càng ngày càng được đào sâu: vào những năm 60, những chỉ số trên vào khoảng 70% và 2,3%. Lý do chính của tình trạng này là những mũi tiêm ngoại tệ, đầu tư ngoại quốc cũng như kỹ thuật tân tiến, chuyên gia... là điều kiện cần chứ không phải là điều kiện đủ để các nước nghèo phát triển và cất cánh. Mô thức phát triển "làm sẵn (clé en main)" đã phá sản. Các mô thức phát triển nội sinh (développement endogène) không gạt bỏ những giá trị văn hóa và văn minh cổ truyền nhưng còn hợp thời, phát triển với tính chất tham dự (développement participatif) của đại đa số, đặt lại một cách khẩn trương và đúng đắn vấn đề phát triển không tha hóa xã hội và phát triển cho ai.

Hiểm họa thứ hai không những đe dọa các nước phía Bắc mà còn đe dọa các nước phía Nam: đó là tình trạng tăng trưởng kinh tế không sinh ra công ăn việc làm. Hiện tượng này đã được phát hiện cách đây hai chục năm và cũng có khuynh hướng càng ngày càng tệ hại. Hiện nay vấn đề này đã trở thành ưu tiên hàng đầu của các nước giàu nhất thế giới. Ngày 13-3-1994, tiền hội nghị G7 tại Detroit, Hoa kỳ, chuẩn bị cho cuộc hội nghị chính thức tại Naples (Ý) vào tháng 7 tới, giữa những nước giàu nhất thế giới (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada, Pháp, Đức, Anh, Ý) với sự tham dự của các tổng trưởng kinh tế và đây là lần đầu tiên của các tổng trưởng lao động (phụ trách công ăn việc làm) để cùng nhau tham khảo các phương án riêng của mỗi nước để tạo công ăn việc làm.

Đứng trước hai đe dọa thế giới này, theo ông Perez de Cuellar, Ủy hội thế giới về văn hóa và phát triển sẽ làm việc với tham vọng đề nghị những giải pháp khả thi dựa trên ba hướng chính: những mô thức phát triển mới, tiếp hợp với các chính sách mới về văn hóa; phát huy tính đa dạng văn hóa; phát huy một động lực mới có tính cách văn hóa, trong công cuộc thay đổi xã hội, nghĩa là đặt văn hóa là HY VỌNG của thế giới vào thiên niên kỷ thứ ba.

Nhưng có một vấn nạn mà ông Perez de Cuellar không đặt ra hoặc không muốn đề cập tới: đó là vấn đề phát triển của các nước có tham vọng dùng sự phát triển này để phụng sự cho chính trị, hoặc cho một lý tưởng chính trị, đặc biệt là chủ nghĩa Mác-Lênin (được phết một lớp sơn "đổi mới"). Lữ Phương trong bài viết từ trong nước "Văn hóa và một chính sách phát triển văn hóa" đã đặt vấn đề như sau :

"Không còn nghi ngờ gì nữa, một chính sách văn hóa tích cực, thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của dân tộc, không thể hình thành được trong những điều kiện thực tế hiện nay trên đất nước khi chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn được coi là hệ thống giá trị chi phối tất cả các lãnh vực... Nhận thức được sự bất lực ấy hoàn toàn không dẫn đến sự phủ định toàn diện những gì mà chủ nghĩa Mác-Lênin đã đóng góp cho văn hóa Việt Nam mà chính là đưa những nhân tố tích cực của nó vào hệ thống giá trị mới phù hợp với thời đại, tạo ra được tiềm lực mới để dân tộc đổi mới bản thân trong quá trình đổi mới đất nước. Theo chiều hướng đó, sự phê phán toàn bộ giá trị cũ, trong đó có việc trực tiếp phê phán những phần phi thực, huyền hoặc trong chủ nghĩa Mác-Lênin là cực kỳ quan trọng, cần thiết. Công việc này không khác gì mấy về ý nghĩa với công việc của những nhà trí thức ở châu Âu vào thế kỷ 18, ở châu Á vào đầu thế kỷ 20, và gần đây xu hướng "cải tổ" trong các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực. Đây là phần việc của những người hoạt động văn hóa, những triết gia, những nhà tư tưởng, những văn nghệ sĩ... không thể nhầm lẫn với thủ đoạn "tiến lùi" của những hoạt động chính trị, lại càng không thể dựa vào sự thành công hay thất bại nhất thời của những thủ đoạn ấy để phủ định việc nhận thức lại các giá trị, là điều cực kỳ quan trọng cho sự phát triển của đời sống. Và đó là cách tiếp cận vấn đề theo cung cách riêng của văn hóa: văn hóa không chỉ là sự thủ đắc, truyền đạt kinh nghiệm mà chính yếu là sáng tạo đổi mới không ngừng. Chỉ có theo phương pháp ấy mới giải quyết được một cách thỏa đáng giữa truyền thống và hiện đại, giữa hội nhập với giữ gìn bản sắc, giữa bảo tồn với phát triển... và hàng loạt những vấn đề khác đặt ra trong việc hoạch định chính sách".

Đặt ra ngoài vấn đề "đóng góp của chủ nghĩa Mác-Lênin cho văn hóa Việt Nam" thuộc thẩm quyền phán xét của các sử gia và những nhà làm văn hóa thật khách quan, khi mà tất cả các dữ kiện lịch sử không còn bị bóp méo và được đưa ra ánh sáng. Còn lại câu hỏi: những nhân tố nào của chủ nghĩa Mác-Lênin là "những nhân tố tích cực" đóng góp "vào hệ thống giá trị mới phù hợp với thời đại, tạo ra được tiềm lực mới để dân tộc đổi mới bản thân trong quá trình đổi mới đất nước"? Ông Perez de Cuellar đã không đề cập đến câu hỏi này trong chương trình làm việc của Ủy hội thế giới về văn hóa và phát triển. Phải chăng đó là một vấn đề không quan trọng hay là một vấn đề không còn là vấn đề vì hoàn toàn đã có giải đáp bằng phủ định.

Huỳnh Hùng

Tham luận

Giải tư các xí nghiệp quốc doanh

Lê văn Đằng

Kể từ đầu thập niên 70 nhiều nước tư bản đã bắt đầu thực hiện chính sách giải tư những xí nghiệp quốc doanh mà một số lớn đã được thành lập hoặc sau những cuộc cách mạng lao động, những cuộc khủng hoảng tiền tệ hoặc tại Tây Âu sau những cuộc thế chiến và nhất là trong thời gian khi các nước này nhận viện trợ tái thiết và phát triển của Hoa Kỳ trong kế hoạch Marshall.

Tại Pháp cũng như tại Anh, khu vực quốc doanh đã bắt đầu thể hiện kể từ thế kỷ 19 khi ngành công nghiệp được hình thành với những đụng độ giữa các nhà tư bản và giới lao động cộng thêm với sự phát triển của xu hướng xã hội, sự thành lập những công đoàn để bảo vệ quyền cho giới lao động. Tại hai nước này và liên tiếp từ đó tới nay, khu vực quốc doanh có lúc đã chiếm gần một nửa tổng sản phẩm xã hội. Sau khi phe xã hội năm 1981 nắm được chính quyền tại Pháp đem ra thực hiện chương trình chung (đã ký giữa Đảng Xã Hội và Đảng Cộng Sản Pháp) chính phủ đã quốc hữu hóa 16 đại công ty và gần hết các ngân hàng thương mại. Nhưng chỉ mấy năm sau, dưới ảnh hưởng của bà Thủ Tướng Thatcher và Tổng Thống Reagan, ở Anh và sau đó tại Pháp (1986-1988), người ta đã bắt đầu thi hành chính sách giải tư.

Ở các nước thuộc Châu Mỹ la-tinh và gần đây nhất tại các nước Đông Âu, cựu Cộng hòa Liên Xô, rất nhiều chương trình giải tư cũng đã được thực hiện với nhiều phương thức và kết quả khác nhau.

Giải pháp của Việt Nam vẫn chưa có kết quả

Hơn 6 năm qua, chính quyền Hà Nội trong chính sách "đổi mới kinh tế" đã đưa ra chủ trương cổ phần hóa một số doanh nghiệp Nhà nước (DNNN). Quyết định 217/HĐBT (14-11-1987) giao cho "Bộ Tài chính nghiên cứu và tổ chức làm thử việc mua bán cổ phần ở một số xí nghiệp (xí nghiệp quốc doanh , XNQD)". Nhưng chủ trương này đã không đạt được một kết quả nào cho nên gần 3 năm sau Hội Đồng Bộ Trưởng và Bộ Tài chính lại ban hành nhiều quyết định liên quan tới chủ trương cổ phần hóa một số DNNN:

-QĐ số 143/HĐBT (10-5-1990) quy định "việc làm thí điểm cổ phần hóa một số DNNN" cùng với "việc sắp xếp lại khu vực kinh tế quốc doanh". Lần này tuy khá hơn trước nhưng phải nói là cũng không có mấy kết quả, nhất là khi các ban giám đốc các XNQD tùy nghi "cổ phần hóa" theo ý riêng của mình vì thiếu chi tiết và hướng dẫn của chính phủ.

-QĐ số 202/CT và số 203/CT (8-6-1992) do Phó Thủ Tướng ký công bố đề án triển khai việc cổ phần hóa DNNN. Theo những văn kiện này 7 DNNN đã được chọn làm thí điểm chuyển thành công ty cổ phần (Công ty Bột giặt miền Nam, Nhà máy Diêm Thống nhất, xí nghiệp nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, xí nghiệp chế biến gỗ Long Bình, Công ty vật tư tổng hợp Hải Hưng, xí nghiệp sản xuất Bao bì và xí nghiệp may mặc Legamex). Sau đó, vào tháng 11-1992 Bộ Tài Chính (cơ quan chủ trì) đã ký quyết định cho phép thành lập thêm 3 DNNN (Nhà máy Len Biên Hòa, xí nghiệp Nhựa Bình Minh, công ty Liên hiệp vận chuyển thuộc Cục Hàng Hải).

Gần đây nhất, chính phủ và Ngân Hàng Nhà nước (NHNN) cũng đã ra quyết định cho phép các ngân hàng quốc doanh bán 30% cổ phần cho tư nhân (Việt Kiều và tư nhân) và - theo những điều mà NHNN cho chúng tôi biết - sẽ dành những chức vụ quan trọng ở Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cho những cổ đông gốc Việt.

Tuy có nhiều quyết định và hình như đã có sự đồng thuận của nhiều người trong cũng như ngoài chính quyền, vấn đề "giải tư DNNN" cho tới nay vẫn chưa đạt được những kết quả đúng mức. Sự kiện này đưa ra nhiều nghi vấn về mặt chính sách và công thức giải tư mà chính quyền Việt Nam đã và đang áp dụng.

Tại sao phải giải tư các doanh nghiệp Nhà Nước?

Chúng tôi không thấy cần phải trở lại với những bàn cãi có tính cách lý thuyết. Một khi mà chủ nghĩa cộng sản đã hoàn toàn bị từ bỏ ngay tại nơi nó đã phát sinh và gần 80 năm thí nghiệm nó với những kết quả kinh tế mà mọi người đều rõ, chính sách giải tư những XNQD tại Việt Nam đương nhiên trở thành một phương thức bắt buộc và là điều kiện để cho kinh tế phát triển.

Nâng cao hiệu năng kinh tế

Một sự thật hiển nhiên quan trọng mà mọi người, kể cả chính những đảng viên cộng sản, đều phải nhìn nhận là các XNQD kém hiệu năng kinh tế so với những xí nghiệp tư nhân. Trong một nền kinh tế thị trường, ngoài những lý do an ninh quốc phòng hay ngoại giao, người ta không thấy một lý do nào để biện hộ cho sự hiện hữu của những doanh nghiệp Nhà nước. Nhà nước nói chung không có nhiệm vụ và cũng không có khả năng để sản xuất giày dép, đóng bàn ghế, chế tạo xe đạp hoặc làm những dịch vụ du lịch, khai thác khách sạn hay buôn bán, chuyên chở hàng hóa... nhất là còn phải cạnh tranh với những xí nghiệp tư. Thực trạng của nền kinh tế quốc doanh tại các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) cũng như tại những nước tư bản và đặc biệt tại Việt Nam đã phơi rõ những mâu thuẫn bó buộc Nhà nước phải giải quyết.

Phải chấm dứt tình trạng vô chủ

Hiệu năng kinh tế của XNQD kém là do tính chất vô chủ của những xí nghiệp này vì không một ai chịu trách nhiệm khi xí nghiệp làm ăn thua lỗ, bị phá sản hoặc tài sản Nhà nước bị thất thoát. Đặc biệt khi ban giám đốc là những người của Đảng và có

vây cánh thì họ vừa là những người thay mặt chủ nhân có toàn quyền trên hoạt động của xí nghiệp lại vừa giữ địa vị của một thủ trưởng hành chánh. Nhiệm vụ hành chánh trong bộ máy XHCN lẽ đương nhiên đặt nặng cho những thủ trưởng những nhiệm vụ chính trị, an ninh, kiểm soát nhằm chiều chuộng cấp trên hơn là trao cho họ những nhiệm vụ kinh tế để nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện phẩm chất, bớt giá thành, tăng năng suất lao động, tăng thương vụ, giảm chi phí v.v...

Ngân sách Nhà nước eo hẹp

Một lý do quan trọng khác cũng phải kể đến là ngân sách Nhà nước quá yếu kém không tài trợ nổi những đòi hỏi về vốn của hệ thống XNQD. Do sự làm ăn không có kết quả, các XNQD trong tất cả mọi nước đều cần rất nhiều vốn và nhiều trợ cấp để có thể tồn tại.

Chính vì tình trạng vô chủ và làm ăn bê bối cho nên gần 1/3 các XNQD tại Việt Nam (khoảng 4.000 xí nghiệp) đã bị giải thể (giảm gần 1 triệu lao động) hay được sát nhập vào các xí nghiệp khác trong gần 4 năm qua. Trong số hơn 8.000 XNQD còn lại sau chiến dịch sắp xếp đợt I và theo những con số được các cơ quan quốc tế công nhận thì chỉ có một số nhỏ khoảng 700-800 xí nghiệp thuộc trung ương và hoạt động trong khu vực công nghiệp được coi là những cơ sở tương đối lớn và hoạt động "có kết quả theo tiêu chuẩn của Việt Nam". Phần còn lại là những xí nghiệp nhỏ và trung bình do các cấp địa phương (thành phố, tỉnh, quận và huyện) hoặc của Đảng quản lý được coi là rất thiếu hiệu năng. Chính quyền còn cho biết khoảng 30% coi như hòa vốn, 40% bị lỗ lã và thường xuyên gặp khó khăn. Và ngày nay khi ngân sách Nhà nước không dồi dào và khi các định chế quốc tế buộc chính quyền phải cắt giảm ngân sách, kiểm soát khối lượng tiền tệ và tín dụng thì chính quyền đành phải bán các XNQD.

Khu vực quốc doanh không có lý do tồn tại

Cũng nên nhắc lại dù đã giảm biên chế mạnh từ năm 1988, khoảng 2 triệu người (7% số lao động) hiện vẫn đang làm việc trong các xí nghiệp quốc doanh, trong đó 1/3 thuộc ngành xây cất, thương mại và dịch vụ. Khu vực quốc doanh chiếm 90% số tín dụng ngân hàng tuy chỉ đóng góp khoảng 1/4 tổng sản phẩm nội địa (23,7% năm 1989 theo số liệu của World Bank ngày 21-11-1991). Cuối cùng cũng nên nhớ các XNQD chiếm dụng vốn lẫn nhau hơn 10.000 tỷ đồng (khoảng 1 tỷ USD). Quả thật không thấy rõ cách nào để giải quyết nhanh chóng vấn đề này.

Nhưng ngoài những món nợ chồng chéo, người ta cũng ước lượng số vốn ứ đọng do sản phẩm kém phẩm chất, giá bán không cạnh tranh nổi trên thị trường nội địa (vì hàng nhập và hàng lậu) và xuất khẩu cũng như các tài sản chờ thanh lý lên tới hàng ngàn tỷ đồng. Tình trạng thiếu vốn tại Việt Nam càng ngày càng trầm trọng khiến việc giải tư XNQD lại trở thành cấp bách, nhất là khi Nhà nước lại phải đứng ra trả những khoản nợ các XNQD đã vay nước ngoài nhưng nay không có khả năng hoàn trả.

Vấn đề bè phái và ngoại giao lẽ lạc trong các XNQD là những ưu tiên để xin thêm được vốn hay được hưởng tín dụng với lãi suất thấp (bao cấp), được phép buôn bán hoặc vay mượn nước ngoài, và nói chung là để giữ chỗ bằng mọi cách mặc dù thiếu khả năng lãnh đạo hoặc đã phạm những sai lầm trầm trọng trong cách làm ăn. Tình trạng vô chủ khiến việc đục khoét hay tẩu tán tài sản của XNQD (tham nhũng, tiếm đoạt, nhậu nhẹt, biếu xén...) hiện nay tại Việt Nam đã trở thành thông lệ.

Tôn trọng những cam kết với các định chế quốc tế

Mặt khác theo những cam kết với các định chế quốc tế (IMF, WB, ADB...) trong tất cả những chương trình chấn hưng kinh tế và tài chánh, việc giải tư XNQD là một trong những điều kiện thông thường. Khác với trường hợp của các nước giàu - có thì giờ để tổ chức việc giải tư, lấy quyết định để bán những xí nghiệp vào thời điểm nào để được lợi nhất...- các nước nghèo như Việt Nam, Liên Xô cũ, các nước Đông Âu, Châu Mỹ la-tinh, Châu Phi bó buộc phải giải tư mạnh và gấp vì không có một chọn lựa nào khác nữa.

Nói tóm lại thảm trạng XNQD nói trên không thể tiếp tục duy trì tại Việt Nam. Vì nếu kéo dài thì trong một thời gian nữa ngân sách Nhà nước, hệ thống ngân hàng quốc doanh và nói chung nền tài chính quốc gia sẽ sụp đổ dù có hay không thay đổi thể chế chính trị. Do đó chính sách giải tư đại bộ phận XNQD đã trở thành một điều khẩn cấp, một chọn lựa độc nhất để nâng cao sản xuất, bớt gánh nặng chi phí quốc gia và góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế.

Nhưng phải giải quyết như thế nào?

Sau gần 6 năm thí nghiệm, Việt Nam vẫn chưa tìm thấy một giải pháp hữu hiệu để giải tư những XNQD. Phải chăng phương thức "cổ phần hóa" không thích hợp với hoàn cảnh, tình trạng của Việt Nam cần phải sửa đổi, bổ túc trên phương diện kỹ thuật? Hay là phương pháp "cổ phần hóa" cũng có thể tạm thời chấp nhận được nhưng lại khó thi hành vì thái độ chống đối của các vị giám đốc hoặc sự bất hợp tác của dân chúng?

Trước tiên người cộng sản Việt Nam vẫn luôn luôn muốn thiên hạ coi mình là những kẻ khác thường và vẫn muốn uốn nắn thực tế theo những gì mà mình mong muốn. Kinh nghiệm giải tư trên khắp thế giới đã cho phép mọi chuyên viên thấy những ưu khuyết điểm của mỗi giải pháp. Nhưng dù tài giỏi tới đâu cũng không thể "biến đồng thành vàng" hay nấu "sỏi đá thành cơm".

Mục đích bán XNQD hay giải tư hoặc bán cổ phần là để:

- nâng cao hiệu năng kinh tế để tránh tình trạng cha chung không ai khóc,
- chuyển giao quyền sở hữu cho tư nhân 100% và chỉ giữ lại những xí nghiệp liên quan tới an ninh quốc phòng và ngoại giao hay những xí nghiệp không thể có lời vì những lợi ích công cộng hoặc những xí nghiệp mà trong giai đoạn này vốn của tư nhân không đủ để Nhà nước có thể nhường lại, hoặc những xí nghiệp không ai muốn mua vì không có tương lai sẽ phải dẹp tiệm,
- tìm những giải pháp thích hợp để giải quyết những vấn đề liên quan tới các công nhân viên sẽ bị sa thải,
- chọn lựa những giải pháp nào có lợi nhất cho chính phủ và trước mắt nhất trí phải làm sao cắt đứt trợ cấp để bớt gánh nặng cho ngân sách Nhà nước, tiếp đến là chuyển quyền sở hữu cho những đối tượng có dự án khả thi nhất về mặt kinh tế, bảo đảm nhiều công ăn việc làm nhất để giải quyết những khó khăn của

khu vực quốc doanh tại Việt Nam.

Cũng nên nhớ rằng trong cơ chế thị trường người ta chỉ bán được xí nghiệp cho những cổ đông tư bản khi họ thấy có hy vọng kiếm được lợi nhuận và XNQD có một trị giá kinh tế khá hiển nhiên để họ bỏ vốn mua cổ phần: sản phẩm, thị trường, công nghệ.

Kinh nghiệm của cựu Đông Đức cho thấy việc giải tư 13.400 XNQD (sự thật ban đầu chỉ có khoảng 8.000 XNQD chính, 5.400 XNQD còn lại là những chi nhánh và những xí nghiệp liên hệ được tách ra) của nước này qua trung gian của Treuhandanstall cho thấy:

- kết quả tài chánh: không có lời mà còn lỗ 275 tỷ DEM tương đương khoảng 12O tỷ USD,
- số lao động còn được giữ lại rất thấp: 1,5 triệu trên tổng số 4 triệu người lao động,
- Treuhandanstall còn trong tay 924 XNQD mà chỉ khoảng 100 còn có thể giải tư,
- số tiền thu được chỉ lên tới 45 tỷ DEM (khoảng 25 tỷ USD).

Một điều khá hài hước là chương trình cổ phần hóa của Việt Nam cũng như phương pháp thu hút đầu tư nước ngoài quá chủ quan, tự cho Việt Nam như một cô gái trẻ đẹp và hấp dẫn, có quyền ra điều kiện, làm cao và, nói chung , đưa ra rất nhiều đòi hỏi không giống ai.

Việt Nam có 8.000 XNQD với một số thương vụ chưa tới 6-7 tỷ USD có thấm tháp gì so với những Combinats của cựu Đông Đức! Nhận xét trên không phải là để Việt Nam tư hữu hóa bằng mọi giá. Nó chỉ có ý nghĩa là chúng ta phải khiêm tốn và phải đánh giá một cách thực tế những gì mà chúng ta đang có để sau này khỏi phải luyến tiếc, để cấp tốc giải quyết những tắc nghẽn về kinh tế và nhất là những khó khăn về ngân sách. Đảng cộng sản Việt Nam ngập ngừng vì những mâu thuẫn trong đường hướng "kinh tế thị trường theo XHCN" nên vẫn có ý định chỉ tư hữu hóa một phần DNNN áp cứng rắn theo nguyên tắc đa dạng hóa quyền sở hữu và chỉ bán chứ không thể cho không như tại Ba Lan, Tiệp Khắc, Nga...

Nói cho cùng thì một mặt, Việt Nam vẫn muốn giữ quyền quản lý xí nghiệp công nghiệp, mặt khác lại muốn tư nhân góp tiền của vì ngân sách Nhà nước rất eo hẹp không cáng đáng nổi. Ngoài ra, người cộng sản Việt Nam vẫn tưởng mình có thể phát minh ra những luật chơi mới, tìm được giải pháp để điều tiết thị trường theo quan niệm của Đảng, đặc biệt là bằng mọi giá giữ được quyền lực cho đảng viên. Như Tổng Thống Nga vừa đưa ra nhận xét mới đây nhất, "thời kỳ tư bản lãng mạn" đã chấm dứt. Chấp nhận một nền kinh tế thị trường thì phải áp dụng những luật chơi của nó với những hậu quả có khi rất ác độc. Nhưng tựu trung thì đó là "cái giá phải trả". Những xí nghiệp nào không thành công, làm ăn thua lỗ thì phải đóng cửa. Những công nhân nào không có khả năng thì phải sa thải. Và nếu hàng hóa bán không được thì phải giảm nhân công dù có tay nghề. Những người lãnh đạo không biết quản lý phải nhường chỗ cho kẻ khác.

Để giải tư và giải tư nhanh (tránh những trường hợp phá hoại như tại Nga và một số nước đang phát triển) chính quyền phải cấp thời giải quyết những vấn đề cơ bản sau đây: luật lệ giải tư, định giá bán, bán cho ai và theo những điều kiện nào?

Một cơ sở pháp lý rõ ràng

Nhà cầm quyền cộng sản đã ra nhiều quyết định và trong những năm gần đây họ đã chọn XNQD làm thí điểm để hy vọng tìm ra một giải pháp hay nhất. Nhưng kết quả cũng sẽ không có gì là khả quan vì vẫn thiếu những điều cơ bản dựa trên một đạo luật giải tư đã được đa số những người có quyền (quốc hội, chính phủ và các UBND) chấp nhận. Nói một cách khác Việt Nam vẫn còn thiếu những văn kiện quy định rõ ràng chính sách giải tư được đa số chấp thuận và áp dụng.

Đạo luật giải tư này trong hoàn cảnh của Việt Nam phải định rõ ràng những xí nghiệp mà Nhà nước vẫn muốn duy trì vì lý do này hay lý do khác. Để được chấp nhận, danh sách này chỉ gồm một số rất nhỏ trong số 8.000 XNQD nêu trên. Ngoài những xí nghiệp này, tất cả những xí nghiệp còn lại phải được giải tư hay nếu quá lắm vì thua lỗ hoặc không có người mua thì hoặc đóng cửa hoặc phát không cho công nhân (như tại Ba Lan, Nga, Hungaria). Nhưng chỉ có "Luật Giải tư" không thôi cũng chưa đủ. Luật này phải dựa trên văn bản căn bản cần thiết cho một nền kinh tế thị trường như những điều luật sau: thương mại, công ty , phá sản, thừa kế và thế chấp, thanh toán, ngân sách, thuế khoá, phát hành giao dịch và mua bán chứng khoán, kế toán, lao động (sa thải công nhân) v.v.... Tại Việt Nam trong những năm vừa qua chính quyền đã bắt đầu soạn thảo một số luật lệ. Nhưng đây chỉ là những bước đầu cần phải được bổ túc để có một bộ luật đầy đủ nhằm tránh những khó khăn, những tranh chấp, những cách giải thích một cách tùy tiện. Luật giải tư cũng nên quy định việc thành lập một cơ quan đặc trách giải tư có quyền rộng lớn, có chuyên viên, có đủ ngân sách và nhất là phải có một ban quản trị có pháp nhân và nhất là độc lập với chính phủ và phải chịu trách nhiệm trước Quốc Hội. Tất cả những gì liên quan tới giải tư đều phải được công bố một cách rộng rãi để dân chúng theo dõi.

Định giá từng XNQD

Có rất nhiều cách để định giá từng xí nghiệp. Tùy ngành hoạt động, tùy tình trạng làm ăn, trị giá các bất động sản, hàng tồn kho, nợ phải trả... mỗi XNQD sẽ có một trị giá khác nhau. Vấn đề định giá là một vấn đề khá tế nhị, nhất là trong trường hợp của Việt Nam. Có nhiều lý do giải thích:

- hầu như đa số các XNQD không có sổ sách kế toán rõ ràng, trung thực vì nguyên tắc "lời giả, lỗ thật" mà các ban giám đốc thường áp dụng để được chia nhiều lợi tức, được cấp trên khen thưởng, để giữ chức vụ. Ta cần viện trợ của WB, ADB và những công ty kiểm toán có tiếng và những ngân hàng hay tài chính ngoại quốc để ấn định rõ ràng trị giá của từng xí nghiệp dựa trên những mẫu mực quốc tế,
- giải quyết vấn đề đất đai và quyết định bán đất hay chỉ cho thuê đất và cách tính giá đất cho phù hợp nhất để xí nghiệp sau khi giải tư kinh doanh có lời,
- quy định những khoản bồi thường cho công nhân bị sa thải,
- sự khó khăn để đánh giá được những triển vọng của xí nghiệp khi những hoạt động của thị trường Việt Nam biến chuyển rất nhanh chưa kể nạn hàng lậu, tham nhũng lộng hành như hiện nay,
- ban giám đốc không hợp tác mà lại còn tìm cách phá hoại chính sách giải tư vì sợ bị mất chỗ.

Bán cho ai và theo những điều kiện, thủ tục nào?

Một khi đã đánh giá được, hội đồng giải tư phải quyết định nhanh chóng trong thời gian không quá 6 tháng và công bố rõ ràng quyết định về thủ tục và thể lệ giải tư.

Sơ lược nhất, có 3 loại XNQD ngoài những xí nghiệp vẫn còn

tồn tại dưới dạng quốc doanh vì liên quan tới an ninh quốc phòng, ngoại giao hay y tế xã hoặc giáo dục:

- những xí nghiệp có tương lai và có giá trị, có người mua,
- những xí nghiệp phát không cho công nhân sau khi điều chỉnh, nếu có một dự án kinh doanh hợp lý,
- những xí nghiệp cần phải đóng cửa ngay tức khắc.

Luật giải tư phải nêu đích danh những xí nghiệp còn giữ lại dưới dạng quốc doanh (rất ít) và quy định những thủ tục và thời gian giải tư. Lẽ đương nhiên việc giải tư những tiệm bán đồ, những cơ sở nhỏ khoảng 5 -10 công nhân phải được quy định rất đơn giản. Luật có thể ủy quyền cho UBND lo việc tư hữu hóa và chỉ giữ quyền hậu kiểm nếu có khiếu nại. Việc cho không hay sát nhập, sắp xếp lại các xí nghiệp thua lỗ, hết vốn... hoặc giải thể cũng phải đơn giản tối đa bằng cách phát không cho nhân viên sau khi đã giám định xong. Luật giải tư chỉ nên chú trọng tới những xí nghiệp có tầm vóc: vốn trên 500 triệu hay 1 tỷ hoặc trên 1.000 công nhân, hoặc có thương vụ lớn trong ngành hoạt động và nhất có khả năng sinh lợi.

Do đó, vấn đề cần bán cho ai và theo những thể thức nào chỉ liên quan tới những xí nghiệp có tương lai tức là những xí nghiệp dù trong hiện tại gặp khó khăn nhưng có nhiều triển vọng làm ăn phát đạt trong dài hạn và tạm coi là lớn trong nền kinh tế Việt Nam.

Nhưng ai là những người được quyền mua? Theo ý kiến của chúng tôi thì người mua là tất cả những đối tượng tin tưởng vào tương lai của Việt Nam. Nói một cách khác những người muốn mua cổ phần sẽ gồm những nhân viên, những người Việt Nam có tiền và những tư bản nước ngoài trong những xí nghiệp cần một số vốn khá quan trọng hay những công nghệ mà Việt Nam chưa có.

Ta cũng có thể lấy những quyết định để hạn chế tỷ lệ bán cổ phần cho những thành phần kinh tế, tùy theo ngành, xí nghiệp, và mức tiết kiệm của dân chúng. Chẳng hạn dành 25% cho nhân viên, dành 30% cho Việt kiều và tư bản ngoại quốc, dành một tỷ lệ tối thiểu khoảng 20% hoặc đa số cho một số nhà kinh doanh nòng cốt (noyau dur, tại Pháp) để tránh tình trạng vô chủ (vì quá đông cổ đông) để có được một ban lãnh đạo hoặc hội đồng quản trị có đủ tài đức, có đủ quyền hành để điều khiển xí nghiệp một cách hiệu quả nhất.

Hiện nay trong chương trình "cổ phần hóa", chính quyền tại chức vẫn có ý định bán cổ phần cho các XNQD và các ngân hàng quốc doanh. Đây là một việc nên tránh ngoại trừ khi Nhà nước quyết định giải tư những xí nghiệp hay ngân hàng quốc doanh này. Nếu không thì giải pháp này chỉ mang lại những điều tiêu cực như đã trình bày ở trên. Trường hợp không bán được hết 100% vì thiếu người mua và khi thị trường chứng khoán chưa thành lập xong, Nhà nước có thể giao số cổ phần này cho một công ty quản lý tự trị và sẽ tiếp tục giải tư khi thị trường cho phép. Những biện pháp để nâng đỡ công nhân viên mua cổ phần cũng có thể làm được: dành cho nhân viên giá đặc biệt (bớt 20% hoặc 25% giá bán trên thị trường với điều kiện chỉ được bán lại sau một thời gian nhất định), chia đều những khoản dự trữ để giúp nhân viên mua cổ phần, cho nhân viên trả góp...

Ngoài ra, khi chọn những cổ đông nòng cốt hay khi bán đa số cho một nhóm tư bản hay đại diện của nhân viên, hội đồng giải tư phải chọn lọc đề án nào khả thi nhất dựa trên những đề nghị hay cam kết về giá bán (trị giá xí nghiệp, cổ phần), chương trình hoạt động trong 3-5 năm tới, khả năng tài chánh, số nhân công được giữ lại và những cam kết phải thực hiện như không đóng cửa xí nghiệp để bán lại đất đai, bất động sản hầu thu vốn và kiếm lời, cam kết không chuyển nhượng 100% cho tư bản nước ngoài mà không thông báo hoặc không được sự chấp nhận của chính phủ. Đồng thời phải trù liệu những biện pháp chế tài nếu không thực hiện những điều khoản trong hợp đồng chuyển nhượng.

Kết luận

Nói tóm lại việc giải tư toàn đại bộ phận những XNQD tại Việt Nam là một giải pháp bắt buộc. Không có một chọn lựa nào khác và do đó cũng không thể chần chờ, ngược lại phải giải quyết trong một thời gian ngắn nhất. Càng kéo dài, như trường hợp tại Nga, chỉ làm cho Nhà nước hao tốn ngân qũy, những người đang nắm quyền lực trong các XNQD tìm đủ mọi cách để ngăn chặn chống đối việc giải tư hay để bán giá rẻ cho bà con thân thuộc hoặc chuyển nhượng cổ phần cho những tư bản chịu nộp hối lộ.

Sau hết, ta cũng cần phải nhất trí về việc giải tư: chuyển nhượng quyền sở hữu cho tư nhân để họ được tự do kinh doanh đúng với những đòi hỏi của một nền kinh tế thị trường: hưởng lợi nếu làm ăn thành công, chịu trách nhiệm (mất hết tài sản) nếu bị thua lỗ đúng quan niệm "lời ăn, lỗ chịu". Nếu bị bó buộc vì không bán được hết toàn thể số vốn, cơ quan quản lý phần vốn của Nhà nước cũng chỉ làm nhiệm vụ của một cổ đông "thường" không hơn không kém và chờ khi thuận lợi thì nên bán hết cho tư nhân số cổ phần còn lại.

Khó khăn chính mà Nhà nước phải lo là việc sử dụng những số tiền giải tư để lo đầu tư vào những chương trình phát triển kinh tế: xây dựng những hạ tầng cơ sở, trường học, bệnh viện và một số những ngành kinh tế mà tư nhân không có vốn hoặc không muốn đầu tư vì không thể có lời và đặc biệt là những công trình thu dụng nhiều nhân công nhất.

Cũng nên biết trước rằng dù có tinh vi tới đâu chương trình giải tư thế nào cũng sẽ bị một số người chống đối, chỉ trích và khi đem thi hành cũng sẽ có một số sai lầm cục bộ. Muốn giảm bớt phần chỉ trích hoặc những sai lầm này, chính sách giải tư phải được công bố một cách rộng rãi để mọi người có thể theo dõi và tự do phê phán. Như vậy, giải tư vì được qui định rõ ràng bởi luật lệ, sẽ được đa số dư luận chấp nhận và giới tư bản nước ngoài ủng hộ, một khi thị trường chứng khoán chưa được thành lập tại Việt Nam.

Nhưng ngoài những yếu tố kỹ thuậtnày còn cần một điều kiện không có không được nữa là phải thuyết phục được đa số dân chúng về sự chính đáng của chính sách giải tư. Muốn được sự ủng hộ của dân chúng thì nhất định Nhà nước phải quyết tâm không âm mưu dùng giải tư để chia chác, để làm thất thoát thêm tài sản quốc dân và nhất là để củng cố quyền lợi của một nhóm người và nhất là để củng cố quyền lực của Đảng. Bao giờ chưa ra khỏi lý luận trên thì việc giải tư vẫn còn gặp nhiều điều trắc trở.

Lê Văn Đằng, 2/94

Đất nước và chủ nghĩa

Trần bình Nam

Sau này khi các nhà sử học viết về công và tội của đảng cộng sản Việt Nam có lẽ họ sẽ đồng ý rằng sai lầm lớn nhất của đảng cộng sản là có lúc đã trọng chủ nghĩa hơn đất nước.

Ngày 4-9-1958, thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai ban hành bản tuyên bố qui định hải phận của Trung Quốc là 12 hải lý kể cả hải phận chung quanh quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thì, rất nhanh chóng, ngày 14 tháng 9, Phạm Văn Đồng nhân danh thủ tướng của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa viết công hàm công nhận hải phận mới của Trung Quốc. Một lần nữa, ngày 19-1-1974, Trung Quốc tấn công các đơn vị bộ binh và hải quân Việt Nam đang trấn giữ đảo Hoàng Sa, đánh đắm một khu trục hạm, bắt sống 48 binh sĩ, chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa, Hà Nội đã lúng túng không giám tố cáo Trung Quốc xâm lấn bờ cõi Việt Nam mà chỉ cho đó là một vấn đề lịch sử phải giải quyết bằng thương lượng. Cả hai điều này đối với Trung Quốc mặc nhiên có nghĩa Hà Nội không coi các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một phần của đất nước Việt Nam. Thật ra chỉ vì đảng cộng sản Việt Nam coi trọng chủ nghĩa hơn đất nước.

Năm 1975, quân đội cộng sản Việt Nam chiếm miền Nam. Năm 1979 đụng độ với Trung Quốc ở biên giới và mãi đến năm 1988 khi Trung Quốc tấn công các đơn vị hải quân Việt Nam đồn trú tại đảo Trường Sa, Hà Nội mới lên tiếng tố cáo Trung Quốc.

Trong cuộc tranh cãi này Trung Quốc dẫn chứng lịch sử và các dấu vết khảo cổ. Theo đó ngư dân Trung Quốc đã sử dụng hai quần đảo này từ triều Minh trong khoảng thế kỷ 14 đến 17. Hà Nội trái lại, trong thời gian từ 1954 đến 1975 không hề lên tiếng về chủ quyền trong khi Việt Nam Cộng Hòa tranh chấp với Trung Quốc nên không có biện minh luận vững chắc về bờ cõi. Muốn lập luận về chủ quyền đứng vững, Hà Nội cần phải dùng quá trình đấu tranh về cả hai mặt ngoại giao và quân sự của Việt Nam Cộng Hòa đối với hai quần đảo nói trên nhất là trận hải chiến giữa hải quân Việt Nam Cộng Hòa với Trung Quốc năm 1974. Hà Nội chưa đủ can đảm làm vì điều này gián tiếp chứng tỏ rằng trong khi chính quyền miền nam Việt Nam tranh đấu giữ gìn đất đai của cha ông thì đảng cộng sản Việt Nam chỉ biết nhắm mắt đấu tranh cho một chủ nghĩa quốc tế vô bổ.

Trở lại một chút lịch sử. Quần đảo Hoàng Sa còn gọi là quần đảo Paracels là một chòm gồm 200 hòn đảo (islands) và mỏm san hô (reefs) nằm ngoài khơi biển Việt Nam cách Đà Nẵng 390 km và gồm hai nhóm chính, nhóm Amphitrite ở phía Đông Bắc và nhóm Crescent ở phía Tây. Đảo lớn nhất rộng chưa tới 250 mẫu tây.

Quần đảo Trường Sa ở phía nam quần đảo Hoàng Sa chừng 800 km còn có tên là Spratleys gồm 12 đảo nhỏ và nhiều mỏm san hô thấp khi thủy triều lên hầu như chìm dưới mặt nước. Đảo gần Việt Nam nhất của quần đảo là đảo Spratley rộng 12 mẫu tây cách bờ biển Phan Thiết 500 km và nằm trên cùng vĩ độ với mũi Cà Mâu. Đảo lớn khác là Itu Aba rộng 36 mẫu tây ở pha bắc của quần đảo cách đảo Spratley 360 km về hướng đông bắc.

Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có đặc tính chung không cây cối, không có nguồn nước ngọt, chỉ có nhiều rùa và chim. Năm 1883, sau khi chiếm Đông Dương, Pháp sát nhập cả hai quần đảo vào Đông Dương thuộc Pháp, bất chấp sự phản đối của triều đình Trung Quốc và Nhật Bản. Năm 1932, Pháp tái xác nhận chủ quyền lãnh thổ trên hai quần đảo và thiết lập một trạm khí tượng tại đảo Prattle trong nhóm Crescent thuộc quần đảo Hoàng Sa. Năm 1939, Nhật chiếm cả hai quần đảo, thiết lập một căn cứ tàu ngầm tại Trường Sa và bỏ lại năm 1945 sau khi thất trận. Năm 1947, Trung hoa Quốc Gia chiếm đảo Woody Island trong quần đảo Hoàng Sa và đảo Itu Aba tại Trường Sa. Pháp trở lại Đông Dương năm 1945 và năm 1955 khi Pháp rút, Việt Nam Cộng Hòa tiếp tục duy trì trạm khí tượng tại Hoàng Sa và tiếp nối chủ quyền tại quần đảo Trường Sa. Năm 1949 khi Trung Quốc Quốc Gia bị Mao đuổi ra đảo Đài Loan, Tưởng Giới Thạch bỏ Woody Island nhưng vẫn giữ đảo Itu Aba. Năm 1951 Nhật chính thức tuyên bố vô chủ quyền tại Hoàng Sa và Trường Sa. Đài Loan, Trung Cộng và Nam Việt Nam tức khắc tái xác nhận chủ quyền. Phi Luật Tân nhập cuộc tranh chấp năm 1955 sau khi chiếm một hòn đảo gần đảo Palawan.

Từ năm 1975 chỉ có Việt Nam, Trung Quốc và Đài Loan dành chủ quyền quần đảo Hoàng Sa; nhưng tại Trường Sa ngoài Việt Nam , Trung Quốc và Đài Loan còn có Mã Lai Á, Phi Luật Tân và Brunei. Quần đảo Trường Sa có giá trị chiến lược lớn vì nằm ngay trên đường biển từ Ấn Độ Dương lên vùng bắc Thái Bình Dương và giữa miền tây Quốc Kỳ và vùng Đông Nam Á. Nhưng chính yếu là triển vọng dầu hỏa.

Do đó cuộc tranh chấp trở nên gay cấn sau năm 1970 khi các cuộc dò tìm cho thấy có dấu vết dầu hỏa chung quanh quần đảo Trường Sa. Năm 1973 Việt Nam Cộng Hòa ban hành một văn kiện hành chánh sát nhập toàn bộ quần đảo Trường Sa vào tỉnh Phước Tuy và ký hợp đồng với một số nước cho phép họ dò tìm và khai thác dầu hỏa. Năm 1974 khi Trung Quốc chiếm Hoàng Sa và tuyên bố chủ quyền trên quần đảo Trường Sa Việt Nam Cộng Hòa phản ứng bằng cách chiếm ba hòn đảo trong quần đảo Trường Sa trong đó có đảo Spratley.

Năm 1975 khi các đơn vị bộ binh của quân đội CSViệt Nam tiến chiếm miền Nam thì các đơn vị hải quân của Hà Nội ra chiếm các hòn đảo tại Trường Sa do Việt NamCộng Hòa đang chiếm giữ. Trung Quốc bày tỏ sự bất mãn bằng cách phổ biến một bản đồ mới trong đó Trung hoa ghi vùng biển Nam Hải như lãnh thổ của Trung Quốc. Hà Nội im lặng đáp lại bằng cách từ năm đó đến năm 1988 đưa nhiều đơn vị ra chiếm đóng thêm 15 vị trí trong quần đảo nâng tổng số chủ quyền lên 21 đảop và mỏm san hô. Năm 1976 Phi Luật Tân chiếm thêm 7 đảo nhỏ và mỏm san hô phía bắc quần đảo nâng tổng số vị trí kiểm soát của Phi trong quần đảo Trường Sa lên 8 vị trí. Phi tuyên bố ý định thiết lập một ngư cảng tại đó. Tháng sáu năm 1983 Mã Lai Á chiếm đảo Layang Layang cách bờ biển Borneo 265 km, và trong năm 1991 đã tổ chức nhiều đoàn du lịch đến thăm đảo để chứng tỏ chủ quyền.

Tính sổ cho đến năm 1988 có sáu nước gồm Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan, Mã Lai Á, Phi Luật Tân và Brunei tuyên bố chủ quyền quần đảo Trường Sa, nhưng Trung Quốc chưa có hiện diện quân sự. Trung Quốc rất muốn nhưng chưa thể hành động như năm 1974 đối với Việt Nam Cộng Hòa vì Trung Quốc còn ngại Liên Bang Xô Viết là đồng minh lớn của Việt Nam. Năm 1988 lợi dụng lúc Liên Bang Xô Viết đang bận tâm về các vấn đề nội bộ với *perestroika* và *glastnost* Trung Quốc giả vờ nói cần lập

một cơ sở nghiên cứu khí tượng theo kế hoạch của UNESCO Trung Quốc đưa quân đến chiếm một số đảo Việt Nam đang chiếm giữ. Trong cuộc đụng độ Trung Quốc đánh đắm ba hải vận hạm giết 72 thủy thủ Việt Nam và bắt 9 binh sĩ làm tù binh. Các đơn vị hải quân của Liên Bang Xô Viết đóng tại Cam Ranh bất động. Moscova chỉ lên tiếng hòa giải và khuyên hai bên giải quyết các tranh chấp bằng đường lối hòa bình. Trả lời sự hòa giải của Liên Bang Xô Viết, bộ trưởng ngoại giao Trung Quốc, ông Tiền Kỳ Tham nói *"sẽ không có chiến tranh trong tương lai nếu Việt Nam đừng khiêu khích Trung Quốc và rút quân ra khỏi quần đảo Trường Sa"*. Lúc này Trung Quốc đã biết ý Liên Bang Xô Viết không muốn can thiệp vào các vấn đề trong vùng Đông Á nên không thấy cần dè dặt trong lời nói. Việt Nam không rút quân ra khỏi Trường Sa nhưng cũng không tìm cách chiếm lại các đảo đã mất vì lượng không đủ sức đương đầu với Trung Quốc.

Đầu năm 1992 khi biết Quốc Kỳ trước sau cũng rút ra khỏi hai căn cứ Subic Bay và Clark Dield ở Phi Luật Tân Trung Quốc không còn e ngại gì nữa. Ngày 25-2-92 quốc hội Trung Quốc thông qua luật qui định biển Nam Hải thuộc Trung Quốc và ba tháng sau ký giao kèo cho phép hãng Crestone Energy Corp. của Mỹ trụ sở đặt tại Denver bang Colorado khai thác dầu hỏa trong một vùng biển rộng 21.600 km vuông nằm ở phía tây nam đảo Spratley cách đảo này chừng 100 km. Vùng biển này hoàn toàn nằm trong thềm lục địa của Việt Nam. Năm 1993 Trung Quốc cho xây một phi trường phản lực trên đảo Woody Island trong vùng Hoàng Sa để yểm trợ cho các hoạt động quân sự tại Trường Sa nếu cần.

Thời gian 1992 các nước Đông Nam Á hết sức lo ngại về một tại liệu nội bộ của Trung Quốc phổ biến hạn chế giữa tháng 6-92 trong đó Trung Quốc ước lượng vùng biển Nam Hải có khả năng dự trữ đến 105 tỷ thùng dầu thô giá trị 1 ngàn tỷ mỹ kim và vùng biển Nam Hải là *"không gian sống còn"* (sheng cun kong jian) của Trung Quốc. Trung Quốc cũng không dấu diếm chính sách "*bàn tay sắt bọc nhung* " để chiếm lĩnh kho dầu trên biển Nam Hải. Trung Quốc một mặt gởi 4 khoa học gia tham dự hội nghị thường kỳ của giới khoa học gia tại Djakarta cuối tháng 6-92 để trao đổi khả năng phối hợp khai thác vùng biển Nam Hải trong hòa bình do Indonésia chủ xướng một mặt gởi quân đến chiếm thêm 2 đảo khác của Việt Nam nâng tổng số đảo và mỏm san hô chiếm lên 9 vị trí.

Tháng 7-1992 tại phiên họp thường niên của khối ASEAN tại Manila các ngoại trưởng bày tỏ mối quan tâm về tình hình trong biển Nam Hải, gián tiếp kêu gọithiện chí hòa bình của Trung Quốc và thẳng thắn yêu cầu Hoa Kỳ nên duy trì sự hiện diện quân sự trong vùng Thái Bình Dương.

Trong cuộc lấn chiếm quần đảo Trường Sa Trung Quốc dùng chính sách chia để trị chỉ nhắm ép Việt Nam và tránh đụng chạm đến các vị trí do các nước khác chếm giữ. Trung Quốc hiểu rằng nếu ép được Việt Nam sẽ ép được các nước khác.

Trong cuộc tranh dành với Trung Quốc Hà Nội chẳng những lép vế về lý luận vì năm 1958 họ đã công nhận hải phận của Trung Quốc chung quanh Hoàng Sa và Trường Sa, và đã im lặng khi Trung Quốc tấn chiếm Hoàng Sa năm 1974. Khi được hỏi lý do vụ im tiếng năm 1974 Hà Nội chỉ biết lúng túng trả lời "thời gian đó tình hình chính trị và xã hội của Việt Nam cũng như trên thế giới quá tế nhị và Trung Quốc đã lợi dụng tình hình đó để hành động". Thật ra sự giải thích đó chẳng giải thích được gì vì không có một tình hình tế nhị nào ngăn cản chính quyền một quốc gia lên tiếng khi một lãnnh thổ bị xâm lấn.

Chính quyền tại Hà Nội hiện nay có một cách chữa lỗi lầm đã đặt chủ nghĩa lên trên đất nước bằng cách dùng các tài liệu cũng như những tuyên bố về chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trước đây như là những chứng liệu pháp lý để biện minh cho chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa dù cho việc này buộc Hà Nội phải gián tiếp công nhận chủ quyền trước đây của Việt NamCộng Hòa.

Trong bài bình luận nhan đề "Reassessing South Vietnam" (Đánh giá lại Nam Việt Nam) đăng trên tờ Kinh Tế Viễn Đông (Far Eastern Economic Review, Hồng Kông) số ngày 10-2-94 nhà bình luận Frank Ching viết, "khi Hồ Chí Minh còn sống có một lần có người hỏi ông ta thân Nga hay thân Tàu ông trả lời ông thân Việt Nam. Đã đến lúc Hà Nội phải công nhận rằng có nhiều lúc chính quyền Sài gòn thân Việt Nam hơn chính quyền Hà Nội".

Một bài học được rút ra. Mỗi đảng phái chính trị có thể có một chủ thuyết. Mỗi người có thể có một tôn giáo. Nhưng chủ thuyết hay tôn giáo là thứ yếu. Đất nước trên hết.

Trần bình Nam

Thông cáo của Đoàn KHVH QUANG TRUNG

* Từ 1989 đến nay, mỗi năm, vào dịp lễ Phục Sinh, Đoàn Khoa Học và Văn Hóa Quang Trung lại tổ chức **luyện thi Tú Tài** miễn phí nhằm mục đích giúp đỡ các học sinh Việt Nam. Năm nay khóa luyện thi, bao gồm bốn môn **Toán, Lý, Hóa** và **Anh văn**, sẽ được tổ chức tại:

Ecole Nationale Supérieure des Télécommunications (ENST)
46, rue Barrault, 75643 Paris Cedex 13
từ ngày **11/4/1994** đến ngày **16/4/1994**
sáng từ 9 đến 12 giờ; chiều từ 14 đến 17 giờ

Liên lạc: Nguyễn Vạn Thắng, điện thoại: 60 06 00 14

* Cũng như mọi năm, với mục đích phát huy tinh thần hiếu học và khuyến khích các sinh viên, học sinh trong việc tìm hiểu văn hóa, lịch sử Việt Nam, Giải **Đố Vui Để Học 1994** sẽ được tổ chức:

Ngày **08/5/1994** ; từ **14 đến 18 giờ**
Tại hội trường FIAP
30, rue Cabanis, 75014 Paris

Liên lạc: Trần Lĩnh Cửu, điện thoại: 46 57 01 23

Đoàn Khoa Học và Văn Hoá Quang Trung mong mỏi quí vị nhiệt tình ủng hộ và khuyên con em mình tham dự đông đảo.

Trung Quốc thánh thức Hoa Kỳ về nhân quyền

Phùng Nguyên

Thái độ cứng rắn của Trung Quốc đối với Mỹ về vấn đề nhân quyền trong xứ họ làm quốc tế ngạc nhiên.

Trước đây, mỗi khi có dữ kiện quan trọng sắp xảy ra, chính quyền Trung Quốc không ngần ngại cho thả một vài tù nhân tên tuổi để "lấy lòng" dư luận quốc tế. Lần này hoàn toàn khác hẳn. Không những họ cho quản thúc các tù nhân chính trị đã được thả ra như Ngụy Kinh Sinh, Vương Đan, hay bắt thẩm vấn các người chống đối như Bao Qua, Chu Quốc Cường, Viên Hồng Băng, Lý Hải, v.v... mà còn ngăn chặn giam giữ các ký giả ngoại quốc làm công tác báo chí trong chuyến công du ở Bắc Kinh của ngoại trưởng Mỹ W. Christopher vừa qua.

Người ta hỏi tại sao Trung Quốc lại quá "ngu xuẩn" đến đỗi có thể làm mất quy chế tối huệ quốc về thương mại mà Mỹ sắp gia hạn trong tháng sáu tới nếu không làm vài cử chỉ về nhân quyền. Quy chế này hàng năm đã đem lại cả chục tỷ USD lợi tức cho Trung Quốc và hàng triệu công ăn việc làm trong nước, bằng chứng là thâm hụt cán cân thương mại trong năm 1993 của Mỹ với Trung Quốc lên đến 24 tỷ USD.

Thái độ trịch thượng ngạo mạn của Trung Quốc có thể giải thích trước hết bởi sự tranh quyền ngày càng sâu sắc trước ngày ông Đặng sắp từ trần, sau đó bởi thắng lợi về ngoại giao của Trung Quốc ở các nước Tây Phương trong những tháng gần đây và cuối cùng bởi nhược điểm của nền thương mại Hoa Kỳ trước sự phát triển kinh tế nhanh chóng trong vùng Châu Á - Thái Bình Dương trong đó Trung Quốc đứng đầu với độ tăng trưởng hai số (13%) trong hai năm vừa qua.

1. Trung Quốc khai thác nhược điểm thương mại của Mỹ trên thị trường thế giới và thắng lợi ngoại giao của họ tại Âu Châu

Phải nói thế kỷ 21 là thế kỷ của phát triển kinh tế và cạnh tranh thương mại đặc biệt chung quanh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Khu vực này gồm có 17 nước [1] với 2,1 tỷ người, chiếm 48 % tổng sản lượng hoàn cầu so với hai tổ chức đã thành hình là Không Gian Kinh Tế Âu Châu (EEE)[2] và Khu Vực Thị Trường Tự Do Bắc Mỹ (NAFTA) [3].

Hai tổ chức sau cùng chỉ vỏn vẹn có 370 triệu dân cho mỗi tổ chức và lần lượt chiếm 32% và 28% tổng sản lượng thế giới. Hiện nay, bang giao thương mại của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương chiếm 11,8% thương mại thế giới với 414 tỷ USD và triển vọng phát triển sẽ tăng thêm. Hội nghị thượng đỉnh APEC ở Seattle (Mỹ) trong tháng 11-1993 chứng tỏ sự quan tâm của Mỹ đối với thị trường Châu Á trong những năm sắp đến.

Ngoài Châu Mỹ La Tinh (trừ Cuba) đã nằm trong vòng ảnh hưởng Mỹ, Châu Phi đang trong tình trạng chậm tiến và không có khả năng mua, thị trường Châu Âu thì, trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế hiện nay, đã không có triển vọng gì đối với Mỹ, lại còn là một đối thủ cạnh tranh đáng lo sợ cùng với Nhật Bản.

Vì vậy người ta không lấy làm lạ khi Mỹ tỏ ra cứng rắn với các đồng minh như Nhật và các nước Cộng Đồng Kinh Tế Âu Châu trong việc thương lượng Hiệp Ước Chung về Thuế Quan và Mậu Dịch (GATT).

Đối với Nhật, với một cán cân thương mại thâm hụt gần 60 tỷ USD, Mỹ đã dọa sẽ dùng vũ khí thương mại có tên là "Super 301" nếu Nhật vẫn khư khư bế quan tỏa cảng. Đối với các nước Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu nhất là với Pháp, Mỹ cũng hăm dọa sẽ trả đũa nếu hàng hóa Mỹ bị ngăn chặn bởi những hàng rào thuế quan. Thế yếu của Mỹ về thương mại ở thị trường thế giới đã như vậy lại còn bị áp lực của các kỹ nghệ gia và các nhà chính trị ngoại giao Mỹ. Các nhà kỹ nghệ gia cho rằng cần phải "phân biệt" thương mại và nhân quyền. Chính họ đã làm áp lực lên tổng thống Clinton đòi hủy bỏ cấm vận ở Việt Nam và đã đứng về phía Trung Quốc trong vấn đề nhân quyền! Thái độ của họ là thái độ của người làm thương mại trước một thị trường khổng lồ "hấp dẫn" đang lên. Cùng theo đó, các nguyên bộ trưởng H. Kissinger, C. Vance, L. Eagleburger cũng tỏ ra dè dặt trong việc đặt vấn đề gia hạn quy chế tối huệ quốc tùy thuộc vào tiến bộ về nhân quyền của Trung Quốc .

Trung Quốc đã nắm được các nhược điểm của Mỹ và nghĩ rằng dù muốn dù không Mỹ bắt buộc phải gia hạn dưới áp lực của các kỹ nghệ gia và các nhà ngoại giao.

Thái độ cứng rắn của Trung Quốc được tăng cường bởi sự thắng lợi về ngoại giao trước đó vài tháng. Trong việc tái lập bình thường hóa bang giao với Pháp, thông cáo chung ngày 12-1 không những không đề cập đến vấn đề nhân quyền mà còn cấm Pháp bán vũ khí cho Đài Loan và khẳng định lại Đài Loan là một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc.

Đối với Anh Quốc, thái độ Trung Quốc còn gay gắt hơn về vấn đề Hương Cảng. Trung Quốc đã cho đình chỉ thương thuyết với thống đốc Patten và hăm dọa sẽ hủy bỏ tất cả các cuộc bầu phiếu dân chủ sau khi Hương Cảng được trả lại cho Trung Quốc ngày 1-7-1997.

Giải thích thái độ cứng rắn của Trung Quốc đối với Mỹ và Tây Phương sẽ không trọn vẹn nếu không khảo sát sự tranh quyền đang diễn ra ở Trung Quốc. Sức khoẻ mỗi ngày một kém của ông Đặng sắp 90 tuổi là nguyên nhân chính của thái độ Trung Quốc hiện nay. Phái bảo thủ và canh tân phải tỏ ra cứng rắn đối với thế giới bên ngoài và trong xứ để xứng đáng là người nối nghiệp ông Đặng. Họ thừa biết là ông Đặng là người không chấp nhận chống đối về chính trị. Chỉ thị hiện nay của ông Đặng là phải dẹp đối lập dù là bất bạo động từ trong "trứng nước".

2. Chính quyền là một đối tượng tranh chấp không ngừng ở Trung Quốc

Trong bài tham luận "Những cái áo mới của ông Đặng" (xem Thông Luận số 54 tháng 11-1992), chúng tôi có phân tách sự tranh quyền giữa hai nhóm bảo thủ và canh tân từ sau khi ông Mao từ trần năm 1976 cho đến Đại Hội lần thứ 14 vào tháng 10-1992. Đại Hội đã sắp xếp cho các nhân vật thế hệ thứ ba[4] để nối nghiệp ông Đặng.

Ở Ban thường vụ Bộ Chính Trị, cơ quan quyền lực cao nhất có bảy người: Giang Trạch Dân (68 tuổi), Lý Bằng (66 tuổi), Kiều Thạch (70 tuổi), Lý Thụy Hoàn (60 tuổi), Chu Dung Cơ (66 tuổi), Lưu Hoa Thanh (78 tuổi), Hồ Cẩm Đào (52 tuổi). Giang Trạch Dân là tổng thư ký đảng kiêm chủ tịch Nhà Nước và chủ tịch Quân Ủy Trung Ương; Lý Bằng, thủ tướng chính phủ; Kiều Thạch, chủ tịch Quốc Hội; Lý Thụy Hoàn, chủ tịch Hội Nghị Chính Hiệp; Chu Dung Cơ, phó thủ tướng đặc trách kinh tế và ngân hàng; Lưu Hoa Thanh, tổng tham mưu trưởng quân đội kiêm phó chủ tịch Quân Ủy Trung Ương, còn Hồ Cẩm Đào điều khiển Ban Bí Thư. Sự phân chia trách nhiệm như vậy đã rõ rệt và Giang Trạch Dân là nhân vật số "một" với ba chức vụ cao nhất trong đảng, nhà nước và quân đội.

Từ trước đến nay, ngoài ông Mao ra, chưa ai nắm ba chức vụ trên như Giang Trạch Dân ngày nay [5]. Nhưng đó cũng chỉ là bối

cảnh của mặt tiền. Ở hậu trường, sự việc hoàn toàn khác hẳn. Ông Đặng là người đã từng "lên voi xuống chó", bản lĩnh "cao thủ" vượt hẳn ông Mao. Ông Mao trước đây khi bị thất sủng phải dùng "cách mạng văn hoá" để lấy lại chính quyền. Ông Đặng không cần làm điều đó mà vẫn là số "một", một vị hoàng đế không ngôi.

Theo điều lệ đảng, Ủy Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị là cơ quan quyền lực cao nhất, nhưng ông Đặng cho đặt thêm một cơ quan chóp bu còn được gọi là "Trung Tâm" đứng trên Ủy Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị! Người ta còn nhớ khi ông Gorbatchev viếng thăm Trung Quốc vào tháng 6-1989 trong lúc sinh viên đang biểu tình ở quảng trường Thiên An Môn, tổng thư ký đảng Triệu Tử Dương bị cách chức sau đó và bị khiển trách vì đã tiết lộ một "cơ mật quốc gia" là ông Đặng mặc dù không còn chức vụ chính thức gì sau Đại Hội thứ 13 (1987) vẫn là nguyên thủ quốc gia.

"TrungTâm" là một cơ cấu ba tầng có sự giám sát của các bạn đồng hành lão thành do sự thỏa thuận giữa ông Đặng và ông Trần Vân. Tầng một có ông Đặng Tiểu Bình, tầng hai có các ông Trần Vân, Bành Chân và Dương Thượng Côn và tầng ba gồm các ông Vạn Lý, Tống Bình, Diêu Y Lâm, Ngô Học Khiêm và Tần Cơ Vĩ.

Điều đáng để ý là ngoài ông Đặng, Trần Vân và Bành Chân, các nhân vật kia là những ủy viên Bộ Chính Trị của Đại Hội 13 vừa bị loại ở Đại Hội 14. Nhưng quyền lực thực sự nằm ở văn phòng ông Đặng ở tầng một, với sự trợ lực của các nhân vật sau : giám đốc tướng Vương Thụy Lâm (ủy viên Trung Ương và tổng cục phó Tổng Cục Chính Trị quân đội), nhóm công tác chính trị gồm Vương Thụy Lâm, Đinh Quang Căn (ủy viên bộ chính trị), nhóm công tác kinh tế gồm Cốc Mục (phó chủ tịch Hội Nghị Chính Hiệp), Lữ Bồi Kiểm (bộ trưởng Giám Sát Tài Chính), nhóm công tác quân ủy gồm các tướng Lý Đức Sinh, Dương Đắc Chí, Lý Tế Quân (ủy viên Trung Ương, giám đốc Văn Phòng Quân Ủy Trung Ương).

Theo sự sắp xếp, Vương Thụy Lâm, Cốc Mục, Lý Đức Sinh có thể tham dự các buổi họp của Bộ Chính Trị, Cốc Mục và Lữ Bồi Kiểm tham dự các buổi họp của Hội Đồng Bộ Trưởng còn Vương Thụy Lâm, Lý Đức Sinh, Dương Đắc Chí, Lý Tế Quân các buổi họp ở Quân Ủy Trung Ương.

Ngoài ra Bộ Chính Trị còn lấy sáu quyết định "cơ mật" đại để là, các quyết định về phương sách chính trị kinh tế, về thay đổi nhân sự trong đảng, nhà nước, quân đội phải được ông Đặng phê chuẩn và phải hỏi ý kiến và sự chỉ giáo của các ông Trần Vân, Bành Chân và Dương Thượng Côn.

Vì các lẽ nói trên, sự sống còn của ông Đặng trở thành một ..."casse-tête chinois" cho giới cầm quyền Trung Quốc.

Vào dịp tết âm lịch vừa qua, ông Đặng xuất hiện ở đài truyền hình được hai con gái là Đặng Dung và Đặng Nam dìu dắt. Ông Đặng nói không ra tiếng và mỗi lần nói phải nhờ hai người con gái làm "thông ngôn". Cảnh tượng này không khác gì cảnh tượng những ngày cuối cùng của ông Mao năm 1976. Ai sẽ nối nghiệp ông Đặng sau ngày ông ta chết? Điều này còn khó quả quyết.

Nhưng theo truyền thống, nhân vật số "một" phải là người có sự ủng hộ của ngành công an và quân đội. Ông Mao là người đã từng điều binh khiển tướng thống lãnh cuộc vạn lý trường chinh trên hơn 10.000 km từ Thụy Kim tỉnh Giang Tây về Diên An (Thiểm Tây). Ông Đặng cũng đã từng là chính ủy sư đoàn 129 của cựu nguyên soái Lưu Bá Thừa, lại là cựu tổng tham mưu trưởng quân đội. Khi có chế độ quân hàm, ông Mao đã đề nghị ông Đặng trở thành một trong mười nguyên soái [6] nhưng ông Đặng đã khước từ. Sự tranh quyền hiện nay sẽ phát diễn chung quanh ba nhân vật đầu não là Giang Trạch Giang, Lý Bằng và Kiều Thạch. Vai trò của Lý Bằng đang bị lu mờ vì tay đã "đẫm máu" sau vụ đồ sát ở Bắc Kinh năm 1989, ông lại còn bị Chu Dung Cơ lấy hết quyền lực về kinh tế trong khi ông còn đang trọng bịnh.

Họ Giang không phải là quân nhân, chẳng có thành tích gì về quân sự, lại không nằm trong guồng máy đảng (apparatchik). Kiều Thạch, trái lại hơn 20 năm(1963-1983) điều khiển ngành an ninh tình báo, lại thâm niên về tuổi đảng hơn họ Giang. Kiều Thạch còn nằm trong ban bí thư đảng từ 1982 và bí thư Ủy Ban Trung Ương Giám Sát và Kỷ Luật. Với các chức vụ cao cấp trong đảng như trên, Kiều Thạch có nhiều khả năng được quân đội ủng hộ hơn Giang Trạch Dân. Nhưng các nhân tố này chưa đủ để trở thành số "một", còn tùy thuộc ở sự ủng hộ của các tỉnh duyên hải đang trở thành trù phú và ở sự biến đổi của xã hội Trung Quốc mỗi ngày một phức tạp. Điều chắc chắn là sự tranh quyền sẽ gay gắt hơn trước đây.

Kết luận

Rút kinh nghiệm thất bại trong việc thả "người tù cá nhân" của ông Đặng, anh Ngụy Kinh Sinh hồi tháng 9-1993, lần này Trung Quốc cho đánh một ván bài "poker" với Mỹ về nhân quyền. Cũng như trong các ván bài "poker", lúc được thì ăn to, lúc thua nhiều khi phải sạt nghiệp. Lợi dụng thế yếu của địch thủ để tiến công theo binh pháp của Tôn Tử là nhiệm vụ của người cầm quân. Nhưng muốn hạ nhục một cường quốc về nhân quyền để làm thỏa mãn ý muốn của một lãnh tụ già nua chắc chắn không phải là thượng sách. Hình như dự đoán được điều bất lành sắp đến, Trung Quốc sang vuốt ve Nhật để có thể thay thế thị trường Mỹ (một phần ba xuất cảng của Trung Quốc là thị trường Mỹ), nhưng ai cũng biết thị trường Nhật là thị trường bán nhiều mua ít.

Phải chăng là chính sách "gậy ông đập lưng ông" đang được nhà cầm quyền Trung Quốc áp dụng? Chính sách này sẽ đưa đến những hậu quả khó đo lường về kinh tế và chính trị trong những ngày sắp đến.

Còn thái độ của Mỹ và Tây Phương đối với vấn đề nhân quyền phải ra sao? Họ nên nghe lời khuyên của anh Ngụy Kinh Sinh như sau: "Các kỹ nghệ gia Âu Tây trước hết nên đầu tư về chính trị bằng cách giúp người Trung Quốc tạo lập các cơ cấu kinh tế để cùng hưởng lộc lâu bền" vì theo anh Sinh " một chế độ không có ý định thành lập một cơ cấu kinh tế thỏa mãn cho chính người dân của mình nhưng lại cho người ngoại quốc nhiều đặc quyền là một chế độ bất công. Không chắc là người dân của xứ có thể chấp nhận lâu dài tình trạng bất công đó".

Người ngoại quốc không nên vì lợi ích nhỏ nhoi thiển cận hãy suy nghĩ đến lời nói chí lý này trước khi làm ngơ về những vi phạm nhân quyền của chính quyền Trung Quốc.

Phùng Nguyên

Chú thích :

[1] APEC hay CEAP gồm các nước: Mỹ, Canada, Mexico, Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Nhật, Nam Triều Tiên, Thái Lan, Nam Dương, Phi Luật Tân, Mã Lai, Singapore, Brunei, Úc, Tân Tây Lan, Tân Guinée.

[2] Espace Économique Européen (EEE) bao gồm 12 quốc gia thuộc Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu và 7 nước của Hiệp Hội Âu Châu Trao Đổi Tự Do (AELE).

[3] NAFTA hay ALENA gồm ba nước Mỹ, Canada và Mexico.

[4] Thế hệ một là thế hệ Mao, thế hệ hai là thế hệ Đặng.

[5] Hoa Quốc Phong, sau khi Mao từ trần, giữ ba chức vụ trong hai năm: chủ tịch Đảng, chủ tịch Quân Ủy Trung Ương và thủ tướng chính phủ thay vì chủ tịch nước.

[6] Các nguyên soái đó là: Chu Đức, Bành Đức Hoài, Hạ Long, Diệp Kiếm Anh, Trần Nghị, Nhiếp Vinh Trăn, Lưu Bá Thừa, Lâm Bưu, Từ Hướng Tiền, Dương Thành Vũ.

Tài liệu

"Quan Điểm và Cuộc Sống"

của Nguyễn Hộ

LTS: *Tài liệu dài 50 trang đánh máy, có ghi số điện thoại của ông Nguyễn Hộ (84.8) 290.408. Tại số này thân nhân của ông Nguyễn Hộ cho biết họ không thể nói gì hơn về tình trạng của Nguyễn Hộ và yêu cầu "liên lạc thẳng với ông Trương Tấn Sang, chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố". Được hỏi có liên lạc được với ông Nguyễn Hộ không, thân nhân trả lời "Chúng tôi không biết".*

Tài liệu gồm:

A. "Mấy lời của tác giả" từ trang 1 đến trang 6, đăng trong số này, trong phần dẫn nhập ,tác giả kể sơ lược thân thế và lập trường của mình.

B. Quan Điểm và Cuộc Sống:

Phần 1 (không có tựa, từ trang 7 đến trang 20). Phân tích bối cảnh thế giới và Việt Nam. Tác giả ca tụng sự sáng suốt của Gorbatchev đã làm thay đổi bộ mặt của trái đất. Tác giả khẳng định sự đào thải chắc chắn không thể đảo ngược được của chủ nghĩa Mác-Lênin, kể cả tại Việt Nam. Tác giả khẳng định phải đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Phần 2. Tư bản chủ nghĩa - con đường không thể đảo ngược được (từ trang 21 đến trang 27). Nguyễn Hộ phân tích điều kiện ra đời và tan rã của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhận định rằng chủ nghĩa tư bản là hướng đi tất yếu.

Phần 3 (không có tựa, từ trang 28 đến trang 46). Phần này gồm 17 đoạn (đánh số từ A đến S) là phần gây sôi nổi nhất. Tác giả lên án đảng cộng sản Việt Nam độc ác, phản dân chủ. Ông phân tích và đề cao dân chủ đa nguyên như là thể chế bắt buộc cho Việt Nam và tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc như là điều kiện tất yếu để đưa đất nước đi lên. Nguyễn Hộ tỏ ra đặc biệt quí trọng cộng đồng người Việt hải ngoại. Hai đoạn kinh khủng nhất là đoạn O và đoạn P, trong đó tác giả tiết lộ là việc đảng cộng sản tàn sát hàng loạt tín đồ Cao Đài và nêu nghi vấn là bốn tướng Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, Đinh Đức Thiện và Trần Bình (*) đã bị đảng cộng sản giết.

Phần 4. Định hướng chiến lược (từ trang 47 đến trang 50). Tác giả đưa ra những đề nghị cụ thể về định hướng cho đất nước trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao và quốc phòng. Về chính trị, ông khẳng định phải từ bỏ chủ nghĩa xã hội, từ bỏ chế độ độc tài đảng trị, xây dựng một thể chế dân chủ đa nguyên - một nhà nước pháp quyền. Ông kêu gọi tổ chức một "Hội nghị Diên Hồng" để toàn dân phát biểu về một hiến pháp mới. Ông đòi hỏi bầu cử tự do có giám sát của Liên Hiệp Quốc. Hướng về tương lai, ông đề nghị một chế độ đại nghị (quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất) với tam quyền phân lập. Để giải quyết vấn đề chuyển hóa trong hòa bình, Nguyễn Hộ đề nghị thành lập một chính phủ liên hiệp trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Trích dẫn tài liệu "Quan Điểm và Cuộc Sống"

Không phải vì dân tộc, đất nước mà chính vì sợ mất vai trò lãnh đạo và đặc quyền, đặc lợi của cá nhân hoặc một nhóm người lãnh đạo mà Đảng cộng sản Việt Nam đã chà đạp thô bạo hiến pháp của nước CHXHCN Việt Nam, biến nó thành một thứ trang trí, không có giá trị thực tiễn trong việc bảo vệ dân chủ và tự do và lợi ích của công dân; ra sức chống lại quyết liệt những đòi hỏi về các quyền dân chủ tự do của nhân dân dưới chiêu bài "chống đa nguyên, đa đảng" để hù dọa trước hết trong nội bộ Đảng và sau đó trong đông đảo quần chúng rằng "đa nguyên, đa đảng là một quan điểm rất nguy hiểm, chống Đảng, chống cách mạng, chống chủ nghĩa xã hội của bọn phản động" nhằm siết chặt đội ngũ cán bộ, đảng viên tạo thêm sức mạnh để chống "đa nguyên, đa đảng" và làm cho quần chúng ngán ngại quan điểm nói trên. [...]

Bằng cách tập hợp đồng bào đi phá hoại đường để bảo vệ vùng giải phóng thuộc Củ Chi - gọi là "Khu 5" - Ban chỉ huy ra lịnh: ai có đạo đứng một bên, ai không có đạo đứng một bên; ai có đạo ở lại, ai không có đạo đi phá đường. Do vậy, hàng trăm người có đạo - toàn là tín đồ Cao Đài gồm nam, nữ, ông già, bà cả, thanh niên, trung niên - được điều động đến mé rừng rậm. Sau đó nhiều loạt súng liên thanh nổ liên tiếp với tiếng người kêu la, gào thét kinh khủng. Thế là số phận bi thảm của đồng bào Cao Đài nói trên đã kết liễu. Thi hài của họ được vùi dập xuống các hầm đào sẵn ở rừng Làng và Sở cao su Me-sắc (thuộc xã Mỹ Hưng, Củ Chi). Vào năm 1950, người ta đã phát hiện ở rừng Bời Lời (Trảng Bàng, Tây Ninh) có 5-7 hầm toàn sọ người. Hay như ở xã Vĩnh Lộc (thuộc Gò Vấp, Gia Định cũ), về sau này, hàng năm đều có ngày giỗ thống nhất - giỗ những đồng bào tín đồ Cao Đài trong xã, ấp bị giết hàng loạt cùng một ngày bởi các cuộc tảo thanh tàn bạo nói trên của Đảng cộng sản Việt Nam. [...]

Điều đặc biệt quan trọng xảy ra trước và sau Đại hội lần thứ 6 của Đảng cộng sản Việt Nam (tháng 12-1986) là một loạt cấp tướng (đại tướng, trung tướng) bị giết hại một cách bí mật và nhiều câu hỏi được đặt ra trong dư luận xã hội lúc bấy giờ, nhất là ở thủ đô Hà Nội: kẻ sát nhân là kẻ nào? bàn tay bí mật giết người từ đâu? Bởi vì, chỉ trong một thời gian rất ngắn, liên tiếp có hai đại tướng: Hoàng Văn Thái và Lê Trọng Tấn cùng ở vào một tình huống giống nhau - chuẩn bị nhận chức vụ mới (Bộ trưởng Quốc Phòng - cũng đều bị chết bất ngờ (ngộ độc). Trường hợp Đại tướng Hoàng Văn

Thái trước khi trút hơi thở cuối cùng đã nói với vợ ông rằng: "Người ta đã giết tôi", và vợ ông trước những người đến viếng thăm đã khóc thê thảm và kêu to lên rằng: "Người ta đã giết chồng tôi". Cái chết đột ngột của Đại tướng Lê Trọng Tấn cũng tương tự như trên (theo lời kể tỉ mỉ của hai vợ chồng ông trung tướng đương chức ở Hà Nội - năm 1987). [...]

Sau hai sự kiện đau buồn nói trên (tức sau Đại hội 6 Đảng cộng sản Việt Nam) khoảng mấy tháng lại có thêm hai trung tướng: Đinh Đức Thiện và Trần Bình (*) *bị giết hại. Theo tin loan truyền thì Trung tướng Đinh Đức Thiện bị tai nạn ô-tô mà chết, còn dư luận xã hội, kể cả gia đình, cán bộ quân sự thì cho rằng ông Đinh Đức Thiện không bị tai nạn ô-tô mà bị bắn chết tại rừng Cúc Phương (Ninh Bình) khi ông đi săn thú. Dư luận còn nhấn mạnh: ông Thiện chắc chắn bị một người bà con có quyền thế sát hại. Còn Trung tướng Trần Bình* (*), *Cục trưởng Cục Tình Báo Quân Đội Nhân Dân Việt Nam, bị bắn chết ngay trên đường phố thuộc Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; và sau đó độ mấy ngày, người con trai của ông cũng bị bắn chết tại khu vực nói trên.* [...]

(*) : Có lẽ tên ông tướng này là Phan Bình thì đúng hơn?

Mấy lời của tác giả

Tôi tên Nguyễn Hộ, sanh ngày 1 tháng 5 năm 1916 (78 tuổi), tại xã Hạnh Thông (tức phường 10), quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Lúc còn nhỏ, tôi chỉ học hết cấp II ("Sơ học yếu lược") thời Pháp thuộc năm 1933. Vì gia đình nghèo, tôi không thể tiếp tục đến trường mà phải đi học nghề, làm thợ tại xưởng đóng tàu Ba Son (1935) vào lúc 19 tuổi. Tại đây từ năm 1936 (20 tuổi), tôi bắt đầu tham gia Cách Mạng, tham gia phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ và được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương (tức Đảng cộng sản Việt Nam sau này) năm 1937 (lúc 21 tuổi). Sau gần 5 năm hoạt động, tôi bị bắt vào tháng 4 năm 1940 trên đường đi vào nhà máy và bị tù đày 5 năm ở Côn Đảo. Đến cuối năm 1945, tôi được Cách Mạng Tháng Tám giải phóng về và tiếp tục hoạt động cho đến sau này. Suốt quá trình cách mạng ấy, tôi đã kinh qua các trách nhiệm như sau:

A. Thời kỳ đấu tranh dân sinh dân chủ (1936-1940):
- Chi ủy chi bộ Ba Son (Đảng cộng sản Đông Dương).
- Bị tù đày ở Côn Đảo (1940-1945)

B. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946-1954):
- Phó thư ký kiêm bí thư Đảng Đoàn Liên Hiệp Công Đoàn Nam Bộ, phụ trách công đoàn Sài Gòn - Chợ Lớn.
- Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chánh đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, phụ trách dân quân; Trưởng ban dân quân Sài Gòn - Chợ Lớn.
- Thành đội trưởng dân quân Sài Gòn - Chợ Lớn.
- Phụ trách Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn (cuối năm 1948 đến cuối năm 1950), kiêm Phó chủ tịch Ủy ban hành chánh Sài Gòn - Chợ Lớn.
- Ủy viên thường vụ đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, phụ trách Ban cán sự 2 đặc khu, kiêm Phó chủ tịch Ủy ban hành chánh Sài Gòn - Chợ Lớn, kiêm chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn (cuối năm 1950 đến cuối năm 1952).
- Đau nặng, nằm bệnh viện (cuối năm 1952 đến cuối năm 1954).

C. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (lúc đất nước chia cắt hai miền Nam Bắc):
- Ra Bắc, đau nặng, nằm bệnh viện (1955-1956).
- Ủy viên Ban chấp hành, Ban thường vụ Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam (1957-1960).
- Ủy viên Ban thư ký, ủy viên Đoàn chủ tịch Tổng Công Đoàn Việt Nam; Đảng Đoàn Tổng Công Đoàn Việt Nam (1961-1963).

D. Về miền Nam công tác (1964-1975):
- Ủy viên thường vụ khu ủy Sài Gòn - Gia Định (T4), phụ trách dân vận, công vận, hoa vận.

E. Thời kỳ sau 30-04-1975 trở đi (1975-1987):
- Ủy viên thường vụ thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, phụ trách dân vận.
- Chủ tịch Liên Hiệp Công Đoàn thành phố Hồ Chí Minh, kiêm phó chủ tịch Tổng Công Đoàn Việt Nam.
- Chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh, kiêm ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam.
- Chủ tịch Hội Việt - Xô Hữu Nghị thành phố Hồ Chí Minh, kiêm phó chủ tịch Ban chấp hành trung ương Hội Việt - Xô Hữu Nghị.
- Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết và hữu nghị với nhân dân Thế giới thành phố Hồ Chí Minh.
- Chủ tịch Ủy ban thiếu niên nhi đồng thành phố Hồ Chí Minh.
- Trưởng Ban vận động đồng bào thành phố Hồ Chí Minh ủng hộ xây dựng công trình thủy điện Trị An, xây dựng con đường Nhà Bè - Duyên Hải và xây dựng Kinh Đông - Củ Chi.
- Giữa năm 1987, tôi được cơ quan cho nghỉ hưu lúc tôi 71 tuổi.

Liền sau đó Câu Lạc Bộ Kháng Chiến thành phố ra đời. Tôi tham gia hoạt động với tư cách Chủ nhiệm Câu Lạc Bộ. Kể ra, ngay từ đầu, anh em kháng chiến thiết tha xin lập Hội những người kháng chiến thì bị Thành ủy và Ủy Ban Nhân Dân thành phố từ chối và chỉ cho phép thành lập Câu Lạc Bộ những người kháng chiến mà thôi, mặc dù điều 67 của Hiến pháp còn ghi rành rành các quyền tự do của công dân: tự do hội họp, tự do lập hội... Tất nhiên, tổ chức Hội và tổ chức Câu lạc bộ có sự khác nhau về nội dung, quyền hạn và phạm vi hoạt động. Tuy vậy, dựa vào nội dung quyết định của Ủy Ban Nhân Dân thành phố về nhiệm vụ, quyền hạn của Câu Lạc Bộ Kháng Chiến :

- Tập hợp những người kháng chiến trong hai thời kỳ (chống Pháp và chống Mỹ) nhằm phát huy truyền thống yêu nước trong nhân dân ta.
- Đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- Đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống.

Những người tham gia Câu Lạc Bộ Kháng Chiến đã tiến hành hoạt động bằng các hình thức: hội thảo, mít-tinh, kiến nghị. viết

báo, ra báo nhằm các mục tiêu cụ thể chống tiêu cực, quan liêu, cửa quyền, ức hiếp, trù dập quần chúng, tham nhũng, bè phái, bao che lẫn nhau vì đặc quyền, đặc lợi trong hàng ngũ cán bộ Đảng và Nhà nước; ngoài việc xây dựng tổ chức, phát triển hội viên, thực hiện đoàn kết tương trợ, thăm hỏi, chăm sóc gia đình kháng chiến, thương binh liệt sĩ.

Với tinh thần đấu tranh chống trì trệ, tiêu cực nói trên, Câu Lạc Bộ Kháng Chiến thành phố đã kiến nghị:

- Bộ chính trị và Ban bí thư trung ương Đảng cần có sự kiểm điểm định kỳ, phê và tự phê về sự lãnh đạo của mình trước Ban chấp hành Trung ương để qua đó điều chỉnh, kiện toàn cơ quan lãnh đạo: ai có đủ đức, tài thì tiếp tục phát huy, còn ai không đủ đức, tài thì cần cho rút lui để đưa người có đức có tài thay thế, chứ không thể cứ "sống lâu lên lão làng".
- Không nên "độc diễn" khi Quốc hội bầu chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (1988) mà nên có một số người ra ứng cử chức vụ nói trên với chương trình hành động cụ thể của mình. Quốc hội sẽ chọn một Chủ tịch hội đồng bộ trưởng trong số các ứng cử viên ấy bằng lá phiếu kín của mình.
- Quốc hội cần cách chức một số bộ, thứ trưởng có liên quan không làm tròn trách nhiệm, dẫn đến hậu quả là có trên 10 (mười) triệu người (ở miền Bắc) bị đói năm 1987, và nhân dân cả nước sống cơ cực kéo dài...

Thế nhưng đối với lãnh đạo (Đảng và Nhà nước), các cuộc đấu tranh bằng các hình thức nói trên của Câu Lạc Bộ Kháng Chiến thành phố là một sự đe dọa. Do đó, lãnh đạo đã tìm mọi cách hạn chế, ngăn chặn các hoạt động của Câu Lạc Bộ như: không cho hội thảo, mít tinh, hoặc có hội thảo mít tinh nhưng số người dự ít thôi; tịch thu ấn bản (ma-kết) để Câu Lạc Bộ Kháng Chiến không ra báo được (trước khó khăn đó, với tin thần bám chặt các quyền tự do dân chủ của công dân đã ghi rõ trong Hiến pháp như: tự do ngôn luận, tự do báo chí...), anh em Câu Lạc Bộ phải cấp tốc đem bài vở chạy xuống Mỹ Tho - Tiền Giang để nhờ giúp đỡ. Tại đây, anh em địa phương rất nhiệt tình, hì hục suốt ngày đêm làm xong ấn bản lần thứ hai thì lại được lệnh của Ban tuyên huấn Tỉnh ủy là không được in báo cho Câu Lạc Bộ Kháng Chiến thành phố. Thế là anh em Câu Lạc Bộ phải chạy tiếp xuống Cần Thơ - Hậu Giang cầu cứu với ấn bản có sẵn. Nhờ sự thông cảm và tận tình của anh em địa phương, chỉ trong vài ngày, 20 ngàn tờ báo "Truyền Thống Kháng Chiến" đã được in xong. Sở Văn hóa Thông tin ra lệnh tịch thu tờ báo số 3 này đang được phát hành và sau cùng cơ quan chính quyền đóng cửa vĩnh viễn báo "Truyền Thống Kháng Chiến" - tờ báo được nhiều cảm tình của đông đảo bạn đọc luôn luôn chờ đón nó.

Ngay lúc ấy, Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đứng đầu là Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh và bí thư thành ủy Võ Trần Chí cùng nhiều cán bộ khác kể cả Trần Văn Trà ("thượng tướng"), Trần Bạc Đằng ("nhà văn, nhà báo") đã họp bàn kế hoạch tỉ mỉ nhằm đàn áp Câu Lạc Bộ Kháng Chiến thành phố và nhiều nơi khác. Ý kiến phát biểu, lên án, buộc tội Câu Lạc Bộ Kháng Chiến thành phố của Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng trong cuộc họp nói trên được in ra và phát hành khắp cả nước. Thế là liền sau đó, Câu Lạc Bộ Kháng Chiến thành phố bị cấm hoạt động. Một Câu Lạc Bộ Kháng Chiến mới với Ban chủ nhiệm mới - như một thứ "kiểng" trang trí - hình thành nhằm vô hiệu hóa, tê liệt hóa phong trào đấu tranh chống tiêu cực, suy thoái trong hàng ngũ Đảng và Nhà nước vừa mới dâng lên và cũng nhằm củng cố chế độ độc tài, phản dân chủ.

Trước không khí ngột ngạt ấy, tôi đã quyết định rời bỏ Thành phố, về sống ở nông thôn để tiếp tục cuộc đấu tranh vì dân chủ tự do, vì ấm no hạnh phúc của nhân dân đến hơi thở cuối cùng. Ngày 21-3-1990, tôi rời khỏi Sài Gòn cũng là ngày tôi ly khai Đảng cộng sản Việt Nam - Đảng mà sau 54 năm đeo đuổi làm cách mạng (với tư cách đảng viên) của tôi, nay đã trở thành vô nghĩa. Sau cái ngày đáng ghi nhớ ấy, khoảng hơn một tháng, một số anh em Câu Lạc Bộ Kháng Chiến thành phố gồm: Tạ Bá Tòng (Tám Cần), Hồ Văn Hiếu (Hồ Hiếu), Đỗ Trung Hiếu (Mười Anh) bị bắt, cả Lê Đình Mạnh - người ủng hộ tích cực Câu Lạc Bộ Kháng Chiến thành phố cũng bị bắt sau đó.

Vào cuối tháng 8-1990, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Võ Văn Kiệt đi gặp tôi ở vùng Phú Giáo - miền đông Nam Bộ cách Sàigòn khoảng 60 cây số (km), tại cái chòi sản xuất của nông dân. Ông Kiệt hỏi tôi: "Thế này là sao?" Tôi trả lời: "Thành phố ngột ngạt quá, tôi về nông thôn ở cho khỏe". Ông Kiệt nói: "Anh cứ về ở giữa thành phố, ai làm gì anh". Tôi đáp: "Rất tiếc, phải chi anh gặp tôi sớm hơn độ hai tháng thì tốt quá, tôi trở về thành phố ngay. Còn bây giờ thì đã muộn rồi, bởi vì dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam lúc bấy giờ đứng đầu là Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh cùng các ông: Mai Chí Thọ, Võ Trần Chí, Trần Trọng Tân, Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng... cả nước được chỉ đạo, phổ biến rằng tôi (Nguyễn Hộ) là tên phản động, "gián điệp, móc nối với CIA", nối dáo cho giặc, tiếp tay báo chí nước ngoài tuyên truyền chống Đảng, chống Nhà nước, "lập tổ chức quần chúng (Câu Lạc Bộ Kháng Chiến thành phố) chống Đảng, lật đổ chính quyền", "ăn tiền của Mỹ", "chủ trương đa nguyên, đa đảng nhằm lật đổ Đảng cộng sản Việt Nam". Tất cả sự qui chụp ấy nói lên rằng Đảng cộng sản Việt Nam đã đạp tôi xuống tận bùn đen, chôn vùi cả cuộc đời cách mạng của tôi trong nhơ nhuốc để tôi không làm sao ngóc đầu dậy được, tình hình như vậy thì tôi trở về thành phố để làm gì trừ phi đất nước Việt Nam có dân chủ tự do thật sự. Do đó tôi quyết sống ở thôn quê đến ngày cuối cùng của đời tôi".

Cuộc gặp gỡ giữa tôi và ông Kiệt diễn ra từ 7 giờ 30 phút sáng đến 11 giờ trưa thì kết thúc và chia tay. Được biết từ sau lần gặp gỡ đó, ông Kiệt tỏ ra phấn khởi và có nhắn muốn gặp tôi lần thứ hai ở một địa điểm nào đó gần Sài Gòn hơn để tiện việc đi lại. Khi được tin này, tôi có viết thơ trả lời cho ông Kiệt rằng cuộc gặp gỡ lần thứ hai không cần thiết.

Sau đó, khoảng nửa tháng thì tôi bị bắt (7-9-1990) trên sông Sài Gòn vào lúc 7 giờ sáng khi tôi bơi xuồng vừa cặp vào bờ, định bước lên đi vào đám ruộng cạnh đó để hái rau má, rau đắng về ăn. Đúng vào thời điểm ấy, một chiếc ghe lớn đang chạy trên sông lại cặp sát xuồng tôi, trong đó có 6-7 thanh niên khỏe mạnh. Bỗng có tiếng hỏi to: "Bác ơi, bác có thấy một chiếc ghe nhỏ chạy ngang qua đây không?". "Không!", tôi trả lời. Liền có tiếng hét to: "Đúng nó rồi!".

Lúc bấy giờ tôi mới biết đó là ghe công an và nghe tiếng súng lên cò rốp rốp. Tức khắc có hai công an cường tráng, tay cầm súng đã nạp đạn nhảy xuống mũi xuồng nơi tôi đang đứng. Tôi bình tĩnh hỏi: "Mấy chú muốn gì?". "Muốn gì về Sở thì biết", tiếng trả lời xấc xược của một công an. Hai công an đồng loạt nắm hai tay tôi, kéo mạnh ra phía sau rồi còng ngay. Họ điều động tôi

đến sát chiếc ghe lớn có tấm ván dài bắc từ mũi ghe xuống đáy. Họ xô mạnh tôi chúi mũi và tuột xuống đáy ghe. Ghe nổ máy chạy dọc con sông lên hướng Tây-Bắc độ 15 phút thì rẽ vào rạch nhỏ, đi sâu đến bến. Tại đây có chiếc xe hơi nhỏ đậu sẵn. Tôi được điều lên xe và đổi còng từ phía sau ra phía trước, với bộ y phục: quần xà-lỏn đen và cái áo đen ngắn tay đã xuống màu, hai bên có hai công an ngồi sát và một công an khác ngồi phía trước. Sau nửa giờ xe chạy thì đến nơi. Người ta đưa tôi vào một nhà lá trống trải, không có cửa. Tôi được ngồi nghỉ trên cái giường gỗ nhỏ có trải chiếc chiếu cũ. Lúc bấy giờ tôi mới nhận ra rằng chính lực lượng công an huyện Củ Chi đã săn bắt tôi (tất nhiên theo lệnh của Sở công an thành phố và Bộ nội vụ).

Củ Chi - cái tên rất quen thuộc và thân thiết - đã gợi lên trong đầu óc tôi biết bao cảm nghĩ: Củ Chi địæa đạo, "bom đìa, pháo bẩy", Củ Chi tan nát, anh dũng, chịu đựng, gian khổ, hy sinh, nước mắt đau thương xen lẫn với nụ cười chiến thắng mà bản thân tôi trong một số năm được chia sẻ đắng cay, ngọt bùi cùng đồng bào Củ Chi trong cuộc chiến tranh không cân xứng, vô cùng ác liệt giữa Mỹ và Việt Nam; hoặc nó gợi cho tôi nhớ bao nhiêu kỷ niệm tốt đẹp trong những năm hòa bình (1975-1989): đi thăm và ủy lạo anh em thanh niên xung phong đang lao động xây dựng công trình thủy lợi Kênh Đông - Củ Chi để đưa nước từ hồ Dầu Tiếng về tưới cho hàng ngàn hécta ruộng lâu nay thiếu nước của huyện; đi thăm và ủy lạo các gia đình có công với Cách mạng, gia đình thương binh liệt sĩ trong những ngày kỷ niệm lịch sử; hoặc đi thăm và tặng quà cho các thiếu nhi, học sinh nghèo của huyện; đi dự các lễ trao tặng nhà tình nghĩa của ban, ngành, đoàn thể, cơ sở; kinh doanh, sản xuất cho gia đình đối tượng chính sách trong huyện. Ôi! Ý nghĩ sao mà miên man.

Đúng 4 giờ rưỡi chiều hôm đó, tôi được đưa lên ô-tô để về Sài Gòn. Trước và sau xe tôi còn có mấy chiếc xe khác đầy nhân viên công an. Khi đèn đường thành phố rực sáng thì xe tôi đến cơ quan Bộ nội vụ (tức Tổng nha cảnh sát cũ trước đây). Tôi ngồi ở cơ quan Nội vụ hơn một giờ thì được đưa thẳng lên Xuân Lộc (Đồng Nai), có nhiều xe công an hộ tống. Hơn 10 giờ đêm thì tới Xuân Lộc, tôi được đưa đến một nhà trống (nhà tròn) của K4 với một bán đội công an võ trang đầy đủ. Được một tuần, người ta lại đưa tôi trở về thành phố quản thúc tại Bình Triệu, ở một địa điểm đối diện với cư xá Thanh Đa. Sau hơn bốn tháng sống biệt lập, luôn luôn có một tiểu đội công an võ trang canh giữ, tôi được đưa về quản thúc tại gia vào đúng ngày 30 Tết Nguyên Đán (đầu năm 1991) từ đó về sau này. Khi đến gặp tôi tại ba địa điểm nói trên, các ông Võ Văn Kiệt (phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng), Mai Chí Thọ (Bộ trưởng Bộ nội vụ), Võ Trần Chí (Bí thư thành ủy), Võ Viết Thanh (Thứ trưởng nội vụ), Nguyễn Võ Danh (Phó bí thư thành ủy), Trần Văn Danh (thành ủy viên)... đều bảo tôi phải làm kiểm điểm (để qua đó lãnh đạo sẽ xem xét và giải quyết nhanh vấn đề của tôi theo cách giải quyết nội bộ). Nhưng tôi nghĩ: tôi không có tội lỗi gì trong hành động của mình - hoạt động Câu Lạc Bộ Kháng Chiến. Không lẽ đấu tranh chống tiêu cực (theo chủ trương, nghị quyết của Đảng cộng sản Việt Nam): chống tham nhũng, chống quan liêu, cửa quyền, ức hiếp, trù dập, hãm hại quần chúng; chống tư tưởng bè phái, bao che cho nhau: những người đã gây biết bao tác hại cho nhân dân, đất nước, không đức, không tài mà cứ ngồi lì ở cương vị lãnh đạo; đấu tranh chống tiêu cực, suy thoái như vậy là hành động phản cách mạng, "phản động", "nối dáo cho giặc" sao? Do đó, tôi không làm kiểm điểm mà chỉ phát biểu quan điểm của mình về tình hình chung trong nước và sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam (trên 20 trang).

Kiểm điểm là công việc mang tính chất nội bộ. Còn ở đây sự việc lại hoàn toàn khác hẳn: người ta đã chĩa súng vào tôi, bắt còng tôi, đem giam và quản thúc. Như vậy, vấn đề đã đi quá xa, còn đâu là nội bộ nữa, vì tôi đã bị coi là kẻ thù của Đảng cộng sản Việt Nam rồi kia mà! Cho nên điều chủ yếu của tôi là chờ được đưa ra tòa xét xử, xem tôi đã phạm tội gì, nặng cỡ nào với những chứng cớ chính xác của nó. Khi tôi bị bắt, không hề có lệnh của Tòa án hay Viện kiểm sát. Hơn nữa, đã trên hai năm bị quản thúc, vấn đề của tôi chưa được phơi bày trước ánh sáng công lý. Điều đó cho thấy ở Việt Nam hiến pháp, luật pháp đã bị chà đạp đến cỡ nào.

Câu Lạc Bộ Kháng Chiến thành phố bị đàn áp. Tôi bị bắt cũng như một số anh em khác trước đó. Chúng tôi được nếm mùi còng sắt của Đảng cộng sản Việt Nam - cũng giống mùi còng sắt của Đế quốc ngày xưa - rồi bị giam, bị quản thúc, trở thành con người hoàn toàn mất tự do, cách ly với thế giới bên ngoài. Đó là điều bất hạnh.

Tuy nhiên, vì tôi đã ly khai Đảng cộng sản Việt Nam lúc tôi rời thành phố về sống ở nông thôn (21-3-1990), nên hơn lúc nào hết, về tinh thần và tư tưởng, tôi thấy mình lại hoàn toàn tự do, hoàn toàn được giải phóng. Bây giờ, trên đầu tôi, không còn bị kẹp chặt bởi cái "kềm sắt" của chủ nghĩa Mác-Lênin, của Đảng cộng sản nữa. Do đó, nó cho phép tôi dám nhìn thẳng vào sự thật và dám chỉ ra sự thật, đặc biệt trong tình hình sụp đổ của Đông Âu và sự tan rã của Liên Xô. Khác với trước đây, khi còn là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam - một thứ tù binh của Đảng - tôi chỉ biết nói và suy nghĩ theo những gì mà cấp trên nói và suy nghĩ, còn hiện nay, tôi suy nghĩ rất thoải mái, không bị một sự hạn chế nào khi tư tưởng của tôi đã thực sự được giải phóng - tư tưởng đã bay bổng. Bởi vậy, tôi tự phát hiện cho mình nhiều điều lý thú mà bạn đọc sẽ có dịp tìm thấy trong bài viết này của tôi.

Tôi làm cách mạng trên 56 năm, gia đình tôi có hai liệt sĩ: Nguyễn Văn Bảo (anh ruột) - Đại tá quân đội nhân dân Việt Nam - hy sinh ngày 9-1-1966 trong trận ném bom tấn công đầu tiên của quân xâm lược Mỹ vào Việt Nam (vào Củ Chi); Trần Thị Thiệt (vợ tôi) - cán bộ phụ nữ Sài Gòn - bị bắt và bị đánh chết tại Tổng nha cảnh sát hồi Tết Mậu Thân (1968), nhưng phải thú nhận rằng chúng tôi đã chọn sai lý tưởng: cộng sản chủ nghĩa. Bởi vì suốt hơn 60 năm trên con đường cách mạng cộng sản ấy, nhân dân Việt Nam đã chịu sự hy sinh quá lớn lao, nhưng cuối cùng chẳng được gì, đất nước vẫn nghèo nàn, lạc hậu, nhân dân không có ấm no hạnh phúc, không có dân chủ tự do. Đó là điều sỉ nhục.

Giữa tôi và bài viết của tôi là một thể thống nhất dựa trên nền tảng của cuộc cách mạng "lột xác" đã diễn ra trong đầu óc tôi. Vậy xin mời bạn hãy đọc tiếp (*). Cám ơn.

Nguyễn Hộ

(*) Toàn văn tài liệu "Quan Điểm và Cuộc Sống" của Nguyễn Hộ sẽ được nhà xuất bản TIN ấn hành trong tháng 4/94. Quý độc giả muốn có tài liệu trên xin gửi chi phiếu 50 F (40 F tiền in,10 F tiền gửi) đề "Association TIN" về địa chỉ: TIN 54, Avenue Léon Blum-92160 ANTONY - France.

Đảng và chủ nghĩa, nhìn từ bên trong

Trần minh Thảo

Lời giới thiệu của Toà Soạn: Bài dưới đây là bức thư mà ông Trần minh Thảo, một đảng viên cộng sản 49 tuổi đời, 29 tuổi đảng đã gửi cho ông Đặng Xuân Kỳ (con Trường Chinh Đặng Xuân Khu), "viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh". Thư đề ngày 1 tháng 12 năm 1993, gửi đi từ Bảo Lộc. Để nhấn mạnh góc cạnh Thông Luận định giới thiệu thư ấy, chúng tôi đã đặt cho nó đầu đề "Đảng và chủ nghĩa, nhìn từ bên trong".

Bỏ đảng, chống đảng cộng sản là những hiện tượng có tính thời sự nóng hổi và đã xảy ra dưới nhiều hình thức tùy theo các loại đảng viên. Chúng tôi chọn trường hợp Trần Minh Thảo để giới thiệu vì ông thuộc vào loại các đảng viên sinh trưởng ở miền Nam, có kiến thức trình độ đại học (về triết học, văn chương), năm 1969 đã gia nhập đảng cộng sản ở ngay trong nhà tù thời chiến tranh, vì chiến tranh. Ông đã sử dụng sự tự do của một người trí thức được đào tạo ở miền Nam để lựa chọn chủ nghĩa cộng sản mà ông coi như lý tưởng của mình. Sau 1975 "một thời gian", theo ông, tình hình thế giới và ở Việt Nam đã đưa "đất nước vào một cuộc khủng hoảng toàn diện", đưa đảng tới đổi mới và mở cửa. Ông đã bị dao động dữ dội, đã trăn trở một thời gian dài nhưng không thể ổn định được với chính mình vì không "cách nào lý giải được thực tiễn bằng học thuyết Mác-Lênin". Đã vậy, ông còn cảm thấy những sự thay đổi đang diễn ra rất phiêu lưu, "có nguy cơ giao vận mệnh đất nước, dân tộc cho ngoại nhân" . Ông đau lòng rút ra kết luận theo đó "mọi việc bắt nguồn từ chủ nghĩa Mác-Lênin và Đảng, cả thành công lẫn thất bại".

Trong tâm trạng ấy, ông đã viết lên giấy những suy tư của mình về một số vấn đề về đảng, về chủ nghĩa, về đất nước, những vấn đề ông cho là cần xem xét. Ông đã gửi lên Ban bí thư Trung ương đảng, báo Nhân Dân, tạp chí Cộng Sản, tạp chí Xây Dựng Đảng.

Chờ đợi hồi âm không thấy đến, ông chỉ đọc được trên báo hai bài lý luận quan trọng của hai nhân vật cấp cao của Viện là viện trưởng Đặng Xuân Kỳ và giáo sư Lê quang Vịnh. Rất bất mãn vì nội dung tồi dở của hai bài viết ấy chẳng những về mặt lý luận mà còn cả về mặt tình người - thiếu tự trọng, coi khinh người đọc, coi rẻ người đối thoại, chụp mũ bừa bãi - ông thấy cần phải viết một bức thư ngỏ để tóm tắt và công bố những gì ông đã gửi cho Ban bí thư Trung ương Đảng.

Chúng tôi xin để bạn đọc trực tiếp theo dõi và đánh giá các ý kiến ông Trần minh Thảo đã trình bày trong thư của ông. Tuy có thể là thừa nhưng chúng tôi muốn nhắc lại điều thông thường ai cũng biết là trách nhiệm tinh thần của bài viết đăng trên một tờ báo là trách nhiệm của tác giả, nhất là khi tác giả ấy lại ký tên thật với lý lịch, địa chỉ rõ ràng chứ không dùng bút hiệu. Chúng tôi đã đăng nguyên văn và toàn văn bức thư của ông Trần Minh Thảo vì chúng tôi thiển nghĩ đó là tiếng nói của một người trong cuộc, tuy có chỗ chủ quan - cũng là điều tự nhiên thôi - nhưng cũng có rất nhiều chỗ khách quan cho phép người đọc nhìn thấy rõ được những nét đặc biệt của các hiện tượng chống đảng, bỏ đảng ở Việt Nam so với hai loại hiện tượng này ở Đông Âu, Liên Xô cũ Trung Quốc v.v... Tiếng nói trong cuộc là một cơ sở tốt để người ngoài cuộc, nhất là những người "chống cộng", quan sát, xét đoán một cách không quá chủ quan các hiện tượng chống đảng, bỏ đảng ngõ hầu góp phần hòa bình thanh toán sớm được sự sụp đổ của cộng sản. Chúng tôi không đi sâu vào việc phê bình nội dung bức thư, chỉ xin được phép lưu ý bạn đọc rằng muốn khai thác tốt tư liệu này cần đối chiếu nó với bài viết chính ông Trần Minh Thảo đã gửi cho Ban bí thư Trung ương, hai bài viết của các ông Đặng Xuân Kỳ và Lê Quang Vịnh, điều chúng tôi không có ý định làm trong dịp này.

Mặt khác, các ý kiến của ông Trần Minh Thảo rất nhiều và súc tích nhưng rất tiếc trong thư đã không được khai triển một cách đồng đều nên thư của ông có nhiều đoạn còn sơ sài. Dầu sao, chúng tôi tin chắc rằng bất cứ ai đọc thư của ông cũng bắt gặp trong đó lòng can đảm, thái độ chính trực của một người trí thức thực sự vì dân vì nước dám trực diện với bạo lực, công khai dùng quyền tự do của mình vừa để để sửa chữa những sai lầm mà mình đã tự do mắc phạm trong việc chọn lựa và theo đuổi lý tưởng vừa để bộc trực nhưng không mềm yếu tỏ bày những ý kiến bất đồng của mình đối với Đảng. Thái độ dũng cảm ấy xuất phát từ những chọn lựa mới - ít thấy nơi người cộng sản - đã được biểu lộ qua một lập luận đanh thép, dứt khoát, lên án không khoan nhượng những sai lầm của Đảng về đủ các mặt, từ lý luận qua hành động đến nhân sự, và đặt lại nhiều vấn đề gai góc về chủ nghĩa, về Đảng.

Có một điểm trong thư của ông có thể đưa tới những ngộ nhận nên chúng tôi muốn soi sáng. Đó là đoạn nói về tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo sát mạch ý của bức thư thì đoạn này nhằm đối chiếu các ý kiến của riêng ông Trần Minh Thảo với các ý kiến của "Viện" về vấn đề gọi là "tư tưởng Hồ chí Minh". Vì vậy, nhân vật Hồ Chí Minh trong ngữ cảnh đó chỉ là một cái cớ để ông Trần Minh Thảo tranh luận với ông Đặng Xuân Kỳ về chủ nghĩa, về các khuynh hướng trong Đảng v.v...Do đó chúng tôi không có nhu cầu phải nhất thiết tham gia cuộc tranh luận mà đề tài là những vấn đề nội bộ của những người cộng sản. Nhưng nghĩ cho cùng, đoạn thư ấy có thể khiến cho bạn đọc xa gần liên tưởng tới vấn đề định công, định tội chọ người cộng sản đầu đàn Nguyễn Ái Quốc là một vấn đề vẫn còn nhức nhối.

Để rộng đường dư luận, chúng tôi xin góp ý - bên lề cuộc tranh luận - với ông Trần Minh Thảo. Một đảng viên cộng sản - còn ở trong đảng hay chống đảng hay đã bỏ đảng - trên cương vị cá nhân, có quyền ôm ấp một hình ảnh cao đẹp về người thầy tinh thần của mình huống chi người ấy còn là người đã khai sinh ra "Đảng". Ông Trần Minh Thảo ở vào trường hợp này. Nói cho

ngay, khác với nhiều đảng viên khác, ông không tiếp tục thần thánh hóa quá lố "cụ Hồ", chỉ coi "cụ Hồ" là một vị chủ tịch (của Đảng, của Nhà nước) một lãnh tụ sáng suốt, một người "yêu nước" mác xít chứ không phải một người "mác xít" yêu nước. Trong thâm tâm, ông cho rằng cái chết của người lãnh tụ ấy đã làm suy yếu hẳn "lực lượng yêu nước chân chính trong Đảng" và sau 1975, nếu còn sống thì "chủ tịch Hồ Chí Minh" sẽ "thực hiện một chính sách đại đoàn kết dân tộc, sẽ thi hành "chính sách kinh tế thị trường từng bước" để tư sản dân tộc đủ sức chống đỡ với tư bản nước ngoài, sẽ chấp nhận "đa nguyên, đa đảng" để có "đối lập chính trị như Pháp hoặc Mỹ". Tóm lại, nếu "chủ tịch Hồ Chí Minh" còn sống thì Đảng sẽ không rơi vào những lỗi lầm tày trời hiện nay mà "thế lực khuynh tả hẹp hòi" trong Đảng là thủ phạm. Vì lẽ đó ông đã tách rời thần tượng của mình ra khỏi những thế lực khuynh tả ấy.

Cũng có thể là nếu còn sống người lãnh tụ cộng sản số một Nguyễn Ái Quốc chắc không phạm vào những sai lầm khuynh tả của các môn đệ của mình và đã giữ được cho đảng cộng sản khỏi lâm vào bước đường cùng hiện nay. Nhưng sự sáng suốt giả thiết ấy, nếu có thật chăng nữa, cũng không thể là một cơ sở để đặt nhân vật này lên trên mọi dị nghị công tội, như ông Trần Minh Thảo đã cố ý hoặc vô tình tạo nên một cảm tưởng như thế. Chính trị thuộc lãnh vực hành động. Xét công tội của người làm chính trị phải căn cứ vào hành động, không thể chỉ căn cứ vào giả thiết hay vào những ý định. Huống chi việc làm của đảng cộng sản Việt Nam trong đó có cả lãnh tụ lẫn đảng viên đã trực tiếp ảnh hưởng tới sinh mạng, tài sản của hàng chục triệu người. Nay không thể lý luận về lãnh tụ như chưa hề có gì xảy ra, như lãnh tụ không xa gần dính dáng gì tới biết bao nhiêu gia đình "bên ni, bên tê" đã tan nát, biết bao nhiêu người đã chết oan trong tức tưởi, đã bị giam giữ trái phép, đã bị dày xéo lên phẩm giá, danh dự v.v... Những thiệt hại như vậy, của hàng triệu nạn nhân, không thể đền bù bằng lời nói khéo "xin lỗi" suông mà phải bằng những việc làm chuộc lỗi thực sự. Nếu chỉ cần nói suông thì lấy gì để quyết đoán rằng "chủ tịch Hồ Chí Minh" yêu nước hơn một du kích xã, hơn một người lính Việt Nam Cộng Hòa, khoan nói hơn các lãnh tụ quốc gia ở miền Nam?

Đảng cộng sản Việt Nam năm1954 (Hiệp định Genève) và năm1973 (Hiệp định Paris) đã có hai cơ hội lịch sử để chuộc lỗi nghĩa là để đại đoàn kết dân tộc, dân chủ hóa đất nước, phát triển xứ sở. Nhưng đảng này đã không chuộc lỗi mà còn tri tình đi sâu hơn nữa vào con đường cũ, chia rẽ dân tộc, tiêu diệt đối lập, củng cố bằng bạo lực độc tài toàn trị hung bạo trên cả nước. Nên mới có biến cố 1975 với 19 năm đất nước tuột dốc xuống sa đọa. Khi còn sống, Nguyễn Ái Quốc chưa có được hành động chuộc lỗi nào. Khi chết đi, những người kế nghiệp không ai chuộc lỗi dùm (bằng những việc làm như ông Trần Minh Thảo đã giả thiết) lại còn gây thêm vô vàn tội ác mới nữa! Đảng cộng sản là một tổ chức tập thể nhưng có lãnh tụ độc tôn hơn cả vua chúa, công hay tội của nó đều phải có tính tập thể và phải gắn liền với lãnh tụ. Người lãnh tụ họ Nguyễn - hay họ Hồ cũng vậy - người đã đưa chủ nghiã cộng sản vào Việt Nam, đã đẻ ra đảng cộng sản Việt Nam, đã trực tiếp cầm quyền trong hơn hai thập niên, phải gánh vác chung với tất cả các đảng viên trách nhiệm đã đưa đất nước vào thảm trạng nghèo đói, lạc hậu, ngày hôm nay, tới trước đe dọa mất độc lập đang đè nặng trên dân tộc trong tương lai trước mắt. Không có lô gích nào để miễn trách cho người lãnh tụ ấy nếu muốn đặt vấn đề theo "lô gích". Điều quan niệm được là những người lãnh đạo Đảng và các đảng viên hiện nay có thể chuộc lỗi cho cựu lãnh tụ của mình bằng cách làm những gì mà chắc cựu lãnh tụ ấy thấy phải làm và có thể đã làm nếu chưa chết. Nhưng chẳng một ai trong "Đảng" hiện giờ chịu làm điều đó!

Thư của ông Trần Minh Thảo gửi ông Đặng Xuân Kỳ

Bảo Lộc ngày 1 tháng 12 năm 1993
Kính gửi Giáo sư Đặng Xuân Kỳ
Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh
(Những suy nghĩ sau khi đọc bài "Bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin" đăng trên tạp chí Cộng Sản số 11 năm 1993)

Kính thưa giáo sư,

Sau năm 1975 một thời gian, cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội thì xuất hiện những vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội hết sức nan giải. Đất nước lâm vào khủng hoảng toàn diện. Tình hình thế giới, nhất là trong khối XHCN có những đột biến. Đảng chủ trương đổi mới và mở cửa đưa đất nước ngoặt sang hướng phát triển mới. Từ đó, trong Đảng, ngoài xã hội xuất hiện nhu cầu đổi mới lý luận cho phù hợp với thực tiễn "mở cửa" cho thực tiễn phát triển đúng quy luật.

Nhu cầu ấy chậm được đáp ứng mà thực tiễn lại vận động theo những quy luật khác xa chủ nghĩa Mác-Lênin. Đất nước phát triển theo kiểu "một tiến, một lùi". Đạo đức xã hội suy đồi. Nội bộ Đảng, xã hội phân hóa do tệ thiếu dân chủ, tham nhũng, buôn lậu... Tình hình tư tưởng đảng viên diễn biến khá phức tạp.

Là một đảng viên, đã từng làm công việc tuyên truyền cách mạng trong vùng tạm chiếm ở miền nam, sau năm 1975 được phụ trách thực hiện một số công tác cụ thể của Đảng, Nhà nước ở cơ sở, tôi cũng bị "dao động" dữ dội. Sau một thời gian dài, cố gắng "tự điều chỉnh" để thích ứng, rốt cuộc tôi không cách nào lý giải được thực tiễn bằng học thuyết Mác-Lênin. Vì vậy để giữ sự trung thực, ít nhất với chính mình, tôi xin nghỉ công tác vào năm 1989, lúc vừa 44 tuổi. Tôi vẫn giữ sinh hoạt Đảng (khi tôi vào Đảng - năm1969 - lòng tôi trong sáng tự nguyện hiến đời mình cho sự nghiệp thống nhất tổ quốc, độc lập dân tộc, Việt Nam giàu mạnh không thua kém ai. Đến nay, tôi vẫn nuôi lý tưởng ấy ở trong lòng. Đấy,là Đảng của tôi).

Trong mấy năm, vừa cố giữ sinh hoạt Đảng, vừa mưu sinh, vừa trăn trở mãi về những vấn đề của đất nước, của dân tộc. Tôi vui mừng nhận thấy đất nước có đổi thay nhưng cũng rất khổ tâm khi thấy hướng của sự đổi thay ấy là rất phiêu lưu, không vững chắc và có nguy cơ giao vận mệnh đất nước, dân tộc cho ngoại nhân. Cuối cùng buộc lòng tôi phải rút ra kết luận hết sức đau lòng: Mọi việc bắt nguồn từ chủ nghĩa Mác-Lênin và Đảng, cả thành công lẫn thất bại. Xin giáo sư hẳng khoan nhét tôi vào "rọ" phản bội, đầu hàng, xu thời, theo đuổi kiếm chác. Cái "rọ" ấy tôi sẽ nói ở phần sau với một lời đề nghị chân tình đối với giáo sư.

Với suy nghĩ như vậy, tôi đã viết chúng ra để gởi lên Ban Bí

thư TƯ Đảng và Hội nghị Đảng toàn quốc. Bài viết đề cập đến một số vấn đề tôi cho là cần xem xét về quá khứ, hiện tại và hướng phát triển của đất nước. Chần chừ mãi, gần đây tôi mới quyết tâm gởi bài ấy cho Ban Bí thư Trung Ương Đảng, báo Nhân Dân, tạp chí Cộng Sản, tạp chí Xây Dựng Đảng.

Gởi bài ấy đi xong, tôi mới được đọc hai bài lý luận quan trọng, một là của giáo sư, bài kia là của giáo sư Lê Quang Vịnh.

Đọc xong hai bài viết quan trọng ấy, tôi thất vọng ghê gớm vì những vấn đề lớn lao, bức xúc của đất nước, của dân tộc cả về lý luận và thực tiễn không được đề cập đến một cách nghiêm túc, đầy đủ và hợp lý.

Mặt khác, cả hai bài viết đều có vấn đề về tình người, mang nặng tinh thần khinh thị người đọc, người đối thoại, xa lạ với chủ nghĩa Mác phần triết học. (Có dịp, tôi sẽ viết thư trao đổi với giáo sư Lê Quang Vịnh, người mà tôi từng nể trọng vì nhân phẩm và khí tiết của ông).

Không tôn trọng người khác là do thiếu lòng tự trọng. Không tôn trọng con người nói chung là không xứng đáng làm một người Mác xít vì chủ nghĩa Mác vốn có mặt rất nhân bản.

Bây giờ tôi sẽ đóng vai cái "bọn thậm chí hiểu rất ít về Mác", "những kẻ phản bội đầu hàng", "những kẻ trước đây từng đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin", "những kẻ xu thời, theo đuôi để kiếm chác". Sau đây là tóm tắt một số ý kiến chính của tôi về chủ nghĩa Mác-Lênin trong bài viết đã gởi đi cho Ban Bí thư Trung Ương Đảng:

- Phần cực tả (là phần chủ yếu) còn sai sót, trong học thuyết Mác-Lênin đã gây ra nhiều tai họa cho nhiều dân tộc khi căn cứ vào nó để định ra đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Phần học thuyết cực tả hình thành một nhóm cực tả hẹp hòi trong Đảng Cộng sản các nước. Những người ấy khi nắm quyền, khống chế những đảng viên yêu nước, thương dân, gây ra lắm điều đau khổ, oan khuất cho dân tộc, bôi lọ thanh danh của Đảng, nhiều lần suýt làm phân hóa, suy yếu lực lượng kháng chiến cứu nước, gây khó khăn cho công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất tổ quốc. Sau khi đất nước thống nhất, những người ấy đưa đất nước vào một cuộc phiêu lưu hơn mười năm, gây chia rẽ, đào sâu hận thù trong nội bộ dân tộc, gây ra biết bao đổ vỡ, ly tán, khổ đau cho hàng chục triệu người, gây chia rẽ tổn thất trong Đảng, làm cho Đảng liên tục phạm nhiều sai lầm. Họ nhân danh Đảng làm nhiều việc, định ra các chính sách đối nội, đối ngoại có hậu quả xấu khôn lường.

Giáo sư nghĩ sao về nhận định ấy? Chiếc áo nào khoác vừa nhận định ấy?

Thực ra, giáo sư thật sự biết rõ "bọn đầu hàng, phản bội, xu thời, theo đuôi kiếm chác" đang ngồi ở đâu không?

Đòn ra của giáo sư rất nặng tay, không khoan nhượng có tính chất kinh khủng như thời kỳ cải cách, đấu tố, chống xét lại ở miền Bắc hồi những năm 50-60 nhưng không trúng đích. Những kẻ mà giáo sư gọi là "bọn", "kẻ", "chúng" một cách khinh miệt và thù địch thực ra không phải là những người phê phán, chỉ ra các khiếm khuyết, sai sót trong học thuyết Mác-Lênin và những sai lầm của Đảng đã và đang xảy ra. Những người ấy được cái gì khi làm như vậy? Người Mỹ đưa họ lên làm chủ tịch nước chăng? Hay người Trung Quốc đưa họ lên làm Tổng bí thư Đảng? Thứ phương pháp luận gì chưa phân tích, chưa đưa ra chứng lý, chưa chỉ ra cho người đối thoại thấy cái sai cái đúng, hễ cứ nói khác mình thì đều cho là kẻ thù, là phản bội? Phương pháp luận ấy có tính khoa học và văn hóa không? Ngày trước, đối phương rất sợ lý lẽ của người cộng sản. Đó là khi Đảng chưa nắm được quyền. Khi người cộng sản nắm quyền thì đã có súng đạn, nhà tù, công an không cần đến lý lẽ nữa phải không?

Hay là giáo sư cho rằng những người cực tả hẹp hòi trong Đảng, trên 60 năm nắm quyền sinh quyền sát đã thành công trong việc thủ tiêu hoàn toàn lòng tự trọng, khí tiết, sự trung thực trong truyền thống tinh thần dân tộc Việt Nam, truyền thống bất khuất của nhân dân, kẻ sĩ, trí thức Việt Nam, của những người cộng sản trong sáng thủy chung thấy sai nói sai, thấy đúng nói đúng, để mặc sức mạt sát ai cũng được. Xưa nay làmchính trị mà khinh người, coi dân như cỏ rác thì có bền không? Làm chính trị như thế thì dân có hạnh phúc không, đất nước có độc lập phú cường không? Có được lòng dân không? Hay là không cần đến lòng dân nữa?

Hay giáo sư nghĩ rằng đã có chức giáo sư, ngồi ở ghế viện trưởng trở thành ủy viên trung ương, Tổng bí thư, chủ tịch nước, có bạo lực trong tay thì không cần đến lý lẽ gì nữa. Lý lẽ là chỉ để dùng khi hoạt động bí mật, vận động quần chúng, đấu lý với kẻ thù. Bây giờ kẻ thù đã hết rồi. Quyền sinh quyền sát nắm trong tay thì khinh dân cũng được, nói hươu bảo vượn không gật thì bỏ tù là xong chuyện.

Tôi không đòi giáo sư một lời xin lỗi vì tôi biết đã nắm quyền ít khi người ta xin lỗi. Người duy nhất biết xin lỗi dân là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nay Chủ tịch đã mất lâu rồi.

Tôi xin hỏi giáo sư: Điều gì làm cho một dân tộc trường tồn, xét về mặt tinh thần, tư tưởng, sự phục tùng tuyệt đối hay là tinh thần bất khuất? Tôi cho rằng những người mà giáo sư gọi một cách khinh miệt là "bọn", "kẻ" xét về mặt tinh thần chính là lực lượng làm trẻ hóa đời sống của xã hội, của dân tộc. Xét lịch sử của các dân tộc, các nước thì tương lai luôn luôn thuộc về họ. Một chế độ chính trị sụp đổ trước hết vì đã tự "lão hóa", "ngu hóa". Đối lập chính trị chính là phương thức chống "lão hóa", "ngu hóa" tốt nhất cho Đảng cầm quyền. Ở đây tôi nói về mặt tinh thần của "đối lập" không nói về mặt chính trị của "đối lập".

Là một trí thức, giáo sư phải chỉ cho Đảng thấy điều ấy, phải coi sự phê phán không khoan nhượng học thuyết Mác-Lênin là cần thiết, hết sức cần thiết để chống lại sự "lão hóa", "ngu hóa" của Đảng. Tôi cho rằng trí thức của Đảng mà không dám nói với Đảng điều ấy để đến nỗi Đảng phải đi mời người ngoài về làm thầy là một sự sỉ nhục muôn đời chưa từng có cho riêng trí thức, cho cả dân tộc. Giáo sư có thấy nhục không? Đảng làm thế nào mà trí thức Việt Nam ngu đi, không đủ sức làm thầy cho mình thì tội ấy thuộc về Đảng. Ngày nay Đảng đang có "nhà tù" bịt miệng được một lúc, hay Đảng đang bị "lão hóa" mà có chí muốn trường tồn cùng lịch sử dân tộc, đứng ngoài cả quy luật tiến hóa ư?

Tôi cho rằng Việt Nam và Trung Quốc hết sức may mắn vì sớm nhận ra "những hạn chế chết người" của chủ nghĩa Mác-Lênin". Nga thì tệ hơn nhiều vì thời gian "tự ngu hóa" dài hơn nhiều.

Một đường lối "chính trị lớn", nhìn xa, trông rộng coi sự ổn định chính trị là tạm thời, không tốt. Tình thế "Ổn định tĩnh" là

hết sức tồi tệ cho bất cứ xã hội nào, phải sớm thủ tiêu nó đi. Một đường lối chính trị tốt thì phải khơi dậy trong xã hội tinh thần bất khuất, tính phản kháng, tinh thần "đối lập", làm cho người dân "biết đối lập". Đó là sự "ổn định động". Một tình thế "ổn định động" sẽ đào mồ chôn cả tham nhũng, buôn lậu, Mafia, sự gian dối, tệ nạn xã hội cả tư tưởng buôn dân bán nước... làm cho xã hội thường xuyên "trang bị lại" sức sống năng động, tươi trẻ. Giáo sư có thấy khía cạnh "dốt nát" trong suy nghĩ đó không?

"Đập đầu bọn đối lập" là đồng thời đập đầu thế lực chính trị đương quyền và thủ tiêu sự tồn tại của một dân tộc với tư cách một dân tộc có chủ quyền. Các thế lực tài phiệt quốc tế rất muốn các nước chậm tiến liên tục "đập đầu bọn đối lập". Làm cho xã hội "ngoan ngoãn" là cách giao cho các thế lực tài phiệt quốc tế phần lợi nhuận lớn hơn. Khi đó - không thể có cách nói nào khác hơn - thế lực chính trị đương quyền là tay sai của ngoại bang. Giáo sư có chê sự suy luận ấy là "dốt đặc" không?

Bây giờ tôi lạm bàn đến phần nửa sau tên gọi của cơ quan giáo sư đang lãnh đạo: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một người theo chủ nghĩa yêu nước, là một người yêu nước nhiệt thành coi lợi ích độc lập dân tộc, thống nhất tổ quốc, dân giàu nước mạnh là tối cao. Chủ nghĩa Mác-Lênin là phương thức cuối cùng mà người chọn để cứu nước. Tôi cho rằng chủ tịch Hồ Chí Minh không câu nệ vào bất cứ thứ chủ nghĩa nào cả để làm cho dân giàu nước mạnh sau khi đất nước đã thống nhất, dân tộc đã độc lập. Người sẵn sàng từ bỏ bất cứ thứ chủ nghĩa nào làm cho dân nghèo đi nước yếu đi. Những nhà chính trị nhìn xa trông rộng, coi lợi ích dân tộc là tối cao đều thế cả. Lấy ba nhà nước cộng sản tiêu biểu ra làm dẫn chứng:

- Liên Xô: Lênin trước hết là một người Nga yêu nước vĩ đại. Để cứu nước Nga ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu ông dựa vào chủ nghĩa Mác, hoàn thiện chủ nghĩa ấy về lý luận. Nhưng khi thấy sự bất toàn của chủ nghĩa này lúc áp dụng vào thực tế, vì lợi ích tối cao của dân tộc nga, ông cho thực hiện chính sách kinh tế mới. Nói gì thì nói, chính sách kinh tế mới có mục đích làm cho nước Nga giàu lên. Xu hướng tả khuynh hẹp hòi trỗi dậy sau khi Lênin mất. Stalin thực hiện chủ nghĩa cộng sản nghiêng hẳn về phía tả, về chính trị dìm Liên Xô vào thời trung cổ của các tòa án dị giáo. Không thể dùng những thành tựu về vũ khí hạt nhân và công nghiệp vũ trụ để biện minh cho cái chết oan uổng của hàng triệu người Nga (Liên Xô).

Chiến thắng Đức quốc xã là chiến thắng của lòng yêu nước của nhân dân Nga chứ không phải của chủ nghĩa này trước chủ nghĩa kia dù cuộc chiến ấy do Đảng cộng sản Liên xô lãnh đạo. Đó là cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại. Dù nói Khrutsốp là xét lại thì ông ấy vẫn là một người yêu nước, vì một nước Nga giàu mạnh (Liên Xô). Ta có nói Gorbachốp và Enxin là phản bội chủ nghĩa Mác-Lênin thì đối với hai ông ấy, nước Nga vẫn là trên hết (Liên Xô).

- Trung quốc: Mao và "bè lũ bốn tên" là đại biểu xuất sắc của xu hướng tả khuynh theo kiểu nông dân trong Đảng Trung Quốc. Một thứ chủ nghĩa quốc gia tả khuynh mang màu sắc phong kiến, Đại Hán. Mao thực hiện một thứ chủ nghĩa cộng sản quốc gia, nông dân, phong kiến kiểu "Tần Thủy Hoàng hiện đại" làm chết hàng triệu người, làm cho Trung Quốc khốn đốn. Vũ khí hạt nhân và công nghiệp vũ trụ cũng không chứng tỏ thứ chủ nghĩa độc địa đó là đúng đắn. Lưu Thiếu Kỳ, Bành Đức Hoài, Chu Ân Lai... là đại biểu của khuynh hướng "lợi ích dân tộc" mà Đặng tiểu Bình là đại biểu xuất sắc nhất. Trung Quốc giàu lên không phải do chủ nghĩa Mác-Lênin mà chính là do chủ nghĩa "mèo trắng, mèo đen..." của Đặng Tiểu Bình.

Đặng tiểu Bình là nhà chính trị yêu nước kiệt xuất của nhân dân Trung Quốc. Chủ nghĩa Mác-Lênin kiểu Trung Quốc là thứ chủ nghĩa gì? Theo tôi, đó là tên gọi khác của chủ nghĩa yêu nước Đại Hán. Đấy là một thứ chủ nghĩa hết sức "bá đạo" đối với các nước nhỏ chung quanh. Trung Quốc mà "dân chủ đa đảng" thì có lợi hơn cho các nước nhỏ.

- Việt Nam: Chủ tịch Hồ Chí Minh trước hết, trên hết và cuối cùng là một người yêu nước (mác xít), không phải là người Mác-xít (yêu nước). Tôi cho là một người Mác xít càng trung kiên thì càng ít yêu nước. Những người ấy hình thành nhóm tả khuynh cực đoan, hẹp hòi trong Đảng. Nhóm cực đoan ấy nhiều lần lũng đoạn Đảng, nhiều lần gây ra thảm họa cho dân tộc, gây ra nguy cơ làm phân hóa, suy yếu lực lượng kháng chiến cứu nước. Vì vậy công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những đảng viên yêu nước chân chính trong Đảng là hết sức lớn. Chủ tịch Hồ Chí Minh mất đi làm suy yếu hẳn thế lực yêu nước chân chính trong Đảng. Từ sau đó đến đầu những năm 80 thế lực tả khuynh hẹp hòi khống chế hoàn toàn công cuộc vạch ra đường lối, chính sách trong Đảng. Đất nước nghèo đói, chia rẽ, dân tộc ly tán, hận thù cũng do đó mà ra. Tôi cho rằng giữa những năm 80 cho đến nay, thế lực tả khuynh hẹp hòi trong Đảng cũng bớt tả đi nhiều. Sự bất nhất, ngập ngừng trong các chính sách đối nội, đối ngoại cho biết điều ấy. Việc không đi hẳn theo hướng "dân tộc" (không phải là chủng tộc) đã xuất hiện những dấu hiệu rất xấu.

Nếu Chủ tịch Hồ Chí Minh còn sống đến sau 1975, người sẽ làm gì? Một người Mỹ mà tôi không nhớ tên đoán mò là Hồ chủ tịch sẽ không chủ trương kinh tế thị trường. Tôi cho là không đúng. Tôi tin chắc là sau khi Mao chết, trước một vài năm sau khi Đặng tiểu Bình nói đến "mèo trắng, mèo đen... "thì Việt Nam đã "mèo trắng; mèo đen" rồi. Sau chiến thắng 75 một chủ trương như thế là phù hợp cho "cá tính lớn" như Chủ tịch Hồ Chí Minh hoặc Đặng tiểu Bình. Tôi hình dung là Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ thực hiện một chính sách đại đoàn kết dân tộc, xóa bỏ hận thù, không phân biệt đối xử, trọng dụng những người có thực tài của chế độ cũ. Về kinh tế là một chính sách kinh tế thị trường từng bước, khoảng sau 85 thì nhanh hơn. Chính sách ấy ưu tiên cho tư sản dân tộc đủ điều kiện để tập trung tư bản lớn lao đủ sức chống đỡ với tư bản nước ngoài (kèm theo một hệ thống pháp luật đủ và các chính sách xã hội phát huy mặt tốt và hạn chế mặt xấu của thành động tập trung tư bản ấy). Về đối ngoại là một chính sách trung lập tích cực thiên tả cho đến khi kết thúc chiến tranh lạnh. Đối với Trung Quốc là một chính sách thân thiện, bình đẳng không nhượng bộ. Về cái gọi là "đa nguyên, đa đảng" khi ấy đã có sẵn và Hồ chủ tịch sẽ hướng "đối lập chính trị" như Pháp hoặc Mỹ. Tôi cho là uy tín của Đảng lúc ấy thật lớn lao, không có bất cứ sự xáo trộn nào xảy ra (những xáo trộn lẻ tẻ chắc là có).

Trong bài viết tôi gửi đến Ban Bí Thư Trung Ương tôi có nói rằng chính sách đổi mới ngập ngừng hiện nay là con đường dẫn đến mất nước về thực chất. Tại sao?

Tôi gọi đường lối, chính sách đổi mới, mở cửa, kinh tế thị

trường hiện nay là "Bàn tiệc Damoclès". Mọi người trong và ngoài nước được mời đến dự buổi tiệc làm giàu nhưng trên mỗi chỗ ngồi treo lủng lẳng, mong manh lưỡi gươm "Mác-Lênin" sáng loáng không biết rơi xuống lúc nào.

Có điều gươm ấy chỉ rơi được trên đầu tư sản dân tộc, không dám rơi trên đầu tư sản nước ngoài (phần lớn là tư sản người Hoa).

Đấy là đường lối, chính sách cho phép tư sản nước ngoài thu lợi nhuận lớn mà chẳng sợ gì cả, hạn chế tối đa hành động tập trung tư bản của tư sản dân tộc. Có hiện tượng cho thấy để tránh lưỡi gươm "Mác-Lênin" rơi bất tử, một số nhà tư sản cấu kết với tham nhũngcấp cao đã mở những tài khoản mật ở nước ngoài. Ở thành phố Hồ Chí Minh người ta công khai nói điều ấy. Thế là Việt Nam nghèo vẫn hoàn nghèo.

Sự ngập ngừng ấy cứ kéo dài - không một ai trong ban lãnh đạo đất nước quyết định về đường lối - là do đâu?

Tôi cho lỗi ấy trước hết do công tác lý luận, do Ban văn hóa tư tưởng trung ương ngập ngừng sợ trách nhiệm nhưng trực tiếp là do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, do giáo sư viện trưởng không đủ can đảm nói thẳng với Đảng. Sự ngập ngừng còn kéo dài, bao nhiêu tư bản đi vào đều tái xuất ra nước ngoài, người Việt Nam chỉ còn là người làm thuê ăn lương là tội nặng của Viện Mác-Lênin.

Thực tiễn đất nước phát triển từng ngày có mặt phát triển hết sức nguy hại vậy mà công tác lý luận vẫn chưa xong, điểm nào còn phát huy được trong chủ nghĩa ấy cũng chưa nói được, mà có người nói lên - có thể có chỗ chưa đúng - thì giáo sư buộc cho cái tội "tru di tam tộc - là địch, là kẻ thù. Ai không biết người cộng sản xưa nay đối xử với địch, với kẻ thù như thế nào. Không trách gì các Đảng Cộng sản khi nghiêng về tả thì khinh miệt trí thức ra mặt.

Tôi nói lại ý này: Đường lối, chính sách hiện nay không tạo điều kiện cho tư sản dân tộc tập trung tư bản đủ sức làm ăn nghiêng ngửa với người ta. Cứ giàu sàn sàn thì dân tộc việt Nam cứ mãi bò lê dưới chân người, lấy đâu ra rồng với cọp. Mục tiêu dân giàu nước mạnh khó mà với tới.

Để kết thúc thư này, do tài hèn trí mọn, ếch ngồi đáy giếng, có mấy vấn đề nông cạn nêu ra, kính mong giáo sư hết lòng chỉ giáo:

1. Mác giải thích giá trị thặng dư như vậy có đúng không? Ngày nay giải thích bóc lột như thế nào? Đảng viên làm kinh tế tư, trở thành ông chủ, thu lợi nhuận có phải đang tiến hành bóc lột không?

2. Phải hiểu thế nào về đấu tranh giai cấp? Ngày nay tạm hoãn hay nên vĩnh viễn thủ tiêu học thuyết đấu tranh giai cấp? Nếu phải tái diễn thì phương thức đấu tranh ra sao?

3. Ở Việt Nam hiện nay có vấn đề giai cấp không? Đảng viên cộng sản xếp vào giai cấp nào? nếu đảng viên xếp vào hai ba giai cấp thì phương thức đấu tranh ra làm sao? Cục diện của Đảng, của dân tộc trong và sau cuộc đấu tranh ấy như thế nào?

4. Đảng và vấn đề tính Đảng hiện nay phải hiểu như thế nào?

5. Chủ nghĩa Mác-Lênin đổi mới giải thích vấn đề "đối lập" như thế nào? Chuyên chính với giai cấp nào?

6. Có người nói: tham nhũng chỉ là việc phân phối lại lợi nhuận xã hội. Chủ nghĩa Mác-Lênin giải thích thế nào về việc ấy? Cách thức giải quyết vấn đề ấy như thế nào?

7. Có nên coi tư tưởng yêu nước, vì lợi ích tối cao của dân tộc là tư tưởng thống soái của hệ tư tưởng Hồ Chí Minh hay không?

Cuối cùng là một câu hỏi có tính cách riêng tư, với tư tưởng mà tôi vừa trình bày tôi có còn đủ tư cách là một đảng viên nữa hay không?

Kính mong giáo sư lượng tình khi nhận được lá thư đường đột này, mong có hồi âm.

Trân trọng,
Trần Minh Thảo

Lý lịch người viết: Trần minh Thảo, sinh năm 1945, tham gia phong trào đô thị năm 1964, vào đảng tại nhà lao Thừa Phủ năm 1969, tốt nghiệp Đại học sư phạm và các chứng chỉ triết, văn chương Việt Nam tại Huế. Trước 1975 dạy học, sau 1975 viên chức nhà nước, xin nghỉ hưu năm 1989. Trước và sau 75 có viết văn, viết báo các bút hiệu: Trần Hồng Quang, Hồng Hữu, Việt, Minh Thảo trên các tạp chí, báo ngày ở Huế và Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh). Chỗ ở hiện nay: 154 đường 28/3 khu phố 1, thị trấn B'lao, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Đón đọc

Mẹ đâu ngờ

Thơ của Bùi Minh Quốc

"Như mọi người Việt Nam yêu đất nước, yêu tự do, tôi đã hiến dâng tuổi trẻ cho cuộc chiến đấu đẫm máu của nhân dân mình để giành Độc Lập cho dân tộc và Tự Do cho mỗi con người.
Độc Lập đã có nhưng Tự Do thì chưa.
Những dòng chữ này là chút của riêng còm cõi mà người viết tự trang bị cho mình vào tuổi ngoài 50, và hy vọng được góp vào hành trang của nhân dân mình, trên hành trình khổ ải giành Tự Do"

Bùi minh Quốc

Tập thơ gồm 48 trang. Giá 40 FF (+10 FF cước phí)
Nhà xuất bản TIN, 54, avenue Léon Blum
92160, Antony. Chi phiếu đề "Association TIN"

Họp thân hữu Thông Luận

Để đáp lại những cố gắng, thiện chí của thân hữu Thông Luận, nhất là sự hiện diện đều đặn của các bậc lão thành trên 70-80 tuổi, ban tổ chức đã cố gắng tìm phòng họp tiện nghi hơn. Sự thay đổi nơi họp đã gây nên một vài trục trặc: số người tham dự ít hơn và họp trễ hơn. Tuy nhiên, không khí sinh hoạt vẫn thân mật và sôi nổi. Cuộc thảo luận đặc sắc đã soi sáng nhiều vấn đề của đất nước.

Phần đầu của buổi họp là thảo luận về báo Thông Luận. Ông Bùi Tín nhấn mạnh đến sự gắn bó của Thông Luận với những người đấu tranh trực diện trong nước và đã làm vang tiếng nói của họ đến với mọi người. Những bài viết của Đoàn Viết Hoạt, Phạm Văn Thành, Hoàng Minh Chính đã làm cho mọi người trong và ngoài nước cũng như thế giới thấy rõ bản chất độc tài, tàn bạo và coi thường pháp luật của chế độ hiện tại. Theo ông, nhân quyền là vấn đề nhức nhối của chế độ hiện nay và cho rằng tìm cách gởi Thông Luận về nước cũng là một chiến lược đấu tranh. Ông Vũ Thiện Hân cho biết là Thông Luận luôn luôn có mặt trong nước, dù rằng gần đây các đường gởi chính thức đã bị ngăn chặn. Để Thông Luận có mặt đều đặn tại nhiều nơi, ông Hân yêu cầu các thân hữu tìm mọi cách để gởi Thông Luận về nước. Ông Trần Thanh Hiệp cho biết đã dịch giác thư của Phạm Văn Thành ra tiếng Pháp và gởi cho Văn Phòng Cao Ủy Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc. Riêng hai bản công ước: quyền công dân và quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Trung Tâm Bảo Vệ Nhân Quyền đang dịch ra tiếng Việt và sẽ phổ biến dưới dạng phụ bản Thông Luận. Ông Nguyễn Văn Ái đồng ý với những nhận định của ông Bùi Tín và thêm rằng: chúng ta không phải chỉ ủng hộ anh em trong nước mà còn phải tranh đấu cùng anh em trong nước. Chúng ta phải đóng góp vào công cuộc tìm cách giải quyết những vấn đề Việt Nam, và tìm hướng đi cho dân tộc. Ông Ái đặc biệt quan tâm đến vấn đề tư tưởng, cho rằng giới lãnh đạo già nua bất tài hiện nay vẫn nắm vận mệnh quốc gia là vì chúng ta thiếu một "lò xo tinh thần", thiếu một cơ sở tư tưởng. Ông cũng quan tâm đến "thái độ sống" và cho rằng công cuộc tranh đấu cho dân chủ đa nguyên gắn liền với sự "tự giáo dục" để sống một cách dân chủ thật sự. Ông Nguyễn Huy Bảo cũng cho rằng để đi đến dân chủ cần phải có tập quán, tính tình dân chủ và nhấn mạnh đến tinh thần đối thoại dân chủ của báo chí. Phần đầu của chương trình tiếp tục với những nhận định của thân hữu về nội dung và hình thức (cách viết) của Thông Luận.

Qua phần nhận định tình hình Việt Nam sau khi Mỹ bỏ cấm vận, ông Nguyễn Gia Kiểng, người dẫn nhập, cho rằng việc Mỹ bỏ lệnh cấm vận đã mở ra một trang sử mới thuận lợi cho Việt Nam. Tuy nhiên, sau hơn một tháng qua, biến cố này đã không gây xôn xao trong dư luận. Trên chính trường quốc tế, việc bỏ lệnh cấm vận là điều mà mọi người tin là sẽ phải đến, nên không còn là một biến cố. Còn tại Việt Nam, chính quyền cộng sản tiếp đón một cách lạnh nhạt và cấm báo chí bàn luận. Tại sao? Ông Kiểng nhận định rằng kẻ thất bại trong cuộc chiến vừa qua không phải là người Mỹ. Người Mỹ can thiệp vào Việt Nam với những mục tiêu chiến lược và họ đã đạt những mục tiêu đó. Kẻ thất bại trong cuộc chiến này là Việt Nam: con người Việt Nam và đất nước Việt Nam. Khoảng bốn triệu người Việt Nam đã thiệt mạng, hơn hai triệu thanh niên miền Bắc đã bỏ mình mà mục đích là đuổi Mỹ ra khỏi Việt Nam. Ngày nay khi chào đón Mỹ trở lại thì đảng và nhà nước cộng sản phải trả lời câu hỏi là hai triệu thanh niên đó đã chết cho cái gì?

Về tình hình Việt Nam sau khi Mỹ bỏ cấm vận, ông Kiểng đưa ra hai nhận định về kinh tế và về chính trị. Về mặt kinh tế: 1. Đầu tư nước ngoài sẽ gia tăng. 2. Người Việt Nam sẽ lạc quan hơn, tin tưởng hơn, sẽ tham gia vào việc kinh doanh tích cực hơn. Đất nước Việt Nam sẽ tránh được nguy cơ mất hoàn toàn chủ quyền kinh tế vào tay người ngoại quốc. Về mặt chính trị: 1. Sự hiện diện của Hoa Kỳ sẽ làm giảm áp lực của Trung Quốc đối với Việt Nam, điều này sẽ làm cho tiếng nói của giới canh tân mạnh hơn. 2. Các tổ chức thiện nguyện, nhân quyền, báo chí, truyền hình sẽ đến Việt Nam. Nhiều con mắt sẽ hướng về Việt Nam, sẽ đánh phá chính sách độc tài bưng bít và tiếng nói, việc làm của các phong trào đối lập sẽ được cộng đồng quốc tế biết đến nhiều hơn. 3. Các lực lượng dân chủ đối lập Việt Nam hải ngoại cũng sẽ tìm được một sinh khí mới, sẽ từ giã dĩ vãng để dồn mọi cố gắng vào mục tiêu đích thực là thiết lập dân chủ đa nguyên bằng phương thức diễn tiến hòa bình.

Tiếp theo là phần thảo luận chung, ông Hoàng Khoa Khôi tán thành việc bãi bỏ lệnh cấm vận của Mỹ vì có lợi cho công cuộc đấu tranh dân chủ và cho rằng đồng đô-la sẽ tiêu diệt đảng cộng sản. Ông Nguyễn Phi Phụng nhận định rằng đảng cộng sản lo nhiều hơn là mừng. Trong Hội nghị toàn quốc giữa hai nhiệm kỳ, đảng cộng sản đã nhận thấy bốn nguy cơ: 1. Tình trạng chậm tiến của kinh tế Việt Nam. 2. Sự cạnh tranh kinh tế càng ngày càng khốc liệt. 3. Nạn tham nhũng và buôn lậu đang hoành hành dữ dội. 4. Diễn tiến hòa bình về dân chủ. Ba nguy cơ đầu làm cho chế độ càng ngày càng suy yếu, còn nguy cơ thứ tư thì họ không tìm được phương cách nào để phòng thủ. Ông Bùi Tín cho rằng đảng cộng sản bây giờ đang mếu hơn là cười, họ rất sợ người dân đòi quyền công dân, các tổ chức thiện nguyện chất vấn về nhân quyền. Ông Nguyễn Huy Bảo nói việc bãi bỏ lệnh cấm vận là điều may mắn cho Việt Nam, nếu chúng ta bỏ lỡ cơ hội này thì e rằng không có cơ hội nào khác để xây dựng lại nước Việt Nam. Ông Bảo cho rằng Việt Nam phải quan hệ mật thiết với các nước Âu Tây để giữ thế quân bình đối với Nhật và Trung Hoa.

Cuối cùng là sinh hoạt cộng đồng hào hứng và sôi nổi. Ông Trần Thanh Hiệp nói điều hay hơn hết để cho sinh hoạt cộng đồng thành hình và phát triển là cứ sống với nhau, sinh hoạt với nhau. Buổi họp bế mạc vào hồi 19 giờ 10.

Võ Xuân Minh

Nhớ cố hương xao xuyến tấc lòng

Đặng Tiến

Chuyện **Hòn Vọng Phu** nằm trong truyền thuyết dân gian, có ghi lại ở phần phụ lục *Lĩnh Nam Chích Quái* (1), một tập truyện dân gian bằng chữ Hán, xuất hiện rất sớm, có lẽ từ thời Trần. Riêng phần phụ lục, thì người đời sau thêm thắt vào, có lẽ đầu thời Lê.

Theo truyện, núi Vọng Phu thuộc huyện Vũ Xương, ở cửa bể đạo Thuận Hóa thuộc tỉnh Quảng Trị bây giờ. Ngày xưa có hai anh em ruột, một trai một gái, làm nghề đốn củi. Một hôm, người anh lỡ tay chặt trúng phải mặt em, rồi tưởng em chết, bỏ trốn. Cô em được người cứu đem về nuôi, lớn lên lấy chồng lại kết hôn đúng ngay với anh mình. Người chồng một hôm thấy vết sẹo trên đầu vợ, khám phá ra là em mình, nhưng sợ, không dám nói ra. Anh lấy cớ đi buôn, bỏ nhà ra đi. Người vợ không rõ nguồn cơn, bế con ngày ngày trông đợi và biến thành hòn đá, được dân gian gọi là đá Vọng Phu.

Ở Việt Nam, có nhiều dấu tích như vậy. Cứ ở đâu có đá lớn mang dáng dấp mẹ bồng con là nhân dân gọi là Vọng Phu. Ở Lạng Sơn, có sự tích nàng Tô Thị vọng phu:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh

Núi Vọng Phu tại Lạng Sơn đã được Nguyễn Trãi nhắc đến trong *Dư Địa Chí* là sách ra đời từ 1438, nhưng bị đời sau thêm thắt nhiều. Riêng truyện Tô Thị, thì Nguyễn Thiên Túng người đương thời với Nguyễn Trãi, có lời giải thích sai, nhầm nàng Tô Thị Việt Nam với nàng Tô Huệ tác giả bài "Hồi Văn" bên Tàu (sử gia Hà Văn Tấn đã vạch ra nhiều điểm sai khác). (2)

Dù sao đá Vọng Phu trên đỉnh núi Tam Thanh ở Lạng Sơn cũng đã bị sét đánh, sụp đổ từ lâu. Sử sách từ thời Tự Đức đã nói rõ ràng như thế (3). Gần đây, người ta khai phá núi để lấy đá xây cất, nhưng nói rằng "phá Hòn Vọng Phu" thì không chính xác. Nghe nói có xây tượng Vọng Phu bằng vôi.

Ở Quảng Trị có câu ca dao:

Mẹ thương con ngồi cầu Ái Tử
Vợ trông chồng đứng núi Vọng Phu
Trông chồng bóng xế trăng lu...

Núi Vọng Phu này, theo sách đã dẫn, thuộc huyện Vũ Xương thời Lê, đến thời Nguyễn đổi thành Đăng Xương, nay là huyện Triệu Phong. Không rõ dáng Vọng Phu có còn không. Theo tên huyện có thể đặt truyện vào đầu thời Lê.

Tại Bình Định, trên đỉnh núi bên cửa biển Đề Gi thuộc huyện Phù Cát có hòn đá *Trông Chồng*, người địa phương cũng giải thích bằng truyền thuyết (đại khái) như đã kể, và có ghi lại trong Đại Nam Nhất Thống Chí.

Nhưng chính thức trên bản đồ địa dư, lập ra từ thời Pháp thuộc thì Hòn Vọng Phu thuộc phủ Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, giáp giới Phú Yên - thuộc tỉnh Phú Khánh ngày nay. Trên bản đồ người Pháp gọi là *La Mère et l'Enfant*, độ cao được ghi là 2022 mét.

Cảm động là hình tượng người vợ trông chồng hóa đá; còn vì sao người chồng phải ra đi và đi đâu thì ai muốn giải thích kiểu gì cũng được. Người xưa dựng truyện anh em ruột lấy nhầm nhau là để bảo vệ phong tục, đề phòng những quan hệ loạn luân - và sự việc nêu lên cũng hiếm. Đời sau cho rằng người chồng ra đi vì chinh chiến là một dự tưởng hợp lý, trên một đất nước thường xuyên bị chiến tranh suốt mấy trăm năm. Truyền thuyết Vọng Phu, từ đó mang kích thước tâm cảm và nhân đạo, dân tộc, rộng lớn hơn.

Người nới rộng kích thước tình cảm ấy là nhạc sĩ Lê Thương.

*

Lê Thương tên thật là Ngô Đình Hộ, sinh năm 1913, hiện sống tại thành phố Hồ Chí Minh, là một trong vài ba nhạc sĩ tiên phong trong trào lưu nhạc mới Việt Nam - thời đó gọi là nhạc cải cách để phân biệt với nhạc cổ truyền. Lê Thương là tác giả đầu tiên có tác phẩm được trình diễn thành công, với bài *Tiếng Đàn Trong Đêm Khuya* do ban kịch Thế Lữ trình bày tại Nhà Hát Lớn Hà Nội, đầu thu 1938. Sau đó mới đến *Con Thuyền Không Bến* của Đặng Thế Phong (1918-1942) tại hội quán Trí Tri Hà Nội, cuối thu 1938 (4). Cả hai bài hát đều là tác phẩm đầu tay. Lê Thương còn là người có công đầu trong việc phổ nhạc vào thơ: *Bông Hoa Rừng* (1941) của Thế Lữ, thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư; bài hát ngày nay còn nhiều người nghe là *Thu Trên Đảo Kinh Châu*, dựa trên một bản dịch bài Thu Dạ Lữ Hoài Ngâm của Đinh Nhật Thận. Sau đó Phạm Duy mới phổ nhạc bài *Cô Hái Mơ* (1942) của Nguyễn Bính, cũng là nhạc phẩm đầu tay. Theo Phạm Duy, Lê Thương *"là người soạn nhạc có nhiều tâm hồn thi sĩ nhất trong đám người tiên phong của nền tân nhạc. Lời ca của Lê Thương thật là vô địch, ngay từ lúc này cũng như mãi mãi về sau"* (5).

Tác phẩm nổi danh nhất của Lê Thương là ba bài **Hòn Vọng Phu** sáng tác từ 1946, muốn gọi là trường ca, truyện ca, tổ khúc gì cũng được. Lời ca đặc sắc, một phần do Lê Thương sáng tạo từ khối vốn ngữ vựng phong phú, lối kết hợp hình ảnh mới mẻ, táo bạo, và cách sử dụng âm hưởng tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm* được truyền tụng.

Đặc điểm trong nhạc phẩm là phần III, Lê Thương đã cho *Người Chinh Phu Về*, trong khi trong truyền thuyết, người chồng không trở về, và trong nguyên tác *Chinh Phụ Ngâm*, người vợ chỉ mơ ước ngày chồng về để *"giữ gìn nhau vui thuở thanh bình"*.

Dường như phần I và phần II *Ai Xuôi Vạn Lý* được sáng tác đồng thời (1946), còn phần III làm sau, vì ý thức chính trị của tác giả dường như có biến đổi. Phần I rền vang tiếng trống lệnh xuất quân, ròn rã, phấn chấn, dồn dập:

Lệnh Vua hành quân trống kêu dồn
Quan với quân lên đường
Hàng cờ theo trống dồn

Đây là khi thế những năm 1945-46 thời Nam bộ kháng chiến, thời Nam tiến, Tổng khởi nghĩa. Nhưng sang đến phần II, không khí trở nên buồn thảm, bi quan:

Có ai xuôi vạn lý
Nhắn đôi câu giúp nàng
Lấy cây hương thật quý
Thắp lên thương tiếc chàng

Thôi đứng đợi làm chi…

Lê Thương tham gia kháng chiến tại Nam Bộ, rồi về thành rất sớm (1948). Thời gian này ông đã làm bài *Bà Tư Bán Hàng*, giản dị, bình dân, nhưng có giá trị tuyên truyền cao. Phải chăng ở *Hòn Vọng Phu*, phần I và II được sáng tác tùy hứng như thơ Chính Hữu, Quang Dũng, Hoàng Cầm cùng thời. Còn phần III, *Người Chinh Phu Về*, ông đã chín muồi về ý thức chính trị:

Tiếng núi non lưu luyến tấc lòng bao nghìn năm
…
Từ bóng cây ngôi mộ bên đường
Từ mái tranh bên đình trong làng
Nguồn sử xanh âm thầm vẫn sống…

Và hơi nhạc rộn ràng, ngây ngất, mang khí thế hào hùng của đoàn quân chiến thắng:

Bóng chàng chập chùng vượt núi non cũ
với hành lương độ đường
chiếc hùng gươm danh tướng…

Tác phẩm **Hòn Vọng Phu** là một bài hát yêu nước đậm đà, sâu sắc, ca ngợi đất nước và dân tộc, nhưng vẫn không được hát tại các vùng kháng chiến như nó được phổ biến tại các thành phố. Trước hết vì cá nhân tác giả đã bỏ kháng chiến về thành. Sau nữa, hình tượng chờ chồng hóa đá không phù hợp với biện chứng cách mạng, với hình ảnh người phụ nữ chiến đấu như những Út Sâm, Út Tịch, Bà Má Hậu Giang, Người Mẹ Cầm Súng, v.v… Chưa kể đến ngôn ngữ gọt rũa mượn ở Chinh Phụ Ngâm bị kết án lạc hậu, bi quan, phản chiến. Những câu *"Bên Man Khê còn tung gió bụi mịt mùng"* lấy từ Chinh Phụ Ngâm bị xem là vô ý thức vì ca ngợi Mã Viện là… kẻ thù! (điều này chính Chế Lan Viên đã viết).

Hòn Vọng Phu của Lê Thương, khúc nhạc tuyệt vời, đã vươn lên từ những khắc bạc trong cuộc sống, những điêu linh của dân tộc. Trầm hùng, tha thiết, khi vút cao, khi sâu lắng, *Hòn Vọng Phu* là những đau thương đã thăng hoa. Trong lịch sử, chiến thắng của bên này là thất bại của bên kia; trong nghệ thuật thì khác: cái đẹp chiến thắng khổ đau - là chiến thắng của mọi người, của con người. Nghệ thuật là con người đánh ngã định mệnh.

Tìm về *Hòn Vọng Phu* là để lắng nghe những ấm lạnh, những ngọt bùi, giọt giọt chắt lọc từ cõi-người-ta u minh và bất hạnh.

Đặng Tiến
Xuân 1994

(1) Linh Nam Chích Quái, nxb Văn Hóa, 1960, Hà Nội, tr. 116. Đọc thêm
- Vũ Ngọc Phan, Truyện Cổ Việt Nam, nxb Văn Sử Địa, Hà Nội 1957, tr. 88. Sudestasie in lại, 1979, Paris, tr. 65
- Nguyễn Đổng Chi, Kho Tàng Truyện Cổ Tích Việt Nam, tái bản 1993, nxb Văn Nghệ TPHCM, cuốn I, tr. 182.
- Hữu Ngọc và Françoise Corrèze, Anthologie de la Littérature Populaire Vietnamienne, nxb l'Harmattan, 1982, Paris, tr. 136 có ghi các dị bản
(2) Nguyễn Trãi Toàn Tập, nxb Khoa Học Xã Hội, 1976, Hà Nội, tr. 209, 239 và 651
(3) Đại Nam Nhất Thống Chí, cuốn 4, nxb Khoa Học Xã Hội, 1971, Hà Nội, tr. 361
(4) Nguyễn Văn Tý, Kỷ niệm vui đời nhạc sĩ, nxb TPHCM, 1993, tr. 120
(5) Phạm Duy, tạp chí Văn Học, California, số 2, tháng 3-1986, tr. 80. Đọc thêm Hồi Ký II (1990) chương 20 và Hồi Ký III (1991), chương 2.

Về cuốn "Tự vị tiếng Việt Miền Nam".

LTS. Chúng tôi xin đăng lại nguyên văn dưới đây lá thư của học giả Vương hồng Sển, gửi báo Thanh Niên và đã được đăng trên trang 3, số báo ngày 8/3/1993. Trách nhiệm của Nhà xuất bản Văn Hóa về việc này nhắc nhở chúng ta rằng việc bảo vệ bằng pháp luật, quyền lợi về tác phẩm của các văn, nghệ sĩ, học giả…là một điều phải làm không những ở Việt Nam mà còn ở ngay cả trong cộng đồng người Việt hải ngoại.

Báo Thanh Niên số 23 ngày 1/3/1994, ở trang 4 có bài giới thiệu quyển "Tự vị tiếng Việt Miền Nam" rằng sách ấy do tôi là soạn giả. Ông Nguyễn Thanh Lời (tôi chưa quen) đã quảng cáo cho tôi, đáng lẽ tôi cảm ơn mới phải.Nhưng hiện giờ, tôi không nhìn nhận cuốn "Tự vị" ấy là của tôi biên soạn.

Sự thật tôi có làm hơn hai ngàn thẻ và giao cho một bạn nhỏ lo về sắp xếp để in thành sách. Nhưng khi in xong, tôi được một cuốn duy nhất, chưa lãnh một xu nào, và khi đọc thì biết sách này in rất sai ý tôi. Cho nên tôi không nhìn nhận sách là con đẻ của tôi, và mặc nhiên, ai mua mất tiền ráng chịu.

Lẽ khác là trong bài tự ngôn, nơi trang 7 cuốn in rồi, bản thảo tôi trối nhờ một bạn nhỏ "tìm kiếm và bổ túc", nhưng trong sách đã in có đến hai người làm việc này, nay tôi không nhận là soạn giả, có lẽ nhà xuất tiền in sẽ truy xét, và chuyện gì xảy ra về sau, tôi không có trách nhiệm. Tuy nhiên tôi tự lấy làm tiếc vì đã làm cho người bạn nhỏ tôi có cảm tình, bỗng bị liên can vào vụ này.

Điều quan trọng lớn nhất là tôi đã tốn gần một trăm băng ruban đánh máy trên thẻ rời bristol, rồi khi in không giao morasse cho tôi đọc và duyệt, (tiện đây xin Nhà Xuất Bản Văn Hóa vui lòng trả đủ những thẻ ấy lại cho tôi, tôi xin đa tạ), tuy không thấy mặt thẻ nhưng hiện tôi thấy sách có hơn hai trăm lỗi, in sai, mà Tự vị hay Tự điển thì không được sai. Ví dụ như:

- Nơi trang 12 có hai lỗi là "Arroyo de la poste (kinh Vũng Gù), tôi viết dài 28 kilomét, nhưng nơi cột một dưới đếm lên, in 20 kilomètres và qua cột hai hàng 14, in 28 kilomètres. Tiện đây tôi xin nói: Nhan đề sách, tôi chọn "Tiếng nói Miền Nam" nhà in đã in thành Tiếng Việt…theo tôi Arroyo de la Poste đâu phải là tiếng Việt…
- Qua trang 336, hàng 3 dưới đếm lên, loutres (con rái) in ra coutres.
- Tr. 368, hàng dưới chót cột 1, "située" in ra là "situtée" (về hai lỗi này, tôi có trách người bạn nhỏ, thì bạn nói "có sửa nhưng nhà in bất chấp")
- Tr.87 cột 2, tôi viết "me an che" là tiếng cơ-me (me an là con gà, me an che là gà đẻ ăn thịt, trong sách in ra và bỏ dấu "Mé ăn chè" (khi người mua sách là cơ me, làm sao hiểu? Thà chửi cha tôi, tôi ít giận hơn…).
- Tr.151, cột 2h.18, tôi viết "cá bông" in ra "cái bông".
- Tr. 674, cột 2 in dư bốn hàng rưỡi, in làm hai lần là làm việc cẩu thả…

Nói tắt lại thà tôi bỏ mất tiền trước tác và xin nói riêng với chư quân tử đã lỡ mua sách tiện đây xin thưa cuốn "Khảo về đồ sứ cổ men lam Huế" đã bày bán từ tháng 10 / 1993 vẫn chưa tính gì với tôi và sách này cũng in sai khá nhiều (Tr. mở đầu aimons viết thành saimon). Tôi cũng không nhận là đúng của tôi mang nặng đẻ đau biên soạn với chút công phu, nay đã thành trò cười trong văn giới và "âu cũng là số kiếp". Nếu chưa chết, tôi sẽ viết một cuốn "chỉnh lý" sửa sai và bán cho những ai thương tình và tôi không đề giá bán.

Vương Hồng Sển

Đọc sách

Tây Sương Ký của Vương Thực Phủ Nhượng Tống dịch

Bản của nhà xuất bản Văn Học in lại 1992 có đôi chữ khác với bản in của Tân Việt 1944 ! Xin nêu một ví dụ ở trương XVIII, hàng thứ 5, trên xuống:

A. Bản của Tân Việt in: *"Thanh nhã chàng **Phan - Ngọc** chẳng như"*. Tôi đoán in sai chứ không phải lỗi người dịch. Vì không có ai tên **Ngọc** ở đây cả và câu thơ phải nghỉ hơi sau chữ Phan. Có lẽ Nhượng Tống dịch: *"Thanh nhã chàng Phan ngọc chẳng như"*. Nguyên văn chữ Hán chép trong **Toàn Đường Thi** là: *Thanh nhuận Phan lang ngọc bất như.*

B. Bản của Nxb Văn Học 1992 sửa (bằng tay) chữ **Ngọc** ra chữ **Nhạc**!

Vẫn biết có Phan Nhạc (247-300), nhưng nhân vật này ghép vào đây không có nghĩa. Vả lại nguyên tác của Dương Cự Nguyên cũng như bản dịch in hồi Nhượng Tống còn sống không có Phan Nhạc, hơn nữa câu thơ phải nghỉ hơi sau chữ Phan. Trái lại câu dưới có chữ Huệ in lầm ra Huê, có lẽ các ông không biết nguyên tác nên không sửa!

Tôi nghĩ nên tuyệt đối tôn trọng văn bản. Chỗ nào mình không biết, khả nghi hay thấy sai thì chú thích chứ không được sửa.

Tôi đọc không nhiều nhưng nếu gom góp chữ sai lại thì cũng có thể in thành tập. Xin kể thêm vài chữ nữa ở các quyển khác cho vui:

1- Câu đầu trong bài *Nhẫn Khách* của Phan Châu Trinh *"Ghẹo khách Nam quan lúc ghé thuyền"*.

Trong quyển **Thơ văn Phan Châu Trinh** (Nxb Văn Học 1983, tr. 107) các ông Huỳnh Lý và Hoàng Ngọc Phách giải nghĩa (ở cuối tr. 125): *Nam quan là ải Nam. Khách Nam quan là khách người nước Nam.*

Tôi đoán khi làm bài thơ này, chí sĩ họ Phan có liên tưởng đến bài *Tại ngục vịnh thiền* của Lạc Tân Vương đời Đường (vì hai câu đầu). Nam quan nghĩa đen là mũ người phương Nam (mũ của Chung Nghi người nước Sở). *Nam quan nghĩa bóng là người tù.*

2- Trong bài Nguyễn Khuyến khóc Dương Khuê có câu: *"Trần Phồn tháp bất hạ"*, chắc bản dịch cũ đã dịch đúng là: *"Giường kia treo cũng hững hờ"* theo điển: Trần Phồn đời Hậu Hán quý trọng một người ẩn sĩ là Từ Trĩ. Phồn dành riêng cho bạn một cái giường, lúc bạn về thì treo giường lên.

Những người không hiểu họ sửa chữ **giường** ra chữ **gương** (và có người thông thái hơn, sửa luôn chữ **treo** ra chữ **soi**). Cả đến kẻ có chữ nghĩa như Văn Tân cũng chép **gương** (**Nguyễn Khuyến**, Nxb Văn Sử Địa 1959, tr. 186)! May mà có Mã Giang Lân (Nxb Giáo Dục, 1993, tr. 57) trong quyển **Thơ văn Nguyễn Khuyến** chép đúng chữ **giường**.

3- Trong **Bình Ngô đại cáo**, áng văn kiệt tác của Nguyễn Trãi có câu: *"Toại sử Tuyên Đức chi giáo đồng, độc binh vô yếm; viên mệnh Thạnh Thăng chi nọa tướng, dĩ du cứu phần"* (dĩ du cứu phần là đưa **dầu** chữa cháy).

Báo nguyệt san **Europe** tháng 5.1980, số đặc biệt về Nguyễn Trãi, gần cuối trương 57, G.S. Vũ Khiêu chuyển ngữ:

"Nguyên Trai se gaussa de l'Empereur chinois en le traitant de "Gamin Thuyên (chữ Hán viết **Tuyên** - tôi chú thích) *Đức" et des généraux Liêu Thăng et Mộc Thanh en les traitant de "pauvres militaires" apportant leur tête pour éteindre un incendie".*

Có lẽ G.S. đọc bản dịch rồi lầm **dầu** ra **đầu** nên dịch là **tête** chăng?

4- **Từ điển tiếng Việt**, Nxb KHXH 1977 *(in lần thứ hai có chỉnh lý và bổ sung)*, tr. 859, giải nghĩa từ **VÔ ĐỊNH**:

VÔ ĐỊNH - *Không biết là ai: Nắm xương vô định đã cao bằng đầu* (K).

Một từ rất thông thường mà các học giả đã giải nghĩa không rõ, lại phạm thêm ba cái sai:

a/ *Đống xương*, chứ *nắm xương* thì làm sao mà *cao bằng đầu* được?

b/ *Vô Định* phải viết hoa: vì *Vô Định* là tên con sông ở tỉnh Thiểm Tây bên Tàu, nước sông lên xuống bất thường nên gọi như vậy.

c/ Các vị giảng nghĩa đen. Còn câu:

"Đống xương Vô Định đã cao bằng đầu"

trong *Kiều* là phỏng thơ Đường của Trần Đào trong bài Lũng Tây Hành:

Khả liên Vô Định hà biên cốt
Do thị xuân khuê mộng lý nhân!

nghĩa là:

Thương thay xương chất bờ Vô Định
Mà khách buồng xuân vẫn đợi chờ!

Nói chuyện này thì không bao giờ hết, nhưng phải dừng bút: vì e không đủ giấy đăng và sợ nhiều người trách.

Tái bút:

Tam tự kinh + Tam thiên tự = Tam nguyên

Quyển **Nguyễn Khuyến** của Giang Hà Vy - Viết Linh (Nxb Văn Hóa 1987, trương 11) có đoạn viết:

*"... Quyển **Tam tự kinh**, thầy đồ Huy giao Thắng* học. Ba ngày sau không thấy Thắng đọc tiếp, ông gọi con đến hỏi. Ông ngạc nhiên thấy Thắng cất giọng: Thiên - trời, địa - đất, cử - cất, tồn - còn..., đến hết không sai sót một chữ nào."*

Chuyện quý vị kể thật thú vị nhưng khó tin lắm. Bởi vì *Thiên - trời, địa - đất,...* là đầu quyển **Tam thiên tự** chứ không phải **Tam tự kinh**. Đầu quyển **Tam tự kinh** là *Nhân chi sơ, tính bản thiện,...* Những câu vỡ lòng này thời phong kiến đến người không biết chữ cũng phân biệt được, lẽ nào cha con cụ Tam nguyên lại lầm đến như vậy? Có lẽ hai học giả **nghe** lầm rồi chép sai chăng?

Nguyễn Hữu Thành
Paris, tháng 2.1994

* **Thắng** là tên Nguyễn Khuyến do ông ngoại đặt lúc mới sinh.

Nội dung hai quyết định của chính quyền cộng sản quản chế ông Nguyễn Hộ

Trần thanh Hiệp

Dưới đây dựa vào nguồn tin Thông Luận tôi xin trích dẫn hai đoạn chủ văn của hai "Quyết định" của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ chí Minh ra ngày 5-3-94 "cấm cư trú" và "quản chế" ông Nguyễn văn Hộ. Xin nói rõ thêm là nguồn tin Thông Luận dựa vào 2 văn bản chính, đánh bằng máy chữ của ủy ban, gửi từ Việt Nam qua.

Cả hai "Quyết định" đều mang số 01/QĐ-UB và do ông Trương Tấn Sang ký với tư cách Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố. "Quyết định" thứ nhất buộc "công dân" Nguyễn Văn Hộ phải "rời khỏi nơi cư trú số 11 Trần Quốc Thảo, phường 6, quận 3, T.P. Hồ Chí Minh" và phải "đến ở tại Huyện Thủ đức-TP/HCM. Vẫn theo văn bản này, ông Nguyễn Văn Hộ phải"chấp hành nghiêm chỉnh các qui định về cấm cư trú, khi nào rời khỏi nơi cư trú mới, phải được phép của Công an TP. Hồ Chí Minh". Công an thành phố có trách nhiệm thi hành quyết định này mà hiệu lực bắt đầu từ ngày ký (5-3-94).

Quyết định thứ hai, cùng ngày ký, cùng số với quyết định nói trên " phạt quản chế công dân Nguyễn Văn Hộ ...trong thời hạn một năm kể từ ngày ký quyết định này". Trong thời hạn quản chế, đương sự "phải tuân theo các qui định của Nhà nước và các qui định của chính quyền địa phương, chỉ được đi lại trong phạm vi qui định, muốn ra ngoài phạm vi phải được công an thành phố cho phép, không được tiếp xúc với thân nhân và người khác nếu không có lệnh của công an quản chế tại chỗ". Văn bản này còn xác định thêm là ông Nguyễn Văn Hộ "bị hạn chế một số quyền công dân trong thời gian quản chế". Sau hết là khoản "giao cho Giám đốc công an thành phố tổ chức thi hành việc quản chế".

Trong một dịp khác, tôi sẽ nhận định đi vào chi tiết về tính chất bất hợp pháp rõ rệt của hai quyết định ngày 5-3-94 của UBND TP/HCM cấm cư trú và quản chế ông Nguyễn Văn Hộ. Lúc này và ở đây, tôi cần nhấn mạnh ngay rằng thêm một lần nữa, về mặt pháp lý, nhà cầm quyền cộng sản đã tự tố cáo qua những bằng cớ cụ thể do chính họ trưng ra là trái với những điều họ đang ra sức tuyên truyền, họ vẫn coi thường luật pháp, coi rẻ tự do của công dân, xâm phạm trầm trọng những nhân quyền cơ bản. Thật vậy, ủy ban nhân dân thành phố HCM đã dựa vào những bản văn thời đảng cộng sản còn ở trong "rừng" như sắc lệnh số 175/SL ngày 18-3-1953, nghị định số 298/TTO ngày 18-3-53 qui định và tổ chức thực hiện việc quản chế, những bản văn chẳng những đã lỗi thời mà còn đi ngược với tất cả những Hiến pháp được ban hành sau đó. Chính quyền cộng sản ngày nay, khác với những năm 50, đã được nhìn nhận là thành viên Liên Hiệp Quốc, đã ký vào các Công ước quốc tế về nhân quyền, đã có những cam kết ngoại giao tôn trọng nhân quyền để được hưởng những đặc ân về kinh tế, tài chính, không thể ngang nhiên chà đạp lên nhân quyền. Hướng chi mọi hành động phi pháp của họ không phải chịu một sự kiểm soát nào về mặt hợp pháp, người "công dân" nạn nhân chỉ còn cách là phải cam chịu những quyết định độc đoán với những hậu quả rất đáng sợ cho bản thân, cho gia đình mình.

Mặt khác, những lý do ủy ban hữu quan đưa ra để biện minh cho hành động xâm phạm tự do con người không thông qua xét xử của tòa án có thẩm quyền như hành động "quản chế" ông Nguyễn văn Hộ hoàn toàn chủ quan, nghĩa là vô căn cứ.

(Xem tiếp trang 29)

THỜI SỰ... TIN

Thủ tướng Thái Lan thăm viếng Việt Nam.

Trưa ngày 16-3-94, Thủ tướng Thái Lan Chual Leekpai đã tới Hà Nội, bắt đầu cuộc viếng thăm 4 ngày nước Việt Nam. Ngay chiều hôm đó, ông đã hội đàm với Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt về việc thúc đẩy quan hệ hợp tác Thái-Việt trên các mặt kinh tế, du lịch và hàng không. Theo lời ông Abhisit Vejajava, phát ngôn viên văn phòng Thủ tướng Thái Lan, cụ thể hai bên đã thảo luận về những vấn đề như đánh cá, biên giới trên biển, việc sử dụng nguồn nước của sông Mékong.

Thủ tướng Thái đã cầm đầu một phái đoàn 36 người trong đó có Phó thủ tướng Amnuay Viravan, các bộ trưởng các bộ ngoại giao, tài chính, quốc phòng Thái cùng một số doanh gia, chuyên gia Thái v.v...

Trong chương trình gặp gỡ của phái đoàn Thái, người ta thấy có dự liệu các cuộc tiếp xúc giữa ngoại trưởng Thái, ông Prasong Soonsiri và bộ trưởng ngoại giao Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm, giữa bộ trưởng quốc phòng Thái, ông Vijit Sookmark và bộ trưởng quốc phòng Việt Nam, tướng Đoàn Khuê.

Cũng chiều 16-3-94, Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương đảng CS Việt Nam Đỗ Mười đã tiếp Thủ tướng Thái. Sáng ngày hôm sau, Thủ tướng Thái đã khai mạc cuộc hội thảo về cơ hội đầu tư tại Việt Nam.

Ngày 18-3, Thủ tướng Thái đã đến thăm Saigon. Trước đó, ông có ghé thăm Huế, trao tặng ủy ban nhân dân Huế-Thừa thiên 20.000 đô la Mỹ để "tôn tạo các di tích lịch sử".

Giới thạo tin cho hay là Thái Lan thỏa thuận cung cấp tín dụng cho Việt Nam, khuyến khích các doanh nghiệp Thái đầu tư vào thị trường Việt Nam và trong tương lai, "vào thời điểm Việt Nam đã sẵn sàng", Thái Lan sẽ ủng hộ việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của khối ASEAN.

Liên Hiệp Quốc thúc dục Rangoon thiết lập dân chủ

Ủy ban nhân quyền của Liên Hiệp Quốc đã tỏ ra rất quan tâm tới tình trạng các quyền tự do bị xâm phạm trầm trọng vẫn còn kéo dài ở Miến Điện. Trong lời tố cáo của mình, ủy ban đặc biệt nhấn mạnh đến những "sự tra tấn, những cuộc hành quyết không xét xử, những lao động cưỡng bách (...), những đối xử tàn nhẫn với phụ nữ, những vụ bắt bớ vì lý do chính trị và những cuộc di dân cưỡng bách. Ủy ban đã yêu cầu giới quân phiệt hiện đang cầm quyền tại Miến Điện hãy giữ lời hứa cởi mở chế độ và đặc biệt là trả tự do cho bà Aung San Suu Ki, lãnh tụ phe đối lập mà chính quyền quân phiệt đã bắt giam từ 5 năm nay.

Quân đội hoàng gia Cam Bốt tấn công Khmer đỏ

Sau nhiều tuần lễ chuẩn bị, ngày 17-3-1994, quân đội hoàng gia đã bắt đầu tấn công vào vùng Pailin, căn cứ địa hàng đầu đồng thời cũng là vùng chiến lược của lực lượng Khmer đỏ vì gần biên giới Thái-Cam Bốt và nhất là có đá quí, nguồn lợi quan trọng của phe Pol Pot. Cuộc hành quân của quân đội hoàng gia đã huy động tới 7.000 người với yểm trợ của pháo binh, thiết giáp và trực thăng. Sau 48 giờ hành quân, lực lượng hoàng gia dường như đã tới gần Pailin là trung tâm của căn cứ. Tuy nhiên quân đội hoàng gia chưa thật sự kiểm soát được vùng này vì không đánh bật được Khơ me đỏ mà quân số lên tới 8000 người ra khỏi những đồi núi trong vùng.

THỜI SỰ...TIN TỨC...THỜI SỰ

Ngày 14 -3-1994, trong một bức thư gửi cho người cầm đầu trên danh nghĩa của Khmer đỏ là Khieu Samphan, hoàng thân Sihanouk đã tố cáo quân du kích muốn "kéo dài chiến tranh" vì đã bác bỏ các điều kiện của Phnom Penh là ngưng chiến, giải giới và giải tỏa những vùng còn do Khmer đỏ chiếm đóng.

Nhân quyền bị kẹt giữa kinh tế và chính trị

Vợ của Trịnh Thanh Hoa, một nhân vật đối lập với chế độ Bắc Kinh vừa mới bị cơ quan có thẩm quyền về ty nạn của nước Pháp (OFPRA) bác đơn xin ty nạn chính trị. Lý do, theo cơ quan này, là bà ấy không có nguy cơ đe dọa nếu sống ở Trung Quốc vì người đối lập là chồng bà chứ không phải chính bà. Được biết bà Trịnh Thanh Hoa đã chống lại quyết định trên và có lẽ đơn này sẽ được xét lại vào lúc mà thủ tướng Edouard Balladur lên đường thăm Trung Quốc. Người ta đặt dấu hỏi Pháp là nước của nhân quyền, có muốn cân nhắc để lựa chọn giữa những người dân chủ Trung Quốc và những thương gia Bắc Kinh hay không?

Căng thẳng ở Triều Tiên

Ngày thứ sáu 25-3-1994, sau Nam Triều Tiên hai ngày, Bắc Triều Tiên, đã đặt quân đội trong tình trạng báo động tối đa. Sự căng thẳng này là đỉnh cao của ván bài tay năm đã kéo dài hơn bốn tháng qua giữa một bên là Hoa Kỳ, Nam Triều Tiên, Nhật Bản và bên kia là Bắc Triều Tiên, Trung Quốc. Hơn một tháng sau khi có thỏa hiệp ngày 15-2-94 giữa Hoa Thịnh Đốn và Bình Nhưỡng nhằm để các thanh tra Cục Năng Lượng Nguyên Tử Quốc Tế (AIEA) kiểm soát những căn cứ nguyên tử của Bắc Triều Tiên bị tình nghi có ý định chế tạo bom nguyên tử, tình hình đã đột nhiên xấu đi. Các thanh tra than phiền rằng Bắc Triều Tiên đã gây trở ngại khiến họ không thi hành được nhiệm vụ kiểm soát vì vậy Cục AIEA quyết định đưa vấn đề ra trước Hội Đồng Bảo An của Liên Hiệp Quốc. Trước sự thất bại của đường lối ôn hòa mà Hoa Kỳ đã theo đuổi từ khi cuộc khủng hoảng bắt đầu (Hoa Kỳ hứa viện trợ kinh tế cho Bình Nhưỡng nếu Bình Nhưỡng chịu để cho AIEA kiểm soát), tổng thống Bill Clinton ngày 25-3-94 đã quyết định cho mang tới Nam Triều Tiên phi đạn chống hỏa tiễn Patriot và cùng với Nam Triều Tiên tiếp tục diễn tập quân sự trở lại.

Vấn đề xét ra phức tạp hơn là người ta tưởng vì thái độ của những người trong cuộc không rõ rệt. Thật vậy, một đằng tuy bị Bắc Triều Tiên đe dọa, Nam Triều Tiên không muốn chế độ Bắc Triều Tiên sụp đổ vì một cuộc thống nhất tức khắc giữa hai miền Nam Bắc chắc chắn sẽ là một gánh nặng cho miền Nam. Mặt khác, Bắc Kinh, tuy là đồng minh lâu đời của Bình Nhưỡng, nhưng lại muốn giữ độc quyền nguyên tử ở Viễn Đông, và như thế không mấy bận tâm nếu thấy người anh em bất nhất của mình phải chịu áp lực.

Thái độ mập mờ đó của Bắc Kinh đã gây nhiều thắc mắc từ khi Liên Hiệp Quốc có những vận động nhằm thuyết phục Bắc Triều Tiên chịu để cho AIEA kiểm soát. Nhưng đó chỉ là những vận động tối thiểu để Bắc Triều Tiên có đủ thời giờ thay đổi thái độ. Vì thế cho đến lúc này, vấn đề áp dụng trừng phạt kinh tế chưa được đặt ra.

Thỏa thuận miệng giữa Vatican và Hà Nội

Phái đoàn Tòa thánh Vatican, do Đức cha Claudio Celli dẫn đầu, đã đến viếng thăm Việt Nam, từ ngày 7 đến 13-3-1994, và đã hội đàm với thủ tướng Võ Văn Kiệt và trưởng Ban tôn giáo chính phủ, ông Vũ Quang.

Theo nhiều nguồn tin trùng hợp, đôi bên đã thỏa thuận miệng trên việc bổ nhiệm Đức cha Phạm Đình Tụng vào chức vị Tổng giám mục địa phận Hà Nội, Đức cha Nguyễn Như Thể vào chức vị Tổng giám mục địa phận Huế. Đức cha Nguyễn Văn Trọng được bổ nhiệm vào chức vị Phó tổng giám mục địa phận Hà Nội.

Ngoài thỏa thuận miệng kể trên, dường như đôi bên vẫn chưa tìm ra giải pháp bổ nhiệm vị Tổng giám mục địa phận Sài Gòn. Cũng theo những nguồn tin bán chính thức thì phía Việt Nam vẫn dứt khoát không chấp nhận việc Tòa thánh Vatican đề cử Đức cha Nguyễn Văn Thuận kế vị Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình vào chức Tổng giám mục Sài Gòn.

Thông Tấn Xã Việt Nam, ngày 14-3-1994, cho biết Tòa thánh Vatican sẽ chỉ lấy quyết định bổ nhiệm Tổng giám mục Sài Gòn sau khi được chính phủ Việt Nam đồng ý. Các nhà quan sát đã tỏ ra dè dặt trước nguồn tin đó và cho rằng việc này hoàn toàn trái ngược với truyền thống của Tòa thánh Vatican. Cho đến nay Vatican không hề xác nhận hay bình luận gì về nguồn tin này

Ngày 14-3-1993, phái đoàn đại diện Tòa thánh Vatican đã lên đường sang Cam-bốt (theo tin của đài RFI)

Dân vẫn không tin vào ngân hàng nhà nước

Các ngân hàng Việt Nam hiện nay đang "đau đầu" không biết làm sao huy động dân chúng bỏ vốn vào ngân hàng trong khi nguồn vốn để dành của người dân, theo ước lượng, lên đến 20 ngàn tỷ đồng, tương đương với 2 tỷ USD hay 20 triệu lượng vàng. Ở các nước tiền tiến, lương bổng, vốn liếng được gửi vào ngân hàng để tránh khỏi bị trộm cướp. Người dân chỉ dùng chi phiếu hay thẻ tín dụng trong việc tiêu dùng hàng ngày. Với tiền để dành của dân chúng, nhà nước đưa vào đầu tư cho sản xuất kinh doanh, góp phần kiến tạo xã hội.

Tại Việt Nam, người dân chưa quen sử dụng các hình thức hiện đại đó, nguyên nhân chính là chẳng ai tin vào hệ thống ngân hàng và tiền tệ của chính quyền in ra. Người ta thích để dành vàng, đô la hay các loại tài sản quí giá. Trước đây trong những năm đầu "giải phóng", mỗi lần đổi tiền, dân chúng đã "chết đi sống lại", có người sạt nghiệp dẫn đến tự sát. Ngoài ra, gửi tiền vào ngân hàng không những bị thiệt thòi khi có lạm phát hay bị lường gạt như vụ nước hoa Thanh Hương cách đây không lâu mà còn gặp nhiều rắc rối trong các thủ tục rườm rà làm mất thì giờ, và khi rút tiền người gởi tiền phải chi thêm 0,5% trên tổng trị giá số tiền muốn rút mới được nhanh chóng.

Làm sao dân chúng tin vào nhà nước khi chữ tín vẫn bị chà đạp hàng ngày?

Đảng không mừng Mỹ bỏ cấm vận

Trong nhiều năm qua, Hà Nội không ngừng tranh thủ với các nước bạn Đông Tây để làm áp lực để Mỹ bỏ cấm vận. Nhưng khi Mỹ bỏ cấm vận hồi đầu tháng 2 vừa qua, Hà Nội lại chẳng vui! Không những đảng cấm báo chí nói đến nhiều mà còn cho các nhà "tư tưởng" của đảng viết bình luận về hiểm họa diễn biến hòa bình

khi lệnh bỏ cấm vận có khả năng làm tăng thêm. Theo báo cáo chính trị tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa hai nhiệm kỳ, đảng cho biết hiện nay có bốn nguy cơ chính: "Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực hay trên thế giới do điểm xuất phát thấp lại phải đi lên môi trường cạnh tranh gay gắt; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chỉ đạo thực hiện; nạn tham nhũng và tệ quan liêu; âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch".

Ba nguy cơ đầu hầu như vô phương cứu chữa vì chính đảng sinh đẻ ra mà khả năng khắc phục gần như không có. Còn nguy cơ thứ tư phát xuất từ đòi hỏi nhân dân nên đảng cũng chưa biết đối phó ra sao. Do đó người ta không lạ là đảng lo nhiều hơn mừng sau khi được Mỹ bỏ cấm vận!

Kinh tế Việt Nam sẽ gặp khó khăn trong những năm tới?

Trong hai ba năm gần đây, kinh tế Việt Nam có nhiều triệu chứng đang lên. Tuy nhiên những chuyên viên kinh tế gia cho rằng kinh tế Việt Nam nếu không có gì thay đổi cơ bản sẽ gặp khó khăn trong những năm tới. Theo tạp chí Viễn Đông ngày 3-2-1994, thâm hụt cán cân thương mại trong năm 1993 lên đến 330 triệu USD thay vì 200 triệu như đã dự trù. Nhập cảng tăng 34% với 3,3 tỷ USD trong khi xuất cảng chỉ tăng 20% với khoảng gần 3 tỷ USD.

Thâm hụt ngân quỹ lên đến 8.700 tỷ đồng (805 triệu USD), chiếm 7% tổng sản lượng quốc nội, tỷ số khá cao so với các nước chung quanh, mặc dù thuế thu vào được có tăng lên. Số thâm hụt sẽ tăng lên 10.000 tỷ đồng trong năm 1994 trong đó 2/3 do tiền mượn ở nước ngoài. Người ta cho sự tăng trưởng về thâm hụt này là do phung phí của hai chương trình chưa cần thiết là chương trình đường dây cao thế 500kV, tốn kém lên đến 700 triệu USD và chương trình thủy điện Yali cần tới 600 triệu USD. Các kinh tế gia cho biết lẽ ra nên dùng tiền này để tái thiết hạ tầng cơ sở ở nông thôn không những đem lại nhiều công ăn việc làm cho nông dân mà còn tránh được nạn di dân từ nông thôn về thành thị kiếm ăn. Ngoài ra, Hà Nội cũng hy vọng lạm phát sẽ dưới hai số trong năm 1994 sau khi sử dụng 650 triệu USD do Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Ngân Hàng Thế Giới và Ngân Hàng Phát Triển Á châu cho vay.

Bạc tỷ = 3 chữ

Trong mục "Nói hay đừng" của tờ báo Lao Động ngày 8/3/94, anh Ba Thợ Tiện sau khi hội ý với anh Sáu Kiên Nhẫn, đã trả lời thắc mắc của anh Năm Phanh về giá trị của một tỷ đồng bạc như sau: Bạc tỷ có thể đánh giá bằng ba chữ. "Ba chữ gì? Tùy, thực tế ở mỗi nơi rất phong phú. Nhưng, phổ biến nhất có thể kể: Viết tự kiểm - Rút kinh nghiệm - Xử lý êm - Chuyển nơi khác - Kéo lên trên...và cuối cùng: Ông sống khỏe - Dân gánh nợ - Con cháu chịu...". Giỏi thật, dùng có ba chữ mà phản ánh ngay được giá trị hiện nay của bạc tỷ, chục tỷ, vài chục tỷ "thất thoát" trong các vụ làm ăn của các quan chức đảng. Anh Năm Phanh là một thường dân, đầu tắt mặt tối mới kiếm được hai ba trăm ngàn đồng để nuôi gia đình nên làm sao hiểu được giá trị của những số tiền tham nhũng gấp vạn lần lương tháng của mình! Còn với trả lời ngắn gọn của Anh Ba Thợ Tiện chắc chắn anh sẽ không còn thắc mắc gì nữa.

Tình trạng y tế tại Hà Nội

Một Việt kiều về thăm gia đình ở Hà Nội, tháng 2 vừa qua, nhân có người nhà bị tai nạn xe cộ phải đưa vào bệnh viện cấp cứu, có dịp quan sát tình trạng y tế tại một bệnh viện lớn kể lại rằng:

"...Lúc đó khoảng 1 giờ sáng, tại phòng trực, giáo sư, bác sĩ, y tá, sinh viên và bệnh nhân cấp cứu tấp nập như ban ngày... Nhìn qua phòng cấp cứu nơi người nhà đang chờ băng bó và khâu vết thương, tôi thấy chiếc ghế mổ rất dơ. Tấm vải phủ lên có nhiều lỗ thủng lớn, có nơi bị chắp vá. Tấm vải có lẽ cả chục năm trước kia màu trắng giờ ngả sang màu bao bố... Mấy phút sau một cô y tá mang đến ống chích, một tách trà nhỏ không quai đựng chất nước trong và kim chỉ... Ống chích trở màu nhựa thuốc lá và mất hết cả vạch in trên ống. Tôi nghĩ rằng chất nước trong tách trà là alcool hay một loại thuốc sát trùng để rửa ống chích và kim. Về sau mới biết đó là thuốc tê được dùng để chích trực tiếp vào bệnh nhân".

Gần hai mươi năm sau chiến tranh, nhìn tình trạng này tại một bệnh viện lớn ở thủ đô Hà Nội làm chị liên tưởng đến sự thiếu thốn khủng khiếp về y tế trong thời kỳ chiến tranh. Sau 1986, công cuộc đổi mới đã thay đổi nhiều khắp đất nước, ở Hà Nội, những biệt thự đẹp đẽ và sang trọng mọc lên như nấm bao quanh những trung tâm y tế chăm lo sức khỏe nhân dân, như bệnh viện vừa kể, vẫn ở trong tình trạng cực kỳ thiếu thốn. Điều đáng khâm phục là trong hoàn cảnh khó khăn như thế, các vị giáo sư, bác sĩ, y tá, sinh viên, mọi người đều gầy gò như suy dinh dưỡng nhưng vẫn tận tụy với công việc của mình. Cần phải làm gì để tiếp tay cho họ?

Loạn tại mỏ vàng

Khu vực mỏ vàng Hòa Hải (làng Thống Nhất, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh) vừa được khám phá đã thu hút dân cư các tỉnh Nam Hà, Ninh Bình tìm đến khai thác.

Ngày 10-1-1994, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chở gạo và thực phẩm lên cho đội công an bảo vệ khu vực mỏ bị nhiều người địa phương chặn lại, bắt trung đội trưởng và tài xế xuống đánh túi bụi, cả hai đều bị thương. Sáng hôm sau, đội bảo vệ khu mỏ cử 82 công an ra bờ sông lấy gạo liền bị hàng trăm người cầm dao, cầm gậy, cầm côn, liềm ra bao vây. Toán công an bị đoàn người nhào tới đánh đập làm 42 công an bị thương, trong đó 16 người bị thương nặng phải đưa vào bệnh viện cấp cứu.

Đây có lẽ là sự tranh chấp giữa công an bảo vệ và chính quyền địa phương về quyền lợi khai thác mỏ.

Quá nhiều vấn đề trong ngành tư pháp hiện nay ở Việt Nam

Tại Hội nghị tổng kết ngành tư pháp năm 1993 các tỉnh phía Bắc diễn ra từ 18 đến 21-3-94 vừa qua, thực trạng đội ngũ thẩm phán đương nhiệm đã được phơi bày khá trung thực: theo số liệu thống kê, hiện nay có hàng ngàn thẩm phán từ tòa án cấp tỉnh đến cấp huyện chưa đủ tiêu chuẩn về nghiệp vụ! Bộ trưởng tư pháp chính quyền cộng sản Nguyễn Đình Lộc cho biết năm nay sẽ đẩy mạnh chương trình "xây dựng và hoàn thiện" hệ thống pháp luật, quản lý tốt các tổ chức hỗ trợ tư pháp như: luật sư, công chứng,

giám định, hộ tịch v.v...rà soát và tuyển chọn để bổ nhiệm thẩm phán cấp tỉnh, huyện, chuẩn bị tuyển chọn thẩm phán kinh tế trong tòa án nhân dân tỉnh, thành phố, thẩm phán tòa án quân sự quân khu và khu vực...

Trong khi đó các vụ tham nhũng, buôn lậu vẫn tiếp tục xảy ra ngày một tăng. Theo Tòa án nhân dân tối cao, năm 1993 các tòa án cộng sản các cấp đã đưa ra xét xử 3564 bị cáo can tội tham nhũng, buôn lậu. Các tòa án này đã phải tuyên phạt 2 án tử hình, 25 án tù chung thân, 185 án tù từ 10 năm đến 20 năm về tội phạm tham nhũng, 3 án tử hình, 9 án tù chung thân, 208 án tù từ 7 năm đến 20năm về tội phạm buôn lậu.

Mặc dầu vậy, loại tội phạm này vẫn gia tăng so với năm 1992, nhất là về mặt cố ý làm trái qui định của Nhà nước.

Số liệu thống kê này cho thấy là, như vậy, nạn tham nhũng buôn lậu đã trầm trọng ở nơi những người có quyền lực vì chỉ có họ mới có thể dễ dàng bất chấp qui định của Nhà nước!

Ngoài ra, có những thẩm phán tuy "chưa đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ" mà chính quyền cộng sản vẫn công nhiên đem ra xét xử những người tranh đấu dân chủ ôn hòa như bs Nguyễn Đan Quế, gs Đoàn Viết Hoạt, ls Đoàn Thanh Liêm v.v...tuyên những án phạt tù dài hạn 20 năm, 15 năm v.v...và đưa ra những luật sư nói là để "cãi" nhưng kỳ thực là để về hùa với tòa án mà buộc tộc. Nếu không có sự dung túng của "Đảng" để đàn áp đối lập bằng mọi giá thì không thể xảy ra tình trạng coi rẻ nhân quyền như vậy được. Vậy "Đảng" - thay vì những thẩm phán thiếu tiêu chuẩn, những luật sư thiếu lương tâm nghề nghiệp - phải chịu trách nhiệm.

Sau hết, người ta còn tự hỏi tuyên nhiều án tử hình, tù chung thân, tù dài hạn nhưng nếu không thi hành án một cách nghiêm chỉnh (có nhiều vụ người bị phạt mà vẫn ở ngoài nhà tù, có người còn trốn ra được ngoại quốc) thì sao có thể bài trừ được tham nhũng và buôn lậu?

Việt Nam và quy chế tối huệ quốc

Nhà bình luận của báo Far Eastern Economic Review, ông Franck Ching nhận định vào đầu tháng ba rằng việc bãi bỏ cấm vận của Mỹ sẽ không gây ảnh hưởng đáng kể trong một tương lai gần. Các công ty Mỹ sẽ có khả năng bán cho Việt Nam nhưng nếu Việt Nam không xuất khẩu được sang Mỹ thì những dịch vụ xuất khẩu sang Việt Nam sẽ mau chóng bị hạn chế. Nếu việc bình thường hóa bang giao giữa hai nước tiếp tục, Mỹ nên chấp nhận cho Việt Nam được hưởng quy chế tối huệ quốc.

Tất nhiên nhiều nghị viên Mỹ muốn gắn liền việc hưởng quy chế này với những cố gắng về mặt nhân quyền của Việt Nam. Song, theo ông Franck Ching, làm như vậy có thể đẩy Việt Nam gần Trung Quốc hơn. Mặt khác, từ chối cho Việt Nam hưởng quy chế này chỉ kéo dài sự nghèo đói của dân Việt Nam chứ không ảnh hưởng gì đến lãnh đạo. Chính sách cởi mở của Mỹ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhân quyền hơn là một chính sách khép kín. Mối giây liên lạc thân hữu giữa Mỹ và Việt Nam càng chặt chẽ, cởi mở thì những người trong đảng chủ trương mở cửa kinh tế mạnh dạn sẽ vững thế hơn trong khi Đại hội đảng giữa kỳ vừa qua đã đưa đến sự lép vế của những thành phần này.

Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương lên tiếng

Đầu năm 1994, Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương đột ngột hưởng ứng mạnh mẽ đấu tranh chống chính quyền cộng sản.

Ngày 20-1-1994 một "Thông Cáo số 1" được Hội Đồng Trị Sự Trung Ương đưa ra. Thông cáo này ký tên ông Ngô Văn Ninh, chánh hội trưởng. Nơi xuất phát được ghi là "Văn Phòng Lưu Động số 01 tại Việt Nam". Điều này chứng tỏ ban lãnh đạo Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương đã rút vào vòng bí mật.

Ngày 2-2-1994, "Thông Cáo số 2" được lưu hành, cũng ký tên ông Ngô Văn Ninh và cũng xuất phát từ "Văn Phòng Lưu Động số 01 tại Việt nam".

Đến ngày 24-2-1994 lại có một Thông Bạch của ông Nguyễn Long Châu, kêu gọi hưởng ứng Đại Lễ Cầu Siêu. Thông Bạch này được ghi là xuất phát từ "Văn Phòng Viện Thống Lãnh Lưu Động tại Việt Nam".

Tất cả các tài liệu này đều lên án rất gay gắt chế độ cộng sản Việt Nam.Thông cáo số 1 tố cáo chính quyền cộng sản đàn áp tôn giáo và nêu danh những nạn nhân tiêu biểu nhất, trong đó có "Đức Thánh Thống Lãnh Nguyễn Long Châu", đương kim giáo chủ Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương. Thông cáo này cũng tố cáo chính quyền cộng sản đã cướp đoạt toàn bộ chùa chiền, của cải, vật dụng thờ cúng kể cả bảy viên ngọc. Thông cáo đòi đảng cộng sản hủy bỏ chế độ độc tài, tôn trọng các quyền tự do chính trị, trả tự do cho các chính trị phạm, trả ruộng đất và tài sản đã chiếm đoạt của nhân dân, trả lại chùa, nhà thờ, tài sản của các tôn giáo.Thông cáo số 2, đặc biệt gay gắt, tố cáo đảng cộng sản đã ám hại giáo chủ Huỳnh Phú Sổ. Bắt giam và đày đọa "Đức Thánh Thống Lãnh" Nguyễn Long Châu, sát hại tập thể đồng bào Hòa Hảo nhiều lần. Thông cáo gọi chính quyền cộng sản là "một chế độ hại đạo, hại dân, hại nước, chà đạp lên những sự thiêng liêng, những truyền thống của tiền nhân [...] bị dân tộc căm thù, nguyền rủa nhất".

Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương được thành lập cách đây 145 năm, vào năm 1849, do ông Đoàn Minh Huyên, Giáo tổ thứ nhất, còn được gọi là Đức Phật Thầy Tây An. Vị Giáo tổ thứ nhất này đặt tên giáo phái là "Phật Giáo Tứ Ân Bửu Sơn Kỳ Hương", ông làm giáo chủ được 7 năm và qua đời năm 1856.

Vị Giáo tổ thứ hai, không rõ tên họ, được gọi là "Đức Phật Trùm", làm giáo chủ được 7 năm, từ năm 1868 và mất năm 1875. Ông từng bị Pháp đày ra Côn Đảo.

Vị Giáo tổ thứ ba là "Đức Bổn Sư" Ngô Văn Lợi, làm giáo chủ từ năm 1891 đến 1906 thì mất.

Vị Giáo tổ thứ tư là Huỳnh Phú Sổ, làm giáo chủ năm 1939 rồi bị cộng sản bắt đem đi mất tích ngày 27-9-1947.

Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương thường chọn giáo chủ rất lâu nên giữa các vị giáo chủ thường có một thời gian khá dài. Người kế vị ông Huỳnh Phú Sổ là ông Nguyễn Long Châu, hiện còn sống và được gọi là "Đức Thánh Thống Lãnh". Ông Nguyễn Long Châu đổi tên giáo phái thành "Tổng Giáo Hội Phật Giáo Tứ Ân Việt Nam Bửu Sơn Kỳ Hương. Ông Nguyễn Long Châu đã từng bị chính quyền Ngô Đình Diệm bỏ tù. Đến năm 1977 ông lại bị chính quyền cộng sản kết tội là tình báo CIA cài lại, giam giữ ông trong vòng 11 năm và đem ông đi 32 địa điểm tại miền Nam để bêu xấu ông. Từ ngày được trả tự do đến nay không ai biết ông ở đâu. Đây là lần đầu tiên ông Nguyễn Long Châu lên tiếng từ vòng bí mật.

Tin nhân quyền Việt Nam

Nguồn tin từ Trung tâm việt nam về Nhân Quyền cho hay là hai tài liệu về nhân quyền do hai người tù chính trị hiện đang bị

giam giữ ở trong nước là Đoàn Viết Hoạt và Phạm Văn Thành gửi ra ngoại quốc đã được dịch ra ngoại ngữ (tiếng Pháp) để chuyển tới Liên Hiệp Quốc. Tưởng cũng nên nhấn mạnh rằng đây là lần đầu tiên mà Liên Hiệp Quốc có thể tiếp nhận được những tin tức do tù nhân trực tiếp cung cấp và từ nhà tù chuyển ra ngoài.

Chương trình Nhân quyền Reebok bên Mỹ đã gửi văn thư yêu cầu Trung tâm việt nam về Nhân Quyền cử ứng viên dự giải thưởng quốc tế Reebok về nhân quyền, một giải thưởng dành riêng cho nam nữ thanh niên từ 30 tuổi trở xuống đã có đóng góp đáng kể cho nhân quyền. Một trong những điều kiện khác nữa là ứng viên phải là người chưa từng tham gia bất cứ tổ chức nào chủ trương tranh đấu bạo động. Giải thưởng Reebok bắt đầu được thiết lập từ năm 1988. Hạn chót để đưa tên ứng viên là ngày 30-4-94.

Đòi bồi thường tài sản cho đồng bào hải ngoại

Theo nguồn tin của Ủy Ban Luật Gia Bảo Vệ Dân Quyền (UBLGBVDQ), luật sư Nguyễn Hữu Thống đã nhân danh ủy ban này gửi một văn thư cho tổng thống Bill Clinton nhân dịp ủy ban phát động một chiến dịch đòi bồi thường tài sản cho đồng bào hải ngoại có quốc tịch Mỹ, Pháp, Gia nã đại, Uc, đòi phóng thích tù nhân chính trị và tu sĩ tôn giáo (ngày 1 tháng 3 vừa qua). Những tài sản này gồm có nhà cửa, tiền bạc, cửa tiệm, xí nghiệp, phòng mạch, văn phòng v.v... đã bị chính quyền Hà Nội trực tiếp hay gián tiếp tước đoạt trong hay sau thời gian xuất cảnh hay vượt biên. Năm văn phòng đã được Ủy ban thiết lập tại Hoa Kỳ, Pháp, Gia nã đại và Uc để tiếp xúc với đồng bào hữu quan và thiết lập hồ sơ thương nghị hay tố tụng. Tất nhiên là những người muốn đòi tài sản đã bị tước đoạt cần xuất trình bằng cớ như chứng thư, bằng khoán v.v... về quyền sở hữu của mình.

Câu siêu cho cố giáo sư Phạm Văn Tâm tức TNS Thái Lăng Nghiêm

Ngày 5-3-94, tại chùa Khánh Anh, vùng ngoại ô Nam Paris, một lễ cầu siêu đã được tổ chức trong vòng thân tình để tưởng niệm giáo sư Phạm Văn Tâm, cựu Thượng nghị sĩ Việt Nam Cộng Hòa, tạ thế ngày 9-2-94 tại Thụy Sĩ.

Sau nghi lễ cầu siêu do Đại Đức Thích Quảng Đạo chủ lễ, ông Nguyễn Văn Thưởng, người lão đồng chí Duy Dân trên 80 tuổi của giáo sư Tâm, với giọng cảm động, đã ngỏ lời cảm ơn các đồng chí, các bè bạn, các đại diện hội đoàn đã tới tưởng niệm và tụng kinh tiếp dẫn hương linh người quá cố siêu sinh tịnh độ. Sau hết, ông Nguyễn Văn Thưởng nhường lời cho ông Trần Thanh Hiệp, với tư cách một đồng chí đồng thời còn là một nghĩa đệ của giáo sư Tâm, nói về thân thế sự nghiệp của người chiến sĩ Duy Dân ít người biết này. Ông Hiệp đã tóm lược quá trình tranh đấu gần 50 năm cho dân tộc của người quá cố, vào sinh ra tử, vào tù ra khám dưới ba chế độ, chỉ có một nguyện vọng là đem lại độc lập thực sự cho đất nước và dân chủ tự do cho đồng bào. Thời gian ông bị giam lần sau cùng, trên 10 năm tại khám Chí hòa, đã khiến cho sức khỏe ông kiệt quệ. Nhờ Hồng Thập Tự quốc tế can thiệp nên ông được trả tự do và ra khỏi nước để sống thêm 5 năm nữa. Ông từng là một yếu nhân thân cận của lãnh tụ Duy Dân, thư ký trưởng Lý Đông A. Việc lớn không thành nhưng theo ông Trần Thanh Hiệp, giáo sư Phạm Văn Tâm vẫn là một người anh hùng, có điều mấy người biết được "anh hùng khi vị ngộ"!

Bác sĩ Nguyễn Đan Quế
được giải thưởng về nhân quyền

Ông David Philips, chủ tịch Nghiã Hội Nhân Quyền Quốc Hội Mỹ (Congressional Human Rights Foundation), cho biết Nghiã Hội đã quyết định trao giải thưởng Raoul Wallenberg về Nhân Quyền cho bác sĩ Nguyễn Đan Quế vì những tranh đấu cho nhân quyền và dân chủ của ông ở Việt Nam. Buổi lễ trao giải thưởng sẽ được tổ chức vào tháng 5 tới tại thủ đô Washington, Hoa Kỳ.

Bác sĩ Quế đã bị chính quyền Hà Nội kết án 20 năm tù ở chỉ vì đã công khai viết thư ngỏ lên án chế độ độc tài và đòi hỏi dân chủ cho Việt Nam. Cách đây mấy tháng trong trại tù Xuân Lộc, trước thái độ tranh đấu cương quyết của bác sĩ Quế, công an cộng sản đã biệt giam ông và không cho phép các bạn tù khác đến thăm hỏi sức khỏe của ông. Thân nhân của bác sĩ cũng đã phải hết sức chật vật mới được phép thăm nuôi mỗi tháng một lần, mỗi lần không quá 15 phút.

Chắc chắn bác sĩ Nguyễn Đan Quế sẽ không có cơ hội nhận lãnh giải thưởng này, nhưng đó sẽ là dịp cho đông đảo các bạn bè và những người mến mộ thái độ dũng cảm của ông tiếp tục vận động dư luận thế giới và Việt Nam, buộc Hà Nội phải trả lại tự do cho ông.

Nội dung hai quyết định ... *(Tiếp trang 25)*

Để quản chế ông Nguyễn Văn Hộ, ủy ban ấy đã nại cớ đương sự đã "biên soạn, phổ biến tài liệu "có nội dung tuyên truyền xuyên tạc, chống chế độ và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam", đồng thời "gây hoài nghi chia rẽ nhân dân với các cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội".

Về điểm này, ông Nguyễn văn Hộ đã không chống "chế độ, chống Nhà nước" nói chung mà chỉ chống "chuyên chính, độc tài đảng trị" điều mà từ trong đảng tới ngoài đảng, trong nước cũng như ngoài nước ai cũng đều chống cả. Vả lại khi phổ biến tài liệu bị trách cứ, ông Hộ chỉ hành sử những nhân quyền cơ bản, phổ biến mà Nhà nước phải tôn trọng đó là các quyền tự do tư tưởng, tự do tham gia việc nước. Còn việc ông Hộ tiết lộ những chi tiết liên quan đến việc đảng cộng sản trước đây đã tàn sát những tín đồ các tôn giáo, bản thân việc làm của ông không "chia rẽ nhân dân với các cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội" mà chính việc tàn sát ấy đã chia rẽ nhân dân với đảng. Vậy nên trách cứ "Đảng" thay vì trách cứ ông Nguyễn Văn Hộ.

Sau hết, hai quyết định trong vụ Nguyễn Văn Hộ đã được cơ quan hữu trách là ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh thông tri cho Thủ tướng chính phủ, bộ Nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố, ban Dân vận trung ương, ban "nội chính" của "Đảng". Như vậy là tất cả các cơ quan có thẩm quyền đều biết rõ nội vụ từ gần một tháng nay, nhà cầm quyền cộng sản không thể đổ lỗi cho chính quyền địa phương tự động làm trái luật. Có thể nói cả Đảng lẫn chính phủ đã tri tình làm điều trái luật pháp.

Lời kêu cứu ông Nguyễn Văn Hộ đã ra tới nước ngoài. Chúng ta cần ứng cứu ông bằng cách vạch rõ trước dư luận quốc tế, đặc biệt trong địa hạt nhân quyền, tính cách bất hợp pháp của quyết định quản chế ông và tập trung yêu sách nhà cầm quyền cộng sản trước mắt phải trả tự do cho ông Nguyễn văn Hộ đồng thời phải

Trần thanh Hiệp

Cưng ơi độn thổ đi

Mục "Sổ tay" của Phu Du trên Thông Luận là mục đầu tiên tôi đọc mỗi khi có báo vì tôi thấy rất... vui. Nhưng vui nhất, có lẽ là bài vừa qua, trên số Tháng Giêng 1994.

Vào ở đoạn kể lại chuyện một cửa hàng mỹ phẩm ở Paris coi thường khách Việt Nam đến mức dành cho mẹ, chị, vợ, người yêu và em của chúng ta một khu vực riêng để mua bán ở dưới hầm, tác giả hỏi sao các bà, các cô không về đòi các "đấng lang quân" làm cho dân chóng giàu và nước chóng mạnh để tránh những sỉ nhục tương tự.

Ở cuối thế kỷ (có lẽ tại cái gọi là không khí của cuối thế kỷ chăng?), tưởng tượng cảnh anh thư nước Việt mặt mày son phấn, thúc nách các trượng phu vai rộng và râu rậm phải hữu trách thêm một tí, ắt phải buồn ...cười. Ông Mao (là một người rất thích phái nữ như những tiết lộ gần đây vừa cho ta biết) từng ví von là đàn bà chống một nửa trời. Đến ông (bà?) Phù Du thì đàn bà còn chống một nửa nạnh, một nửa bếp, một nửa phòng ngủ và một nửa bàn phấn với vai trò cao quí là thì thầm bên gối mà kích các đấng nam nhi vào con đường phải.

Tôi nghĩ rằng đóng góp vào việc xây dựng và phát triển đất nước là vai trò và trách nhiệm của mỗi người, trong trường hợp này, nữ cũng như nam, ở mọi trình độ và vị trí. Khỏi phải nói, nữ quyền, bình quyền là những vấn đề nằm trong phạm trù của đa nguyên và dân chủ mà ta hiện nay vẫn hằng nhắc nhở mỗi ngày. Tôi không hình dung ra được tương lai của một nước Việt Nam tốt đẹp nếu mẫu mực của người phụ nữ vẫn là thứ truyện Tàu ấm ớ đời Chiến Quốc với những mẹ hiền, em thảo ngồi trong xó bếp hay sau màn the khuyên chồng và dạy con.

Nhìn vào kết quả của mấy ngàn năm chế độ phụ quyền ở riêng ta, ở chỗ các bà, các cô của thí dụ trên, chắc Phù Du phải đồng ý là lời khuyên hợp lý nhất với các "đấng lang quân" (trượng phu, nam tử, v.v...) sẽ không là "anh ơi dựng nước xây nhà (sắm xe) sao được như Hồng Kông (sic), Nhật Bản (resic)" mà phải là:

"Thôi xuống hầm đi mấy cha"
Và ở dưới luôn, khỏi lên.
Xin chúc Thông Luận tiếp tục mạnh tiến.
Đỗ Kh. (Yorba Linda, Hoa Kỳ)

ủng hộ đến cùng những người đấu tranh cho dân chủ

[...] Tôi chỉ muốn ủng hộ những người đấu tranh cho dân chủ, cho quyền sống con người trên đất nước mình, chứ không có khả năng và không biết một tí gì về làm chính trị. Nói thế anh Phù Du không đồng tình lắm, nhưng tôi là như thế. Ý muốn là ủng hộ, nhưng lực bất tòng tâm thành ra lại cũng chẳng làm được gì cả mà trong lòng thì băn khoăn. Cho dù không biết gì về chính trị nhưng tôi cũng hiểu được ai đúng, ai sai, ai đáng được sự đồng tình, ai đáng bị xóa bỏ trên quê hương mình cho đất nước mình khá lên, cho con người Việt Nam không phải sống tị nạn, ăn nhờ ở độ xứ người, cho dân mình được sống tự do, dân chủ như dân các nước văn minh trên thế giới. Thế nên như trường hợp anh Đoàn Viết Hoạt, một con người đáng được bảo vệ, ủng hộ đến cùng là việc làm của những con người còn có tình yêu với xứ sở.

Hôm đến họp với Thông Luận, mặc dù các anh không đưa tôi tờ giấy ghi tên đóng góp ủng hộ cho những người đấu tranh cho dân chủ trong nước (tôi hiểu là các anh không biết tôi là người như thế nào lúc bấy giờ), nhưng tôi có nhận một tờ từ anh ngồi bên cạnh và đã gởi về Hội (Vietnam Libertés - Fondation Đoàn Viết Hoạt) với chèque 200F. Ký một chèque 200F/năm cho những người như anh Hoạt, anh Quế thì cũng thật cực chẳng đã mới làm như vậy, chẳng yên lòng đâu. Nhưng lúc đó tôi không thể làm khác được, các anh thông cảm nhé. Và hôm nay tôi lại gởi tiếp một chèque 300F nhờ các anh chuyển giúp để nói với những người đang hy sinh cuộc sống cho sự nghiệp dân chủ ở Việt Nam rằng chúng ta là những người biết ơn họ và sẽ bảo vệ, ủng hộ họ đến cùng, rằng sự hy sinh của anh Hoạt, anh Quế, của cụ Hữu Loan, nhà văn Phùng Quán, nhà thơ Bùi Minh Quốc... mỗi người một thiệt thòi riêng - và tất nhiên phải kể đến chị Trần Thị Thức nữa là không mảy may vô ích - tương lai của đất nước mình nhờ cậy ở họ. [...]

Công cuộc tranh đấu giành dân chủ cho đất nước mình vẫn còn phải tiếp tục. Đọc số báo Thông Luận vừa rồi, tôi rất vui mừng về kết quả hoạt động của Hội về số tiền tuy nhỏ bé nhưng nó giá trị tinh thần gấp bội đối với những người đang hy sinh vì tương lai dân chủ Việt Nam, đã phải chịu nhiều, quá nhiều mất mát về cuộc sống riêng tư - và tất nhiên cũng có giá trị tinh thần cho chính mỗi chúng ta. Tôi hy vọng, sau số báo vừa rồi, đội ngũ những người tình nguyện sẽ đông đảo thêm, để mỗi người một chút - góp ít thành nhiều, ủng hộ những thành viên dân chủ ở trong nước.

Tôi rất tâm đắc với Thông Luận, những bài viết rất thuyết phục, rất xác lý nếu như phổ biến được rộng rãi ở Việt Nam thì chắc là thu hút sự chú ý của người đọc lắm và người ta sẽ có thay đổi một cách nhanh chóng nhận thức có lợi cho tương lai xứ sở, cho cuộc sống của mỗi con người. [...]

Đó là vài lời tâm sự riêng với các anh, trong tình cảm của tôi đối với các anh. [...] Cuộc sống của những con người sống tha hương lúc nào cũng gian khó phải không các anh, tôi có cố gắng riêng của tôi và nếu không được tôi sẽ nhờ đến các anh có cuộc sống ở đất nước này lâu hơn tôi. Tôi biết rằng những người tha thiết với dân chủ của đất nước đã tự ý ở lại Pháp như ông Bùi Tín, giáo sư Nguyễn Bá Hào... cũng gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống lắm, hẳn là các anh cũng đã có nhiều điều chia sẻ. Tôi nghĩ rằng, có lẽ hơn ở đâu hết con người như các anh đã thể hiện "nhiễu điều phủ lấy giá gương".

Nhân dịp xuân mới, tôi gửi lời chúc tất cả các anh chị

trong ban chủ trương Thông Luận lời chúc mạnh khỏe, may mắn trong cuộc sống - và chúc cho sự nghiệp dân chủ trong nước có nhiều thuận lợi và sớm thành công, cho đất nước mình văn minh, hạnh phúc.

Phạm Thanh Trường (Tours)

In ra hàng triệu bản

Đọc Thông Luận số 68, bài của Phùng Quán viết về Nguyễn Hữu Đang, lòng tôi xót vô cùng. Phải nói là thương phục vô cùng, những con người đó. Mấy ngày nay tôi sống dật dờ, luôn luôn bị ám ảnh bởi phận đời của ông Đang và tự dưng tôi mang mặc cảm có tội vì tự nghĩ mình chưa làm được chút gì để góp phần làm sáng sủa đời sống người dân trong nước. Bài viết của Phùng Quán cần phải được in ra hàng triệu bản cho người Việt đọc, hàng triệu bản cho thế giới đọc để cho những kẻ nào còn manh tâm sâu xé thân phận Việt Nam phải cúi mặt. Sẽ không có một vinh quang nào dám ngẩng mặt khi còn những con người chịu đựng phận sống như Nguyễn Hữu Đang. Mặt tích cực của bài viết Phùng Quán là khi đất nước mình còn những nhân cách ngời sáng như Nguyễn Hữu Đang, dân tộc mình sẽ không thể mãi mãi bị dìm sâu trong vũng tăm tối như hiện nay.

Tôi hiện nay rất nghèo, nợ nần còn chồng chất. Tuy vậy tôi vẫn ước muốn chia xẻ phần nào nỗi khốn khó của ông Đang. *Thông Luận, có cách nào không, chuyển ít tiền về biếu ông Đang.* Nếu được, xin các anh *cho tôi biết ngay,* tôi sẽ gởi qua 300 USD, gởi biếu các ông Nguyễn Hữu Đang, Phùng Quán và Nguyễn Chí Thiện, mỗi người 100 USD và nếu mọi việc hạnh thông, tôi tự nguyện *mỗi tháng góp 100 USD* để gởi về.

Tôi rất kính phục sự thẳng thắn và lòng can đảm của anh Kiểng trong bài viết về vụ bắt giữ nhóm ông Nguyễn Đình Huy.

Đinh Quang Anh Thái (Hawaii)

LTS: Rất tiếc Thông Luận không có địa chỉ của Nguyễn Chí Thiện, độc giả nào có xin cung cấp cho tòa soạn để thực hiện ý tốt của Đinh Quang Anh Thái.

Hôm nay mồng 9 tháng 3

Hôm nay là ngày mồng 9 tháng 3. Bốn mươi chín năm trôi qua, kể từ ngày Nhật đảo chánh Pháp đêm 9-3-1945. Bao nhiêu cơ hội thuận tiện đưa đẩy đến cho Việt Nam, thế mà các lãnh tụ đàn anh của chúng ta đã không biết khai thác, để cho đất nước bị lôi cuốn vào trận thư hùng quốc tế, khiến Việt Nam phải trở thành con chốt thí trên bàn cờ thế giới và biến dân Việt thành nạn nhân oan nghiệt trong cuộc chiến tranh "lạnh" của người, nhưng lại sôi sục, nóng bỏng đối với dân ta! Mong sao thế hệ chúng ta và các thế hệ tiếp theo tạo được cơ hội để xóa cờ, làm lại tinh thần bao dung, đoàn kết, xây dựng đất nước trong Hòa Bình, an lạc.

Lê Doãn Kim (Rockville, Maryland)

Văn Nghệ & Dạ Vũ Mùa Xuân

Thứ bảy 23-04-1994

Salle des Fêtes de Massy - Espace Liberté
(Mairie de Massy)
1, avenue du Général de Gaulle - 91300 MASSY
RER B: Massy - Palaiseau

Quí vị đã từng nghe ban hợp xướng NGÀN THÔNG với "CON ĐƯỜNG CÁI QUAN", bản trường ca nổi tiếng của Phạm Duy

Năm nay mời quí vị gặp lại NGÀN THÔNG với những giọng ca thân quen qua liên khúc của nhạc sĩ Lê Thương:

"HÒN VỌNG PHU"

trong một chương trình văn nghệ đặc sắc

19 giờ 30	:	Gặp mặt và trò chuyện
20 giờ 30	:	Văn nghệ
22 giờ 30	:	Dạ vũ với ban nhạc sống The Time

Có phòng nhạc Rock - Disco dành riêng cho giới trẻ

Vào cửa * Người lớn
120 Francs (100 Francs nếu đặt mua trước)
* Sinh viên, học sinh :
100 Francs (80 Francs nếu đặt mua trước)

Liên lạc:

Mỹ Lan	:	69.84.82.88
Cẩm Phượng	:	60.29.05.37
Bích Đào	:	48.90.47.91
Kiều Tiên	:	69.20.23.16
Xuân Mỹ	:	46.61.22.06
Bà Trần Thanh Hiệp	:	42.49.38.92

Sổ Tay

Enjeu

Tháng Ba này tôi quả là khổ sở về ngôn ngữ.

Trước tiên là một tài liệu có đề tựa *"Nghị quyết của chính phủ về phát triển công nghiệp tin học"* ký tên ông thủ tướng Võ Văn Kiệt. Dĩ nhiên tôi không có trình độ của ông Kiệt để có thể hiểu hết một tài liệu có tính chuyên môn cao như thế. Nhưng cũng không khỏi thắc mắc. Ngôn ngữ hành chánh của Việt Nam bây giờ mới quá. Tại sao chính phủ lại ra *nghị quyết* thay vì nghị định, sắc lệnh, sắc luật, quyết định? Tôi vẫn tưởng nghị quyết là của một tổ chức, một đảng phái. Có sự lẫn lộn chăng? Hay vì đảng và chính phủ là một?

Nhưng vấn đề không phải chỉ có thế. Tôi giật mình vì một số danh từ tin học vừa được chế tạo ra cho tiếng Việt, đặc biệt là hai tiếng *"phần cứng"* và *"phần mềm"*. Đọc mãi tôi mới đoán ra phần cứng là hardware, phần mềm là software. Hard là cứng, soft là mềm. Dịch như vậy là sát nghĩa quá rồi. Không những sát nghĩa mà còn mùi mẫn và khêu gợi. Tuyệt. Theo sự hiểu biết rất sơ đẳng của tôi hardware trong tiếng Mỹ dùng để chỉ phần máy móc, dụng cụ, còn software để chỉ những gì trí tuệ con người chế tạo ra và đặt vào trí nhớ của máy để máy theo đó mà thi hành. Mỹ gọi là hardware và software là hơi ẩu. Người Pháp có lẽ chính xác hơn, họ gọi là matériel và logiciel. Tiếng Việt có thể gọi là phần máy và phần trí, hay vật liệu và trí liệu. Nhưng gọi là phần cứng và phần mềm thì quả thực xin chào thua.

Bạn có thể tưởng tượng một ông giám đốc công ty viết thư trả lời một bà đại diện cho một công ty dịch vụ tin học chung quanh việc mua bán hai software:

Thưa bà,

Phúc đáp thư bà đề nghị với chúng tôi hai phần mềm của bà, chúng tôi lấy làm tiếc là hai phần mềm của bà tuy đã gây được sự chú ý của chúng tôi nhưng sau khi thử đã không phù hợp với phần cứng của chúng tôi...

Hoặc một cuộc điện đàm:

Allô! Thưa cô Phương Lan. Chào cô. Xin báo tin mừng. Phần cứng của tôi đã sẵn sàng. Cô có thể đem phần mềm của cô cho tôi thử được rồi, nếu thỏa mãn...

Cách dịch "phần cứng", "phần mềm" xuất phát từ đâu? Có lẽ là do các chuyên gia khi chuyển âm nghĩ tới chính sách của nhà nước cứng về chính trị, mềm về kinh tế chăng? Nếu chính sách của nhà nước cũng chỉ như phần cứng của ông giám đốc và và phần mềm của cô Phương Lan thì cũng chẳng sao. Chỉ phiền là lại có khám Chí Hòa, nhà lao Xuân Phước và các tù nhân chính trị.

Tưởng thế là đủ liều lượng rồi. Ai ngờ cuối tháng đến lượt con gái tôi:

- Bố ơi enjeu là gì hở bố?
- Stake. Tôi đáp như cái máy.
- Con hỏi bố tiếng Việt chứ có hỏi tiếng Anh đâu.

Tôi ngẫn người ra. Dịch như thế nào đây. "Cuộc chơi"? Sai bét. "Giải" càng không đúng. Tôi hiểu lơ mơ enjeu có nghĩa là cái gì quan trọng nhất sẽ thực sự được hay mất, thành công hay thất bại, sẽ ngã ngũ sau cuộc chơi, cuộc đấu. Nhưng dịch thế nào đây? Tôi đành chọn thái độ cứng về tự ái quốc gia, mềm về tự ái cá nhân: "Tiếng Việt rất đầy đủ, nhưng tại kiến thức của bố kém, để bố hỏi người khác".

Người khác đây là một thằng bạn. Tôi phải hối lộ hắn một bữa ăn để xin được dạy dỗ. Hắn bảo tôi:

- Mày đừng mất thì giờ vô ích. Người Việt mình có bao giờ hiểu enjeu là cái quái gì đâu mà có tiếng để gọi. Nếu mình chịu khó suy nghĩ về enjeu của việc mình làm, *le vrai enjeu, what is really at stake...* thì đã khá rồi, đâu đến nông nỗi này. Mày thử nhìn mấy cha lãnh đạo cộng sản. Mấy cha phát động ba mươi năm chiến tranh, làm chết hàng triệu người, mà có hiểu cái enjeu của cuộc chiến tranh này là gì đâu. Nếu mấy cha ấy hiểu cái enjeu thực sự hồi đó là giải phóng đất nước và đưa đất nước tiến lên thì đã hay biết mấy. Đằng này mấy cha lại tưởng phải đấu tranh với bất cứ giá nào, tiêu diệt bất cứ ai để thiết lập chủ nghĩa Mác Lênin. Bố khỉ.

Mấy xừ chống cộng cũng thế, mấy xừ ấy cứ tưởng chống cộng là cứu cánh, là để bảo vệ thế giới tự do, đến lúc thế giới tự do cóc cần mấy xừ ấy nữa bèn quất ngựa truy phong, để mấy xừ ở lại xếp hàng đăng ký đi học tập cải tạo. Mẹ kiếp.

Bây giờ cũng vậy, enjeu thật sự của giai đoạn này là làm sao bắt tay nhau mà phấn đấu, để khỏi bị lạc hậu, để khỏi phải làm bồi cho người ngoại quốc. Nhưng mấy ông lãnh đạo nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam lại tưởng enjeu lúc này là phải chống diễn biến hòa bình, phải đập tan bọn đòi dân chủ. Tại hải ngoại cũng không khá. Các tổ chức chính trị vẫn chưa học xong chữ enjeu. Họ tưởng enjeu của mọi hoạt động là để giành nhau ngôi vị số một tại hải ngoại này. Để ăn cái giải gì?

- Như thế theo mày chẳng ai hiểu gì về enjeu cả?
- Có chứ, có bọn tệ đoan xã hội. Trong nước nó hùa theo bọn cầm quyền để làm giàu. Nó hiểu enjeu là ăn dơ, ăn bẩn. Tại hải ngoại, nó chụp mũ người này, người kia là cộng sản, là tay sai cộng sản, là trở cờ đón gió. Nó tố cáo, lên án mọi người. Tụi này hiểu enjeu của việc tụi nó làm chỉ là để đánh phá và cạnh tranh, để giành quảng cáo cho mấy tờ báo chợ của nó, để bán sách, bán băng nhạc. Nó chỉ làm thương mại. Đáng thương là mấy ông làm chính trị, cứ tưởng tụi nó tố cáo thật, cứ tưởng đồng bào tin tụi nó, rồi thanh minh thanh nga "tôi chống cộng, tôi không hòa giải hòa hợp" loạn cả lên. Tội nghiệp quá.

Phù Du

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số

(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages

91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề

VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cám ơn quý vị cổ động để phổ biến nó